

Cuộc du hành vào lòng đất – Jules Verne

Chương 1

Mở đầu câu chuyện

Chủ nhật, ngày 24 tháng 5 năm 1863, giáo sư Lidenbrockenbrock vội vã trở về ngôi nhà của ông ở số 19 đường Konigstasse, nằm trong khu phố cổ kính nhất ở thành phố Hambourg.

Trong khi ấy, Dì Marthe, người đầu bếp của chúng tôi, đang vội vã nổi lửa làm bữa ăn chiều.

- Dì Marthe này, chú tôi là người háu đói nhất hạng đấy. Ông ta về mà chưa chuẩn bị xong bữa ăn thì thế nào cũng lồi ầm ỉ lên cho xem.

- Giáo sư Lindenbrock về rồi à?

- Phải, dì Marthe ạ. – Tôi trấn an người đầu bếp đáng thương. – Nhưng dì đừng lo vì còn đến nửa giờ nữa mới đến bữa ăn chiều.

- Nhưng sao hôm nay giáo sư lại về sớm vậy hả?

- Cháu không rõ, nhưng chắc lát nữa chú sẽ nói cho chúng ta nghe chứ gì.

- Thật khổ! – Dì Marthe kêu lên. – Thôi tôi phải xuống nhà bếp để tiếp tục chuẩn bị bữa ăn, cậu hỏi dùm vì sao hôm nay giáo sư về sớm quá và nói giúp dùm tôi về bữa ăn chưa nấu xong nhé.

Nói xong, dì Marthe trở vào nhà bếp, bỏ tôi lại một. Nhưng làm cách nào để giải thích cho chú tôi hiểu ra tại sao bữa ăn chưa nấu xong quả là một việc làm khó khăn đối với tôi. Nên tôi định rút êm lên căn phòng nhỏ của mình trên lầu thì nghe tiếng cửa mở ra, rồi những bước chân nặng nề làm rung rinh cả chiếc cầu thang gỗ và chú tôi xông xộc đi vào phòng làm việc của ông ta. Vừa đến nơi, chú tôi quăng cây gậy vào góc phòng và vút cái nón lên bàn làm việc rồi nóng nảy gọi to:

- Axel, đi theo chú mau!

Tôi chưa kịp nhúc nhích thì chú tôi đã nổi nóng và hét lên một lần nữa với giọng không thể tưởng tượng nổi:

- Thế nào! Sao chưa mau tới đây hả?

Tôi nhảy phắt lên rồi vội vàng chạy theo chú tôi vào phòng của ông. Tôi cũng phải nói rõ rằng chú Otto Lidenbrockenbrock không phải là người xấu bụng nhưng chỉ có một cố tật là quá nóng tính, khó mà làm vừa lòng chú ấy. Đôi khi chỉ vì một chuyện nhỏ, ông trở lên kỳ quặc khủng khiếp.

Chú tôi là giáo sư ở đại học Hambourg, giảng dạy về môn địa chất học và trong mỗi buổi giảng về môn học này chú thường hay nổi cáu lên một vài lần. Nhưng dù sao đi nữa, có một việc mà mọi người đều không thể phủ nhận được là giáo sư Lidenbrock là một nhà khoa học có tài.

Nếu có ai đưa cho chú một viên đá, chú sẽ ngắm nghía, gõ rồi nghe tiếng phát ra

hoặc ngửi mùi và mỗi lần như vậy chú sẽ cho biết nó làm bằng chất gì và xuất xứ của nó. Hiện thời, người ta biết hết thấy khoảng 600 loại đá và chú tôi có thể nói ngay tức khắc là viên đá này thuộc loại nào trong số đó.

Các nhà khoa học lừng danh khác thường hay đến thăm chú tôi. Họ đến để tham khảo ý kiến của chú tôi về những vấn đề khó khăn nhất mà họ không thể giải quyết nổi. Chú tôi đã khám phá được nhiều điều rất quan trọng cho nền khoa học hiện đại và là tác giả của những bài báo lớn. Ông còn là giám đốc một viện bảo tàng địa chất có chứa một bộ sưu tập khoáng sản giá trị và nổi tiếng khắp châu Âu. Do đó, tên tuổi của giáo sư Lidenbrock luôn được nhắc tới một cách trang trọng tại mọi trường đại học và các viện hàn lâm khoa học.

Và bây giờ, vị giáo sư đáng kính ấy đang nóng nảy gào thét to tên tôi. Bạn hãy tưởng tượng ra một người cao, gầy, sức khỏe rất tốt. Ông có một nước da thật đẹp và trẻ trung khiến ông trông nhỏ hơn nhiều so với cái tuổi năm mươi của mình. Đôi mắt to của ông lúc nào cũng đảo lia lịa sau đôi tròng kính thật to.

Chú tôi sống trong ngôi nhà nhỏ ở đường Konigstrasse. Ngôi nhà trông xuống một trong những dòng kênh ngoằn ngoèo chảy qua khu phố cổ kính của thành phố Hambourg. Dù chỉ là giáo sư đại học nhưng chú tôi quả là giàu. Ông làm chủ cả ngôi nhà và tất cả mọi thứ đồ vật bên trong, kể cả tôi, dì Marthe và cả Grauben, cô thiếu nữ xinh đẹp người xứ Virland vậy mới mười bảy tuổi, là cháu họ của giáo sư.

Còn tôi với tư cách là cháu của giáo sư, tôi cũng là một đứa trẻ mồ côi. Khi cha mẹ tôi mất, tôi đến ở trong ngôi nhà này và trở thành phụ tá cho ông. Phải thú nhận rằng tôi rất thích môn địa chất học. Hình như có một dòng máu của nhà địa chất học đang chảy trong cơ thể của tôi. Tôi thích nó đến nỗi không bao giờ biết chán trong việc nghiên cứu những mẫu đá.

Nói chung thì cuộc sống của tôi cũng khá sung sướng trong căn nhà nhỏ trên đường Konigstrasse này mặc dù chủ của nó hơi khó tính và hay gắt gỏng nhưng rất yêu mến tôi. Cố điếu ông hoàn toàn không có khả năng kiên nhẫn chờ đợi và lúc nào cũng tỏ vẻ vô cùng vội vã. Hồi tháng tư vừa qua, ông có gieo mấy hạt giống vào chậu kiểng đặt trong phòng khách. Và ông đã nóng nảy đến độ cứ mỗi sáng đều ra mớm những cái lá cho chúng lớn nhanh hơn.

Chính vì thế, mỗi lần nghe chú gọi thì tôi chỉ có một việc duy nhất phải làm là tuân lệnh. Lần này cũng vậy, nên tôi phải vội vã chạy vào phòng làm việc của chú.

Căn phòng làm việc đó gần như là một viện bảo tàng vì tất cả mọi loại đá đều có ở đây, tất cả đều được sắp xếp và dán nhãn cẩn thận. Tôi đã thuộc lòng tất cả các mẫu đá này. Lúc còn nhỏ, biết bao lần thay vì tiêu phí thời gian để nô đùa với bạn bè cùng trang lứa, tôi mãi mê lo lau chùi chúng. Thế mà lúc này, bước vào căn phòng tôi đã không còn đầu óc nào để nghĩ đến những mẫu đá kỳ

diệu này nữa, mọi sự chú ý đều dồn vào chú tôi. Ông đang ngồi trên một cái ghế bành to tướng, tay cầm một quyển sách và ngắm nghía một cách say sưa rồi chợt kêu lên:

- Quyển sách hay tuyệt hay! Viết vậy mới xứng đáng gọi là sách chứ!

Tôi chợt nhớ chú tôi cũng là một người mê sách. Song đối với ông, sách chỉ có giá trị một khi nó là sách hiếm hay ít ra cũng phải là một quyển sách khó đọc.

- Thế nào Axel? - Chú tôi gật gù hỏi. - Cháu không thấy gì sao? Đây là một kho tàng vô giá chú vừa tìm thấy sáng nay, khi lục lọi trong một tiệm sách cũ.

- Tuyệt thật! - Tôi kêu lên, giả vờ như nhiệt tình lắm. Nhưng nói thẳng ra thì tôi chẳng thích thú chút nào đối với quyển sách bọc bì da cũ kỹ này.

- Xem đây này! - Chú tôi hỏi rồi tự trả lời một mình - Đẹp quá phải không? Chứ còn gì nữa. Mở ra dễ không? Tất nhiên là vậy. Thế đóng lại thì sao? Thì đóng lại ngon lành. Coi cái gáy nè, đã hơn bảy trăm năm rồi mà không hề bị hư hỏng! Vừa nói chú tôi vừa đóng và mở quyển sách. Tôi thấy đã đến lúc phải hỏi thăm ông về quyển sách, mặc dù tôi chẳng quan tâm nó lắm.

- Thừa chú quyển sách đó tựa gì vậy? - Tôi hỏi với một vẻ háng hái quá đáng.

- Đây là quyển Heims Kringla nổi tiếng. - Chú tôi trả lời bằng một giọng hào hứng. - Nó do Snorre Turleson, một tác giả lừng danh người Iceland viết vào thế kỷ thứ mười hai. Quyển sách viết về ông hoàng người Na Uy từng trị vì ở xứ Iceland.

- À, thì ra là như vậy. - tôi hỏi - Chắc tác phẩm này đã được dịch ra tiếng Đức phải không chú?

- Sao lại bằng tiếng Đức! - chú tôi gầm lên - Nếu là bản dịch thì chú mua làm gì cho uổng tiền. Đây là quyển sách xuất bản đầu tiên ở Iceland và được viết bằng cổ tự.

- Chắc nó được in ấn công phu lắm?

- Sao lại in? Đây là một quyển sách viết bằng chữ Runique, hiểu chưa?

- Chữ Runique?

- Đúng vậy. Nhưng chắc chú cần phải giải thích cho cháu nghe quá.

- Không cần thiết đâu. - tôi trả lời với một giọng khá tự ái.

Nhưng chú tôi cứ lơ đi và thao thao bất tuyệt giảng cho tôi rất nhiều điều mà tôi không cần thiết phải quan tâm học hỏi.

- Chữ Runique là một cổ tự được dùng ở Iceland từ rất xa xưa. Theo truyền thuyết chữ này do ông Odin phát minh ra. Cháu hãy nhìn xem...

Bỗng một miếng da thuộc cáu bẩn từ quyển sách rơi xuống sàn nhà. Chú tôi vội nhặt lên và chỉnh lại cặp kính trắng.

- Cái gì vậy? - ông kêu lên với vẻ ngạc nhiên.

Ngay tức khắc, chú tôi cẩn thận đặt nó lên bàn rồi mở ra. Nó là một miếng da to bằng bàn tay, trên đó có viết loằng ngoằng những dòng chữ kỳ lạ khó hiểu.

(*)

Sau một lúc lâu chăm chú nghiên cứu các dòng chữ ấy, chú tôi nhắc cặp kính ra khỏi mũi rồi nói:

- Đây cũng là chữ Runique, giống y như kiểu chữ viết tay của Snorro Turleson trong quyển sách. Không biết nó có nghĩa gì đây? Nhưng chắc chắn là chữ Iceland cổ. – ông lẩm bẩm.

Tôi thầm nghĩ ngày xưa có lẽ những nhà thông thái phát minh ra thứ cổ tự này để làm rối óc người khác cho nên tôi không thắc mắc khi thấy chú tôi chẳng hiểu gì. Giáo sư Lidenbrock là một nhà khoa học thông thạo rất nhiều ngoại ngữ, vậy mà trước mấy dòng chữ này, tôi thấy ngón tay của ông ngo nguây ghê gớm, chứng tỏ ông không hiểu gì cả. Tôi đoán trước một cảnh tượng dữ dội sắp xảy ra vì chú tôi chưa từng lùi bước trước bất cứ một trở ngại nào.

Đồng hồ treo trên lò sưởi điểm hai giờ. Đúng lúc đó dì Marthe hé cửa phòng làm việc của giáo sư, bước vào và thông báo:

- Bữa ăn đã dọn xong rồi, mời giáo sư và cậu sang dùng bữa.

- Dẹp cái bữa ăn đáng ghét đó đi! – chú tôi phát cáu lên gắt gỏng – Cả chị nữa, cũng mau ra ngoài!

Hoảng quá, dì Marthe bỏ chạy mất, tôi cũng nhanh chóng chuồn khỏi phòng làm việc của giáo sư. Thế rồi không hiểu quanh quẩn thế nào, tôi thấy mình ngồi đúng chỗ của mình trong phòng ăn. Chờ một lúc lâu không thấy giáo sư, tôi đành phải ngồi ăn một mình. Đây là lần đầu tiên chú tôi bỏ bữa ăn. Mà bữa ăn hôm nay lại quá thịnh soạn! Tất cả chỉ vì cái miếng da khố nạn ấy. Dĩ nhiên, tôi nghĩ rằng bốn phần của tôi là phải ăn phần của mình và ăn dùng cả phần của ông ấy nữa, và tôi đã cố hết sức thực hiện điều đó.

- Hôm nay sao giáo sư kỳ lạ thật! – dì Marthe than thở.

- Đúng là không thể tin được.

- Điềm báo trước một biến cố quan trọng đấy, cậu Axel ạ!

Tôi vừa ăn xong thì đã có tiếng thét vang gọi tôi. Tôi vội vàng chạy vào phòng làm việc của chú tôi

- Chắc chắn là cổ tự Runique. – giáo sư nhíu mày nói – Nhưng có một điều bí mật mà chú phải khám phá cho ra... Cháu ngồi xuống đây và viết lại những gì chú đọc ra.

Trong chớp mắt tôi đã sẵn sàng.

- Rồi, bây giờ chú sẽ đánh vần từng chữ một của văn bản Iceland này xem nó viết cái gì. Nhưng cháu phải chép lại cho thật đúng nhé!

Chú tôi bắt đầu đọc. Tôi chăm chú và cẩn thận ghi chép. Cuối cùng chúng tôi có được một nhóm chữ bí hiểm như sau:

mm.rnlls essreuel seecjde

sgtssmf unteief niedrke

kt.ssmn atrates saodnn

emtnael eeutul frantu

dt.iac oseibo kediiy

Tôi vừa buông bút, giáo sư đã giật phắt tờ giấy. Ông chăm chú nghiên cứu một hồi lâu, rồi lẩm bẩm một mình.

- Thế là thế nào nhỉ? Đúng đây là một bức mật thư rồi! Những chữ được cố tình xáo trộn này che giấu một nội dung. Nếu biết sắp xếp lại cho đúng thì sẽ thành những câu có nghĩa. Biết đâu mình đang có ở đây manh mối của một khám phá vĩ đại nào đấy.

Tuy thấy ý nghĩ của giáo sư có vẻ viển vông nhưng lại không dám góp ý vì sợ chú lại nổi nóng. Chú tôi đem so tuồng chữ viết trên miếng da với tuồng chữ viết trên quyển sách cũ rồi nói:

- Axel này, cháu xem đây. Rõ ràng chữ trong tài liệu này do hai người viết. Bức mật thư có lẽ được viết sau quyển sách lâu lắm. Bảng có là chữ đầu tiên trong mật thư là chữ M kép. Chữ này đến thế kỉ XVI mới được thêm vào bảng chữ cái của Iceland nên không thấy trong quyển sách của Turleson. Như vậy giữa quyển sách chép tay và mẫu da phải có khoảng cách ít nhất hai trăm năm. Nhưng nhân vật đó là ai? Có để lại tên tuổi của mình trong quyển sách không?

Chú tôi cầm lấy một cái kính lúp to rồi cẩn thận xem lại những trang đầu của quyển sách. Ở mặt sau trang thứ hai, ông phát hiện ra hình như có một vết mực mờ trên mấy nét chữ lơ mờ. Ông liếc soi kính lúp vào vết mực ấy một lúc lâu. Cuối cùng ông nhận ra chữ Runique sau đây:

(**)

- Arne Saknussemm! – chú tôi đắc thắng reo to - Ô Arne Saknussemm chính là tên một nhà khoa học gia nổi danh ở Iceland vào thế kỉ XVI.

Tôi nhìn chú tôi, trong lòng cảm thấy khâm phục.

- Những người như Arne Saknussemm là những nhà khoa học thật sự, những nhà bác học duy nhất của thời đại ấy. Họ đã phát minh ra những điều mà ngày nay vẫn còn làm chúng ta kinh ngạc. Biết đâu ông Saknussemm này chẳng dấu trong bức mật thư kia một phát minh kì diệu nào đó? Mà đúng thế rồi, không còn nghi ngờ gì nữa!

Trí tưởng tượng của giáo sư bỗng bùng lên với giả thiết đó.

- Nhưng đã là phát minh thì tại sao ông ta không công bố cho mọi người biết mà phải tìm cách che giấu?

- Ủ! Tại sao lại phải giấu nhỉ? Chú cũng không rõ. Nhưng nhất định ta phải tìm cho ra bí mật đó. Bằng bất cứ giá nào cũng phải vén được màn bí mật của các tài liệu này. Chú sẽ thức trọn đêm nay cho tới khi tìm ra sự thật. Axel! Cháu sẽ thức giúp chú.

Tôi thầm nghĩ:

“Cũng may bữa nay mình đã ăn hai phần cơm.”

- Trước tiên phải tìm được “chìa khóa” mật mã. – chú tôi nói tiếp – Việc này xem ra cũng khó lắm. Trong tư liệu này có tất cả 132 chữ cái gồm 79 phụ âm và 53 nguyên âm. Ngôn ngữ ở miền Bắc châu Âu thường có nhiều phụ âm, còn ở phương Nam từ ngữ được hình thành xấp xỉ theo tỷ lệ nguyên âm và phụ âm. Chính vì vậy, chú nghĩ tài liệu này chắc viết bằng một thứ tiếng ở vùng Nam châu Âu.

Những kết luận này của giáo sư Lidenbrock là cực kỳ chính xác. Bỗng ông nói to lên như quát:

- Đây là thứ ngôn ngữ của dân tộc nào nhỉ? Arne Saknussemm là một học giả thời bấy giờ. Một khi ông không muốn thể hiện bằng tiếng mẹ đẻ tất nhiên sẽ chọn một thứ tiếng thông dụng nhất vào thế kỷ XVI, đó là tiếng Latinh. Đúng, chắc chắn Arne Saknussemm đã viết bức mật thư này bằng tiếng Latinh.

Tôi giật thót mình vì không thể ngờ được rằng những hàng chữ khó hiểu này lại được viết bằng một thứ tiếng đơn giản nhất, tiếng Latinh.

- Đúng là tiếng Latinh rồi, nhưng bị đảo lộn thứ tự. Mình phải dò thật kỹ lại từ đầu xem sao.

Giáo sư cầm mảnh giấy mà tôi vừa ghi chép khi nãy lên, ông trầm ngâm một chút rồi nói:

- Được, ta cứ thử nghiên cứu xem, đây là 132 chữ cái được xếp lộn xộn. Có những từ nhiều phụ âm ghép sát nhau như “mm,rutls”, một số khác lại quá nhiều nguyên âm như “unteiet” hoặc “oseibo”. Sự sắp xếp cố tình không đồng bộ này rõ ràng đã được tính toán. Chắc chắn đoạn văn bản gốc được thảo ra một cách bình thường, sau đó ông Arne Saknussemm đã xáo trộn nó theo một quy luật bí mật. Ai nắm được chìa khóa bí mật này sẽ đọc được bức thư.

- Axel, cháu thấy thế nào?

Tôi không nghe giáo sư hỏi vì còn đang lơ đãng nhìn tấm ảnh của Grauben treo trên tường. Cô cháu gái xinh đẹp của giáo sư đang ở chơi nhà một người họ hàng ở dưới quê. Vầng bóng nàng tôi buồn không ít vì chúng tôi yêu nhau đã lâu. Chúng tôi đã đính hôn với nhau nhưng chú tôi không hề hay biết vì quá say mê môn địa chất học.

Chương 2

Bức mật thư

Grauben là một cô gái rất đẹp với mái tóc vàng óng ả như tơ và cặp mắt trong xanh tựa nước suối đầu nguồn. Tính tình cô ta nghiêm trang nhưng vẫn yêu tôi dù tôi có vẻ ngốc nghếch. Về phía mình, tôi cũng rất yêu cô, nên bức chân dung của cô đã nhất thời lôi tôi khỏi thực tại, làm tôi quên lãng quyển sách và bức mật thư. Tôi say sưa trong những kỉ niệm êm đềm giữa tôi và cô ta. Hằng ngày cô ấy giúp tôi sắp xếp các mẫu đá. Grauben rất thích học hỏi những kiến

thức khoa học cho nên chúng tôi làm việc với nhau rất vui vẻ! Làm việc xong, chúng tôi thương nắm tay nhau đi dạo bên bờ hồ. Tôi kể những câu chuyện vui rồi nàng phá lên cười thích thú.

Tôi đang thả hồn theo giấc mơ thì bỗng chú tôi đập mạnh tay xuống bàn làm tôi giật bản mình, hết cả mộng mơ.

- Xem nào, - giáo sư reo to - Ở địa vị ta thì ý nghĩ đầu tiên khi đảo lộn các chữ cái là đặt chúng theo cột dọc. Axel! Cháu hãy viết một câu bất kỳ lên mẫu giấy này. Hãy đặt những chữ cái tuần tự từ trên xuống dưới, mỗi cột khoảng năm hay sáu chữ.

Nắm được ý giáo sư, tôi bèn cầm bút viết luôn:

l o m y i r

l u u d t u

o v c e t u

v e h a l b

e r , r e e

y y m l G n

- Hay lắm – chú tôi nói tiếp mà không thèm xem tôi viết gì – Bây giờ cháu viết lại những chữ đó theo hàng ngang xem.

Tôi vâng lời ngay, và tôi chép lại thì được sáu nhóm chữ như sau:

lomyir luudtu ovsetu vehalb er,ree yymlGn

Chú tôi tỏ vẻ hài lòng vừa nhìn xuống miếng giấy vừa nói:

- Tốt lắm. Nguyên âm và phụ âm được sắp xếp lộn xộn, giữa các chữ cũng có dấu phẩy, có chữ viết hoa. Hoàn toàn giống như trong mẫu da của Arne Saknusemm.

Tôi thấy nhận xét của giáo sư thật tinh tế và chính xác.

- Để đọc được các câu cháu vừa viết, - giáo sư nói tiếp – chỉ cần đọc liên tiếp những chữ thứ nhất, rồi chữ thứ hai, thứ ba... của mỗi từ. Nào xem cháu đã viết những gì nào!

Rồi trước sự kinh ngạc của tôi, chú tôi đọc to:

“Anh yêu Grauben nhất trên đời!”

Đúng là một anh chàng si tình vụng về, không hiểu lối ngớ thế nào mà tôi lại viết lên giấy cái câu nguy hại này.

- Hả? Cháu yêu con bé Grauben à? – chú tôi ngạc nhiên kêu lên.

- Dạ... à không ạ!

- Thế là cháu yêu Grauben! Thôi được bây giờ ta hãy áp dụng phương pháp của chú để nghiên cứu bức mật thư của ông Arne Saknusemm đã.

Giáo sư Lidenbrock quên ngay những lời thiếu thận trọng tôi vừa vô tình viết lên, thật ra đầu óc của một nhà thông thái như chú tôi không còn chỗ nào dành cho những việc rắc rối của trái tim. Nhất là giờ đây tâm trí của ông còn để cả vào

việc nghiên cứu bức mật thư của nhà bác học người Iceland thế kỉ XVI.

Giáo thật sự xúc động, ngón tay ông run run khi cầm mảnh da cũ kĩ. Phía sau cặp kính trắng, mắt ông sáng quắc lên. Ông hắng giọng rồi trịnh trọng đọc cho tôi chép một đoạn chữ sau đây:

mmessunkaSenrA. IceJ doK. segnittamurtn ecertSerrette, rotai vsadua, Ednec sedSadne lacartniilu Jsiatrac SarbmutabiledmeK meretarcsilucoYSL eJJenSnl.

Viết xong tôi đặt bút xuống bàn hồi hộp chờ giáo sư cất cao giọng đọc lời giải của bức mật thư. Nào ngờ, sau khi liếc qua những chữ tôi vừa chép ấy, chú tôi bỗng đập mạnh xuống bàn làm bút mực bắn tung tóe, rồi quát lên:

- Thế này là cái gì? Bức mình thật!

Giáo sư đứng bật dậy, vọt ra khỏi phòng làm việc rầm rầm lao xuống bậc thềm ra đường Konigstrasse rồi chạy đâu cũng không rõ.

Dì Marthe hoảng hốt kêu lên:

- Giáo sư đi rồi!

Dì chạy nhanh ra thì cánh cửa vừa đóng ập lại thật mạnh làm rung rinh cả sườn nhà.

- Chú đi ra rồi. – tôi nói.

- Ông không dùng bữa chiều sao?

- Chú không muốn ăn gì cả.

Dì Marthe thắc mắc hỏi tiếp:

- Sao vậy cậu?

- Dì Marthe ơi, chú tôi không ăn mà còn dám bỏ đói cả nhà lẫn.

- Chết rồi! Vậy làm sao mình chịu nổi?

Dì Marthe sợ hãi trước ý nghĩ đó, bà chạy trở vào nhà bếp với bộ mặt thảm nảo. Còn lại một mình trong phòng, tôi nghĩ đến chuyện đi gặp Grauben và kể lại mọi việc. Nhưng làm sao tôi có thể rời căn nhà này được. Nếu chú tôi lại trở về ngay gọi tôi mà chẳng thấy đâu thì hậu quả sẽ ra sao? Tôi đành quyết định ngồi nhà đợi. Tôi bắt đầu làm công việc chọn lựa và dán nhãn và sắp xếp mấy mẫu đá người ta mới gửi cho chú tôi gần đây. Nhưng công việc vốn hấp dẫn như vậy không còn cuốn hút tôi. Việc làm tôi bận tâm bây giờ chính là mảnh da của ông Saknussem. Đầu óc tôi sôi lên. Tôi cảm thấy trong lòng một nỗi lo lắng vẩn vơ và linh tính báo trước cho tôi một tai biến sắp xảy ra.

Sau một giờ làm việc, mọi mẫu đá đã được định danh xong và sắp xếp cẩn thận lên giá. Tôi buông mình trong chiếc ghế bành to bọc nhung nghe ngóng và chờ đợi chú tôi trở về. Nhưng mà bên ngoài không có một tiếng động nhỏ.

Tôi vô tình cầm lấy mảnh giấy ghi những chữ dài bí hiểm. Tôi lẩm bẩm:

- Nó có nghĩa gì nhỉ?

Tôi cố sắp xếp những mẫu tự đó thành chữ theo nhiều cách, nhưng vẫn thất bại. Tôi hết sắp thành nhóm hai mẫu tự, hoặc ba, năm hay sáu, kết quả vẫn là vô

nghĩa.

Tôi vật lộn với một sự khó khăn nan giải. Đầu tôi nóng bừng cả lên. Tôi neho mắt nhìn trang giấy. Một trăm ba mươi hai chữ cái hình như đang bay lượn quanh tôi chẳng khác nào muôn ngàn con đom đóm trong không trung khi ta bị chóng mặt. Tôi đang ở trong tình trạng ảo giác và cảm thấy ngột ngạt, khó thở. Vô tình tôi dùng tờ giấy đó làm quạt, khiến hai mặt trái phải của tờ giấy liên tiếp bày ra lật phật trước mắt tôi. Bất chợt, khi mặt trái hướng về phía tôi, tôi kinh ngạc thấy hình như hiện rõ nét những từ Latinh “craterem: núi lửa” và “terrestre: trái đất”.

Một tia sáng bỗng lóe lên trong đầu tôi. Những dấu hiệu duy nhất này khiến tôi thoáng thấy sự thật là tôi đã tìm ra chìa khóa giải mã. Để đọc được văn bản của ông Arne Saknussemm để lại không nhất thiết phải đọc nó xuyên qua tờ giấy lật ngược, mà cứ đọc bình thường như chú tôi đã đọc cho tôi ghi chép. Như vậy những suy luận của chú tôi về cách xếp các chữ cái và về ngôn ngữ của Saknussemm dùng để viết mật thư đều đúng cả. Duy có việc làm sao đọc được trót lọt cả bức mật thư viết bằng tiếng Latinh thì chú tôi lại thiếu kiên nhẫn. Vậy mà giờ đây, co một sự tình cờ tôi lại thực hiện được công việc mà chú tôi chịu bó tay đấy!

Lúc này, tôi thật xúc động. Mắt tôi hoa lên đến nỗi không nhìn, không đọc được gì nữa. Tờ giấy đã được tôi trải rộng trên bàn và chỉ cần một cái liếc mắt là tôi có thể lăm được điều bí mật.

Cuối cùng tôi cố trấn tĩnh lại, thong thả bước đi hai vòng quanh phòng để thần kinh bớt căng thẳng, rồi quay vào ngồi xuống chiếc ghế bành rộng. Tôi hít thở không khí cho căng đầy lồng ngực và bất giác nói to lên một mình:

- Nào, mình sẽ đọc được!

Tôi cúi xuống tờ giấy để trên bàn và chăm chú dò từng chữ một. Nhưng đọc xong tôi thấy sững sốt và kinh sợ. Tôi hoảng hốt bật dậy, kêu lên:

- Trời! Không thể để chú Lidenbrock biết điều bí mật này được. Giáo sư mà biết có một cuộc thám hiểm như vậy, ông sẽ không bỏ qua. Không gì ngăn nổi một nhà địa chất học nổi tiếng như chú tôi, bằng bất cứ giá nào ông cũng sẽ mạo hiểm. Và lúc ấy, ông sẽ lôi tôi theo để rồi vĩnh viễn chẳng bao giờ trở về căn nhà hạnh phúc này nữa! Không thể như thế được!

Tôi ở trong tình trạng bị kích động tột độ không bút nào tả xiết.

- Không, nhất thiết điều này không thể xảy ra! Phải ngăn chú Lidenbrock lại. Nếu để chú tôi nghiên cứu thật kỹ tư liệu này thì thế nào ông cũng tìm ra cách đọc. Cách duy nhất là hủy bỏ nó đi cho xong chuyện.

Trong lò sưởi lửa vẫn còn đang cháy. Tôi luống cuống vơ hết cả tờ giấy lẫn bức mật thư của Arne Saknussemm định ném chúng vào lửa, hủy luôn cả điều bí mật nguy hiểm thì ngay lúc ấy, cửa phòng bật mở, giáo sư Lidenbrock xuất hiện.

Tôi chỉ còn đủ thời gian đặt toàn bộ tư liệu ấy trở lại bàn. Chú tôi bước vào

phòng chẳng nói chẳng rằng ngồi ngay vào phòng làm việc, cầm lấy bút và bắt đầu ghi chép chép.

Mắt tôi luôn luôn theo dõi đôi tay cầm bút run run của chú tôi trên một trang giấy của ông. Biết đâu một kết quả bất ngờ nào lại chẳng đến với chú tôi? Không hiểu sao tôi bỗng run lên, vì tôi biết rằng để đọc được bức mật thư chỉ có một cách duy nhất, đó chính là cách tôi đã dùng.

Suốt ba giờ, chú tôi vẫn hăng say làm việc, không nói nửa lời cũng không ngừng tay lại. Chú thử đi thử lại hàng ngàn lần.

Thời gian cứ lặng lẽ trôi qua, trời đã về khuya. Bên ngoài đường phố đã hoàn toàn yên tĩnh nhưng chú vẫn tiếp tục cầm đầu xuống tài liệu, chẳng nghe thấy gì kể cả lúc dì Marthe mở cửa phòng làm việc, rụt rè bước vào hỏi:

- Ông chủ có ăn tối không ạ?

Rồi dì đành đi ra mà chẳng được trả lời và dì Marthe lặng lẽ tắt đèn đi nghỉ. Phần tôi, sau cùng cũng thấy buồn ngủ và ngủ luôn trên ghế bành, trong khi chú tôi cứ tiếp tục với các kí hiệu ấy.

Sáng hôm sau khi thức dậy, tôi vẫn thấy chú tôi ở bàn làm việc miệt mài. Đôi mắt của ông đỏ ngầu, da mặt nhợt nhạt làm nổi bật đôi gò má ửng hồng và đầu tóc ông bị rối bù lên bởi bàn tay bồn chồn bực tức. Những biểu hiện đó chứng tỏ ông đã trải qua những giờ phút mệt mỏi và căng thẳng ghê gớm.

Chỉ cần nói một lời thôi là tôi có thể gỡ cho chú tôi thoát khỏi cái cảnh nhọc nhằn ấy, nhưng tôi chẳng nói gì cả, tuy tôi không phải là một người có lòng dạ hẹp hòi. Nhưng tại sao trong trường hợp như vậy, tôi lại nhẫn tâm lặng thinh? Cũng vì chú tôi đấy thôi.

“Không! Không thể thế được! Tôi sẽ không nói. Tôi hiểu chú tôi lắm chứ! Chú tôi có một trí tưởng tượng lúc nào cũng sục sôi như núi lửa. Ông có thể liệu cả tính mạng để làm bằng được những gì mà các nhà địa chất khác không thể làm. Nhất định tôi sẽ không hé môi về điều bí mật mà tôi đã tình cờ khám phá ra. Tiết lộ điều bí mật này tức là sát hại giáo sư Lidenbrock. Thôi cứ mặc để chú tôi vật lộn với bức mật thư của ông Saknussemm! Tôi không muốn sau này phải ân hận vì đã đưa ông tới chỗ chết!”

Đã quyết định như thế, nên tôi cứ khoanh tay ngồi chờ. Nhưng một giờ sau một sự cố ngoài dự tính đã xảy ra. Chuyện như thế này. Khi dì Marthe định rời nhà để đi chợ thì bà thấy cửa bị khóa. Chiếc chìa khóa to đã biến mất, không thấy còn cắm trong ổ nữa! Thủ phạm lấy chiếc chìa khóa là ai nhỉ? Hiển nhiên đó chính là chú tôi, rõ ràng là sau cuộc dạo phố vội vã trở về, tiện tay chú tôi lấy luôn chìa khóa bỏ vào túi rồi.

Không hiểu việc làm này của chú tôi là cố ý hay vô tình? Hay giáo sư định thử thách sức chịu đựng của tôi và dì Marthe trước sự dằn vặt của cái đói được đến đâu? Nếu vậy thì thật là quá đáng. Cái tài liệu kia chẳng đáng gì đến tôi và

dì Marthe cả. Nhưng tôi nhớ lại mấy năm trước đây, có lần chừ tôi phải nghiên cứu một vấn đề hóc búa, ông đã chẳng ăn gì trong suốt bốn mươi tám giờ. Và mọi người trong nhà cũng bị nhịn ăn luôn. Hồi đó tôi bị một trận đau dạ dày dữ dội.

Sáng hôm nay, chúng tôi không có bữa điểm tâm, tối qua cũng bỏ luôn bữa ăn. Dì Marthe rầu rĩ lắm. Còn với tôi, chuyện rầu rĩ nhất là không được rời khỏi nhà để đi thăm người mình muốn thăm.

Chú tôi vẫn say sưa làm việc. Trí tưởng tượng của ông bị cuốn hút trong thế giới những giải pháp khoa học. Ông như sống hoàn toàn xa hẳn trái đất, xa hẳn những nhu cầu của con người trần tục. Độ giữa trưa, tôi bắt đầu cảm thấy đói kinh khủng. Trong nhà chẳng còn tí thức ăn dự trữ nào cả vì hôm qua dì Marthe đã vét sạch hết rồi. Tuy vậy, tôi vẫn cố chịu đựng và đặt vào đó một chút gọi là thể diện.

Đồng hồ chỉ hai giờ. Tôi bắt đầu nghĩ rằng mình đã quá phóng đại tầm quan trọng của tài liệu nọ, rằng giáo sư Lidenbrock sẽ không tin nó và cho rằng nó chỉ là một chuyện đùa, rằng trường hợp xấu nhất chú tôi cứ một mực lao vào cuộc thám hiểm chắc thế nào cũng sẽ có người can ngăn, rằng cuối cùng ông cũng sẽ tự tìm ra chìa khóa mật mã và như vậy công tôi giữ kín điều bí mật ấy trở nên vô ích.

Những lý lẽ mới chiều qua tôi gạt đi một cách giận dữ, nay tôi lại cảm thấy tuyệt vời. Không những vậy tôi cảm thấy mình hoàn toàn vô lý nữa là khác. Cuối cùng tôi quyết định thổ lộ hết cho chú tôi những điều định giữ kín ấy.

Tôi đang tìm cách nào để sao cho đỡ đột ngột thì chợt chú tôi đứng dậy, cầm nón lên và bước ra cửa. Trời ơi! Chú định đi và nhốt chúng tôi lại và bỏ đói luôn hay sao? Hoảng quá, tôi vội vàng lên tiếng gọi ông:

- Chú ơi!

Dường như chú tôi cũng chẳng nghe gì cả.

- Chú Lidenbrock ơi! – tôi gọi to hơn.

- Cái gì hả? – chú tôi giật mình hỏi như người vừa tỉnh cơn mê.

- Dạ thưa chú, cái chìa khóa...

- Chìa khóa nào? Chìa khóa cửa ư?

- Dạ không phải! Cháu muốn nói cái chìa khóa của bản mật mã...

Giáo sư Lidenbrock chăm chăm nhìn tôi qua phía bên kia cặp kính trắng. Và có lẽ nhận ra điều gì khác thường trên gương mặt của tôi, nên chú giữ chặt tay tôi rồi nhìn tôi như muốn hỏi lại tôi bằng ánh mắt. Tuy vậy, không có câu hỏi nào được nêu ra rõ ràng đến vậy.

Tôi lặng lẽ gật đầu đáp lại. Ra dấu là tôi biết cách đọc. Chú tôi lắc đầu tỏ vẻ không tin. Mặt của ông lộ vẻ thương hại như đang phải tiếp xúc với một người điên.

Tôi lại gạt đầu lần nữa một cách dứt khoát, khẳng định điều tôi vừa tiết lộ.

- Phải thưa chú, tình cờ cháu đã tìm được chìa khóa để giải bức mật thư...

- Cháu nói sao hả? – ông kêu lên với vẻ xúc động tột độ.

Tôi đưa chú tôi mảnh giấy trên đó tôi đã viết, rồi nói:

- Chú cầm tờ giấy này và hãy đọc đi!

- Nhưng nó hoàn toàn vô nghĩa. – chú tôi nói và vo tờ giấy trong tay.

- Vô nghĩa nếu chú đọc theo tuần tự từ đầu tới cuối, nhưng nếu đọc theo chiều ngược lại từ cuối lên thì...

Tôi chưa kịp nói hết câu, giáo sư đã kêu lên vui sướng:

- Chà, cái ông Saknussem khéo thật! Ông ấy viết đảo ngược câu gốc của mật thư từ dưới lên trên mà mình không biết!

Nói đoạn giáo sư Lidenbrock vội lấy tờ giấy vừa nhàu nát vứt dưới đất. Mắt ông hòa đi, giọng ông run run vì xúc động, giáo sư đọc một mạch toàn bộ bức mật thư của nhà bác học Iceland thế kỷ XVI, bắt đầu từ chữ cuối ngược lên. Văn bản viết:

“In Sneffels Yoculis craterem kem delibat umbra Scartaris Julii calendas descende, audas viator et terrestre centrum attinges. Kod feci. Arne Saknussem.”

Những dòng chữ Latinh trên có thể dịch ra như sau:

“Các nhà thám hiểm can đảm, hãy đi xuống miệng núi lửa Sneffels, nói có bóng đỉnh núi Scartaris chiếu vào. Hãy đi trước tháng Bảy và các bạn sẽ tới được trung tâm trái đất. Tôi đã từng đi được như thế. Arne Saknussem.”

Đọc xong, chú tôi nhảy cẫng lên như bị điện giật. Trông chú tôi bây giờ tràn trề niềm vui, niềm tin lẫn sự táo bạo. Ông đi đi lại lại, hai tay ôm lấy đầu và diễn trò tung hứng với các mẫu đá của ông. Cuối cùng thần kinh đã dịu đi và như một người kiệt sức vì làm việc quá mức, chú tôi ngã xuống cái ghế bành phủ nhung.

Sau một lúc im lặng, chú tôi hỏi:

- Bây giờ là mấy giờ rồi, Axel?

- Dạ, ba giờ rồi ạ!

- À, quá giờ dùng bữa trưa rồi còn gì! Ngồi vào bàn ăn thôi, chú đói hoa cả mắt rồi đây. Dùng bữa xong ta sẽ...

- Sẽ là gì hả chú?

- Chuẩn bị hành lý cho chú...

- Cái gì? – tôi kêu lên sững sốt.

- Và cả cháu nữa.

Nói xong, chú tôi xông thẳng sang phòng ăn.

Nghe chúng tôi nói vậy, tôi bần rùn cả người. Nhưng tôi quyết tự kiềm chế và cố giữ nét mặt tươi tỉnh. Rõ ràng chỉ có những luận cứ mang tính khoa học mới có thể ngăn giáo sư Lidenbrock lao vào những cuộc thám hiểm như vậy. Và tôi đã chuẩn bị sẵn một kho lý luận biện chứng để đưa ra khi cần thiết. Đi vào trung

tâm trái đất ư? Đúng là một sự điên rồ! Nhưng tạm thời hãy khoan tranh cãi, mà phải giải quyết cái dạ dày lép kẹp đã.

Chương 3

Câu chuyện điên rồ

Khỏi cần phải tả cảnh chú tôi đứng trước bàn mà bữa ăn chưa được dọn ra! Mọi chuyện bỗng chốc được giải quyết một cách nhanh chóng: cửa nhà được mở, dì Marthe chạy ra chợ và một giờ sau khi cơn đói đã dụ tôi mới được hoàn hồn.

Trong suốt bữa ăn, giáo sư Lidenbrock luôn miệng chuyện trò vui vẻ. Ăn tráng miệng xong, chú tôi ra hiệu cho tôi theo ông vào phòng làm việc.

Hai chú cháu ngồi đối diện nhau ở bàn viết. Chú tôi nói một cách trịnh trọng: 6p-Axel, cháu thông minh lắm! Cháu đã giúp chú một việc thật tuyệt vời, vừa đúng lúc chú định bỏ cuộc. Nếu không có cháu không hiểu chú sẽ đến đâu. Chú sẽ không quên điều này và trong niềm vinh quang sắp tới nhất định sẽ có phần của cháu.

“Tuyệt quá, - tôi thầm nghĩ – ông ấy đang vui, bây giờ chính là lúc tranh luận cái vinh quang ấy đây!”

- Trước hết, - chú tôi nói tiếp – yêu cầu cháu phải tuyệt đối giữ bí mật chuyện này, nghe rõ chưa? Trong giới khoa học không thiếu những kẻ đố kỵ và nhiều người trong bọn họ rất muốn đi theo cuộc thám hiểm này. Nhưng họ sẽ không được nghe nói gì tới vụ này cho đến khi chúng ta trở lại!

- Chú tin rằng có nhiều người đủ can đảm để lao vào chuyện như vậy hay sao?

- Chắc chắn là sẽ đông. Ai có thể chần chừ trước một danh vọng như vậy. Nếu tài liệu này được công bố, là có cả một đạo quân những nhà địa chất đổ xô theo vết chân của Arne Saknussemm.

- Thừa chú, đấy chính là điều cháu không chắc chắn lắm. Chẳng có gì chứng tỏ tính xác thực của tư liệu ấy cả!

- Sao? Thế còn quyển sách cổ trong đó chúng ta phát hiện thấy bản tư liệu không phải là một bằng chứng có tính thuyết phục hay sao?

- Được! Cứ cho là ông Saknussemm đã viết những dòng mật thư này, nhưng liệu ông ấy đã thực sự thực hiện cuộc thám hiểm đó không? Biết đâu những điều ông ấy viết trong mảnh da đó chỉ là bịp bợm.

Tôi hơi ân hận vì đã nói liều lĩnh và sợ rằng cuộc trao đổi giữa hai chú cháu vì thế sẽ không tiếp tục được nữa. May thay, chú tôi chỉ nhún cặp lông mày rậm rỏi nhếch mép, nói với tôi:

- Điều đó chúng ta sẽ kiểm tra lại!

- Thừa chú, - tôi hơi méch lòng nói – chú cho cháu có vài nhận xét về bản tư liệu này.

- Cháu cứ nói, đừng ngại gì hết. Chú cho phép cháu được hoàn toàn tự do nói lên

quan điểm của cháu. Cháu là người cộng sự của chú mà. Nào nói đi, Axel!

- Trước hết cháu muốn hỏi chú mấy chữ Yokul Sneffels với Scartaris nghĩa là gì, vì cháu chưa gặp chữ này bao giờ.

- Có khó gì đâu! Cháu hãy lấy tập bản đồ thứ 3 trong ngăn thứ 2 của tủ sách lớn, hàng Z, bản 4.

Tôi đứng dậy và nhanh chóng tìm được tập bản đồ. Chú tôi giở ra và nói ngay:

- Đây là tấm bản đồ tốt nhất về vùng đất Iceland và chú tin rằng nói sẽ giải đáp được mọi thắc mắc của cháu.

Tôi cúi nhìn xuống bản đồ. Giáo sư nói:

- Cháu hãy nhìn xem, đảo Iceland gồm toàn núi lửa, nên lưu ý là những núi lửa đều mang cái tên Yokul, chữ Iceland có nghĩa là băng hà. Iceland nằm dưới vĩ tuyến cao nên phần lớn những núi lửa đều phun lên qua những lớp băng hà. Vì vậy, Yokul là tên gọi chung cho tất cả những núi lửa của đảo.

- Cháu hiểu, nhưng còn chữ Sneffels?

Tôi hi vọng ông sẽ không tìm ra câu trả lời, nhưng tôi đã lầm, chú tôi nói tiếp:

- Cháu hãy theo dõi bờ biển phía Tây của Iceland. Cháu có thấy thủ đô Reykjavik không? Có hả? Được! Ngược theo vô vàn những vịnh hẹp rồi dừng lại ở phía dưới vĩ tuyến 65 một chút, cháu có thấy gì không?

- Một bán đảo trông giống một cái xương sống đã bị róc hết thịt.

- So sánh rất chính xác. Nhưng cháu thấy gì trên khúc xương sống ấy?

- Một quả núi như mọc lên giữa biển.

- Đúng! Đó là ngọn núi Sneffels.

- Ngọn núi Sneffels à?

- Phải, chính là nó đấy. Sneffels là một ngọn núi cao năm ngàn bộ đáng chú ý nhất đảo và chắc chắn sẽ là quả núi nổi tiếng toàn thế giới nếu miệng núi lửa lại dẫn đến trung tâm trái đất.

- Nhưng đó là điều không thể được.- tôi nhún vai kêu lên, phản ứng lại giả thiết ấy của giáo sư Lidenbrock.

- Không được à? Tại sao lại không hả?

- Bởi vì chắc chắn dung nham nóng chảy phun trào lên sẽ lấp mất miệng núi.

- Nhưng nếu đó là miệng của một núi lửa đã ngưng hoạt động thì sao?

- Ngưng hoạt động à?

- Phải. Hiện nay có rất nhiều ngọn núi đã tắt trên mặt trái đất, chỉ còn khoảng ba trăm ngọn là còn đang hoạt động. Ngọn Sneffels này thuộc những núi lửa đã tắt từ rất lâu. Nó chỉ phun lửa một lần vào năm 1219. Từ đó nó dần dần cho đến nay. Trước những lý lẽ vững chắc ấy, tôi chẳng còn biết nói sao bèn đào sâu vào những điều khó hiểu trong bức mật thư.

- Thừa chú, Scartaris nghĩa là gì? Tại sao phải xuống đó trước khi hết tháng bảy?

Chú tôi nghĩ ngợi một lát rồi đáp:

- Những điều mà cháu cho là mù mịt khó hiểu ấy, đối với chú lại sáng tỏ như ban ngày. Nó chứng tỏ sự chu đáo tài tình của ông Saknussem để khẳng định phát kiến của mình. Núi lửa Sneffels có nhiều miệng. Do vậy nhất thiết phải chỉ rõ miệng nào dẫn tới trung tâm trái đất. Vậy nhà khoa học này đã xác định bằng cách nào? Ông ta quan sát thấy vào những ngày cuối tháng bảy, đỉnh Scartaris, một trong nhiều đỉnh của ngọn Sneffels sẽ in bóng vào miệng núi lửa đang nói đến. Ông bèn ghi sự việc này vào bức thư. Như thế không có gì chính xác hơn.

Rõ ràng không còn điều gì mà chú tôi không giải đáp được. Thấy không thể tấn công giáo sư Lidenbrock về những gì ghi trong mảnh da cũ được nữa, tôi bèn chuyển qua lý sự về khoa học.

- Thưa chú, - tôi nói – cứ cho là lời của ông Saknussem là sáng sủa rõ ràng và bức mật thư hoàn toàn xác thực. Cứ cho là nhà bác học Iceland này đã tới tận ngọn Sneffels, đã nhìn thấy bóng đỉnh Scartaris lướt trên bờ miệng núi lửa trước khi hết tháng bảy. Ông cũng đã từng nghe kể những truyền thuyết về con đường dẫn tới tâm trái đất từ miệng núi lửa ấy! Nhưng còn việc có đúng ông đã đi tới trung tâm trái đất hay không, có đúng ông đã thực hiện cuộc thám hiểm đó rồi quay trở về hay không, thì hoàn toàn không thể có được.

- Lý do nào mà cháu lại nghĩ như vậy? – giáo sư hỏi với giọng chế giễu.

- Thưa chú, tất cả mọi lý thuyết khoa học đều chứng minh là điều đó không thể thực hiện được.

- Mọi lý thuyết khoa học đều nói thế sao? – giáo sư Lidenbrock làm ra vẻ ngây thơ hỏi – Chà cái mớ lý thuyết đáng thương này lại đang sắp quấy rầy ta đây!

Dù biết ông đang chế giễu, tôi vẫn tảng lờ nói tiếp:

- Đúng vậy, mọi người đều biết đi sâu xuống mặt đất cứ 70 bộ thì nhiệt độ lại tăng lên một độ. Giả thiết tỷ lệ đó không thay đổi, bán kính trái đất là 1500 dặm, như vậy nhiệt độ ở tâm trái đất sẽ là hai triệu độ. Những vật chất ở giữa lòng đất đều ở thể lỏng nóng sáng, vì ở độ nóng như vậy ngay cả những kim loại rắn nhất cũng phải chảy tan ra. Như vậy liệu chúng ta có nên liều mạng dẫn thân vào một nơi như vậy không?

- À thì ra chính nhiệt độ ở trong lòng đất làm cháu lo ngại à?

- Dạ, dĩ nhiên là thế. Chỉ cần xuống đến độ sâu 10 dặm thôi thì nhiệt độ cũng đã lên tới 1300 độ rồi.

- Và cháu sợ sẽ chảy lỏng ra chứ gì?

- Điều đó thì tùy chú quyết định.

- Vậy thì chú quyết định như thế này, - giáo sư lấy lại vẻ chững chạc nói – Mọi người kể cả cháu, không một ai biết chắc cái gì diễn ra trong lòng đất, cho đến nay con người mới chỉ gọi là biết tới một phần mười hai ngàn đường bán kính của trái đất mà thôi. Khoa học lại không ngừng được hoàn thiện, luôn có một lý

thuyết mới đánh đổ lý thuyết cũ. Cho đến thời của Fourier, mọi người vẫn tưởng nhiệt độ không vũ trụ giữa các hành tinh cứ giảm mãi, nhưng đến nay người ta lại biết nhiệt độ thấp nhất của những vùng có ête không quá bốn, năm mươi độ dưới không! Tại sao nhiệt độ trong lòng đất lại không thể biểu diễn tương tự như vậy được? Tại sao ở một độ sâu nào đó, nhiệt độ lại không thể dừng ở một giới hạn cực đại?

Những vấn đề chú tôi nêu ra hoàn toàn là những giả thuyết, nên tôi đành phải im lặng. Chú tôi nói tiếp:

- Chú nói cho cháu rõ, nhiều nhà khoa học thực thụ đã chứng minh nếu trong lòng trái đất tồn tại một nhiệt độ hai triệu độ thì những vật chất nóng chảy sẽ dần nở một cách khủng khiếp tới mức vỏ trái đất không chịu nổi sẽ nổ tung ra như thành của cái nồi hơi dưới tác dụng của khí nén.

- Thừa chú, chẳng qua đó cũng là những ý kiến chủ quan mà thôi.

- Không phải là ý nghĩ của riêng chú mà là của nhiều khoa học gia khác nữa. Cháu còn nhớ năm 1825 ông Humphry Davy là một bác học nổi danh có ghé thăm chú không?

- Dạ, cháu đâu biết. Bởi vì mười chín năm sau đó cháu mới được sinh ra đời.

- À, Humphry Davy nhân có dịp đi qua Hambourg nên ghé thăm chú. Ông ấy và chú đã thảo luận rất lâu về cấu tạo của lòng trái đất. Cả hai đều đồng ý là nó có cấu tạo bằng chất rắn.

Tôi ngạc nhiên hỏi:

- Vì sao mà chú nghĩ như thế?

- Vì nếu là chất lỏng thì nó phải chịu ảnh hưởng của mặt trăng, mặt trời nghĩa là phải có thủy triều như ở biển và nếu vậy thì phải có động đất liên miên.

Tôi lại hỏi:

- Thừa chú ngày xưa trái đất có một thời bốc cháy và thế nào mặt ngoài cũng nguội trước.

Chú tôi ngắt lời:

- Không phải đâu. Phần đất bị bốc cháy chính là phần vỏ bên ngoài. Một số kim loại phát hỏa khi gặp phải nước, vì vỏ trái đất cấu tạo bởi kim loại đó lên khi trời mưa xuống thì mặt đất bốc cháy. Khi nước mưa thấm sâu hơn xuống lòng đất thì ở dưới đáy cũng cháy, tạo ra các vụ động đất và núi lửa. Đó là lý do tại sao thời xa xưa có rất nhiều núi lửa. Nhiều nhà địa chất học nổi tiếng khác cũng có ý kiến là lòng trái đất không cấu tạo bằng khí, bằng nước, cũng chẳng phải bằng đá, vì nếu như vậy trái đất sẽ có khối lượng nhỏ hơn hai lần hiện tại.

- Cháu xin lỗi chú, chỉ với những con số người ta có thể chứng minh được tất cả những gì người ta muốn.

- Axel này, tính từ ngày khai thiên lập địa tới nay, rõ ràng số lượng núi lửa trên thế giới giảm một cách đáng kể. Do đó nếu thật sự tồn tại một nhiệt độ ở tâm

trái đất, chẳng lẽ ta không thể đi đến kết luận nhiệt độ ấy đang giảm đi hay sao?

Tôi bắt đầu bị lung lay trước những luận cứ do nhiệt tình và lòng đam mê của giáo sư đã trở lên có giá trị. Ông nói thêm:

- Cháu thấy đấy, có rất nhiều giả thiết về trung tâm trái đất. Nhưng cháu cứ yên tâm, rồi chúng ta cũng thấy được thôi. Chú nhất định sẽ không chịu thua Saknussemm trong việc giải quyết vấn đề lớn lao này.

- Đúng vậy, - bỗng nhiên bị cuốn hút vào sự nhiệt tình của giáo sư tôi đáp – nhất định chú cháu mình cũng sẽ thấy, nhưng liệu chúng ta sẽ thấy được gì ở cái nơi tối tăm đó?

- Tại sao không thấy? Ở dưới đó có thể có những hiện tượng điện cho ta ánh sáng, và lại khi đến gần trung tâm trái đất dưới áp suất của khí quyển, không khí cũng có thể phát sáng.

- Phải! Những hiện tượng này có thể xảy ra lắm.

- Chắc chắn chúng sẽ xảy ra.- chú tôi khẳng định một cách chắc chắn – Nhưng cháu phải giữ im lặng, không hé nửa lời về điều đó để không ai có ý nghĩ khám phá trung tâm trái đất trước chúng ta!

Cuộc tranh luận đáng nhớ giữa tôi và giáo sư Lidenbrock được kết thúc như vậy đấy. Bước ra khỏi phòng làm việc của chú tôi, thấy người choáng váng và ngột ngạt khó thở, tôi bèn đi ra ngoài bờ sông Elbe. Tôi bước đi mà như chơi vơi giữa muôn ngàn giả thuyết mâu thuẫn mà không tài nào bám lấy được một giả thuyết nào. Tôi chợt nhớ mình bị sự nhiệt tình của giáo sư Lidenbrock chinh phục và cái nhiệt tình này cũng đang hình thành trong tôi. Tôi muốn lên đường thám hiểm ngay tức khắc, không đắn đo suy nghĩ một giây nào nữa. Đúng thế, lúc này tôi có thừa lòng dũng cảm để sắp xếp hành trang.

Nhưng một giờ sau, sự hưng phấn đột ngột ấy bỗng dưng chấm dứt. Những dây thần kinh của tôi chùng cả xuống. Và thế là từ những vực sâu mơ mộng của lòng đất tôi bật trở lại mặt đất thực tại.

- Thật vô lý hết sức! – tôi kêu lên – Sự việc này chẳng ra cái nghĩa gì cả! Tất cả chỉ là một sai lầm! Chắc mình thiếu ngủ nên mới mộng mị ra những chuyện huyền hoặc như vậy!

Trong khi đó, chân tôi cứ bước lần theo bờ sông Elbe quanh thành phố. Có lẽ do linh tính dẫn đường vì chỉ một lát sau tôi thấy bóng dáng Grauben bé nhỏ của tôi đang nhẹ bước trên đường trở về Hambourg. Từ xa tôi cất tiếng gọi:

- Grauben!

- Ôi, anh Axel! – Grauben ngạc nhiên kêu lên – Anh đi đón đấy ư? Có đúng là anh đi đón em không, Axel?

Nhưng khi tôi bước lại đến gần bên cô, Grauben không khỏi bồn chồn vì cái vẻ lo lắng và ngao ngán hiện trên nét mặt tôi. Cô nắm lấy tay tôi và hỏi:

- Axel, anh làm sao thế?

- Grauben thân yêu, chuyện như vậy...

Thế là chỉ bằng mấy câu ngắn gọn, tôi đã thông báo cho cô gái xinh đẹp của tôi rõ tình hình. Chúng tôi lặng lẽ dắt tay nhau đi trên đường. Không hiểu trái tim của cô có đập phồng hổi hóp như trái tim của tôi không? Bỗng Grauben hỏi:

- Anh Axel này!

- Cái gì hả, Grauben?

- Em thấy chuyện du lịch sắp tới của anh có vẻ thú vị đấy!

Thú thật, khi nghe những lời nói đó của Grauben tôi muốn nhảy dựng lên. Nhưng cô vẫn nhỏ nhẹ nói tiếp:

- Anh Axel, thế mới xứng đáng là cháu một nhà bác học chứ danh chứ! Người đàn ông tự khẳng định mình bằng một câu chuyện vĩ đại quả là một điều hay!

- Em nói sao? Em nghĩ là anh phải tham gia vào cuộc thám hiểm này sao?

- Phải, Axel ạ. Nếu một đứa con gái yếu đuối như em mà không làm vương chân ai thì chắc chắn anh cũng tình nguyện theo anh và chú Lidenbrock ngay!

- Em nói thật sao?

- Thật chứ!

Thật khó mà hiểu được tâm hồn phụ nữ. Khi thì họ là những con người nhút nhát, yếu đuối nhất, cũng có khi họ lại là những con người dũng cảm vô song. Cô gái này đang khuyến khích tôi tham gia vào chuyến thám hiểm điên rồ này mặc dù rất yêu tôi! Nói thật tôi cũng cảm thấy xấu hổ.

- Grauben này, - tôi hỏi để chữa thẹn – để rồi xem ngày mai em có còn nói vậy nữa không nhé!

- Ngày mai em cũng sẽ nói y hệt như ngày hôm nay.

Thế rồi chúng tôi lại lặng lẽ nắm tay nhau bước đi. Tôi quá mệt mỏi với những chuyện xảy ra trong ngày. Tôi thầm nghĩ:

“Từ nay đến cuối tháng bảy cũng còn lâu, thế nào cũng sẽ xảy ra những biến cố khiến chú tôi phải từ bỏ ý định muốn chu du dưới lòng đất ấy.”

Khi chúng tôi về đến nhà, trời đã bắt đầu tối. Tôi tưởng sẽ thấy nhà cửa yên ắng, chú tôi sẽ lên giường ngủ như mọi khi và dì Marthe đã quét dọn xong phòng ăn, nào ngờ lại thấy giáo sư đang la hét, hối hả giữa một đám người khuân vác đang dỡ xuống lối đi các hàng hóa gì đó, và dì Marthe đang bối rối vì không biết xếp chúng vào chỗ nào. Trông thấy tôi từ xa, chú tôi đã hét to:

- Lẹ lên Axel! Hành trang chưa đóng, giấy tờ còn lung tung, chìa khóa vali biến mất đâu không thấy, một số vật dụng đặt mua vẫn chưa thấy mang tới!

Tôi sững sốt, đứng ì ra không nói được lời nào. Mãi một lúc sau, tôi mới lắp bắp được một câu:

- Chúng ta lên đường hả chú?

- Đúng vậy! Sáng sớm ngày kia sẽ khởi hành!

Không còn nghe chú tôi nói gì thêm nữa và tuôn chạy về phòng riêng.

Rõ ràng là giáo sư Lidenbrock đã tận dụng buổi trưa hôm nay để lùng kiếm một phần những đồ dùng và dụng cụ cần thiết cho chuyến thám hiểm. Trên lối vào nhà ngổn ngang nào thang, dây leo núi, đuốc, bình đựng nước, móc sắt, gậy, cuốc chim... Tất cả những đồ đạc lỉnh kỉnh ấy đủ để mười người vác nặng.

Trải qua một đêm kinh hoàng, sáng hôm sau tôi đã nghe Grauben gọi. Tôi đành mở cửa. Tôi ra khỏi phòng, lòng nghĩ rằng khuôn mặt nhợt nhạt và đôi mắt đỏ lù của tôi sẽ khiến Grauben thay đổi ý kiến.

- A, Axel. – nàng nói – Em thấy anh có vẻ khá hơn đấy, ngủ được một đêm là anh khỏe ngay mà!

- Khỏe à? – tôi kêu lên rồi chạy lại gương. Quả là tôi có khá hơn mình tưởng.

- Axel, - Grauben nói – em vừa nói chuyện với giáo sư. Chú ấy quả là một nhà bác học táo bạo, một người rất can đảm, và anh nên nhớ rằng anh có cùng dòng máu với chú ấy. Giáo sư có kế cho em nghe về kế hoạch và hy vọng của mình. Giáo sư sẽ thành công, em tin chắc vào điều đó. Vinh quang đang chờ đợi hai người. Khi anh trở về, anh sẽ thành một người đàn ông ngang tầm với giáo sư, tự do hành động và ăn nói, tự do để...

Nàng ngưng bật và đỏ mặt. Những lời của nàng khiến tôi thêm can đảm. Tuy vậy tôi vẫn không muốn tin vào quyết định của giáo sư. Tôi kéo Grauben tới phòng làm việc của ông và hỏi:

- Thưa chú, như vậy nhất định sáng mai chúng ta sẽ lên đường?

- Sao hả? Cháu còn nghi ngờ gì nữa?

- Thưa chú không ạ.- không muốn giáo sư phật ý, tôi vội trả lời – Cháu chỉ muốn hỏi tại sao chúng ta lại phải vội vã như thế?

- Thời gian chứ còn cái gì nữa! Thời gian tựa tên bay, cháu không biết sao?

- Nhưng hôm nay mới là ngày 26 tháng 5, mãi đến cuối tháng 6...

- Cháu còn dại lắm, đường đi tới Iceland có phải dễ đi đâu. Mỗi tháng chỉ có một chuyến tàu từ Copenhagen đi Reykjavik vào ngày 22. Nếu cứ chờ tới đó mới lên đường, chúng ta sẽ bỏ lỡ dịp nhìn thấy đỉnh Scartaris lướt qua miệng núi lửa Sneffels. Do vậy cần phải đến Copenhagen càng sớm càng tốt để tìm phương tiện. Thôi, đi thu xếp hành trang mau lên, Axel.

Nghe giáo sư ra lệnh, tôi đành im lặng cùng Grauben trở về phòng. Nàng sắp xếp những vật dụng của tôi vào một vali nhỏ. Đôi tay nàng hoạt động lẹ làng. Nàng nói chuyện bình thản và đưa ra những lý lẽ rất hay cho chuyến đi. Nàng làm tôi vừa lòng nhưng sao tôi vẫn cảm thấy tức giận. Đôi lúc tôi xuýt nổi cáu, nhưng nàng bỏ qua và tiếp tục công việc. Sau cùng nàng làm xong và tôi đi xuống lầu.

Cả ngày hôm ấy, các dụng cụ khoa học, súng ống và trang thiết bị được trở tới. Dì Marthe không biết phải xoay sở ra sao, nên hỏi tôi:

- Cậu Axel này, bộ giáo sư Lidenbrock phát điên rồi hả?

Tôi gật đầu.

- Ông chủ mang cậu theo à?

Tôi lại gật đầu.

- Thế đi đâu hả cậu?

Tôi chỉ tay xuống đất.

- Đi xuống tầng hầm à?

- Không, sâu hơn như thế nhiều.

Đến tối, tôi chẳng còn chút khái niệm nào về thời gian. Giáo sư nhắc tôi:

- Axel này, đúng sáu giờ sáng mai chúng ta lên đường đấy!

Tôi nằm vật ra giường, thân thể nặng tựa như đá. Đêm hôm ấy, những nỗi kinh hoàng lại đến, tôi toàn mơ thấy vực thẳm. Trong cơn mê sảng, tôi thấy bàn tay to khỏe của giáo sư xiết chặt lấy tôi, dìu tôi xuống nước và vùi tôi xuống cát! Tôi thấy mình bị rơi xuống những vực sâu hun hút không đáy. Và cứ thế tôi vùi rơi xuống mãi xuống mãi không bao giờ ngừng.

Chương 4

TỚI REYKJAVIK

Đúng năm giờ rưỡi, ngoài phố vang lên tiếng bánh xe lăn. Một chiếc xe ngựa đến đón chúng tôi ra ga để lên tàu đi Copenhagen. Chẳng mấy chốc những kiện hành lý của chú tôi đã chất đầy xe. Giáo sư hỏi tôi:

- Hành lý của cháu đâu hả, Axel?

- Thừa chú, đã sẵn sàng rồi ạ!

- Thế cháu còn đợi gì nữa mà không mang xuống? Nhanh lên không thì trễ chuyến tàu đó.

Thấy không cưỡng nổi số phận, tôi đành lên cầu thang mang vali xuống.

Trong khi đó giáo sư Lidenbrock trình trọng trao chìa khóa nhà cho Grauben. Cô ôm hôn giáo sư với vẻ bình thản hàng ngày. Nhưng khi đặt đôi môi dịu dàng của cô lên má tôi, cô không khỏi ngăn được một dòng nước mắt tuôn trào.

- Grauben. – tôi kêu lên.

- Đi đi, anh Axel của em! Em sẽ chờ cho tới ngày anh trở về. Lúc đó em sẽ là vợ của anh!

Tôi ôm riết lấy Grauben trong vòng tay, rồi nhảy lên xe. Đứng ở ngưỡng cửa, dì Marthe và cô gái xinh đẹp của tôi giơ tay từ biệt chúng tôi lần cuối. Người đánh xe huýt lên một tiếng dài. Được lệnh, hai con ngựa bỗng rùng mình cất vó rồi phi nước đại trên con đường đến nhà ga.

Sáu giờ rưỡi chúng tôi tới ga xe lửa. Mọi hành lý đều được cân rồi đưa lên toa hàng. Tới bảy giờ xe khởi hành. Tôi vẫn còn buồn nhưng không khí lạnh buổi sáng làm tôi tỉnh táo hơn. Tôi nhìn ra cửa sổ, cảnh vật dường như bay lùi lại phía sau. Xe chạy thật nhanh nhưng giáo sư vẫn cho là quá chậm. Chú tỏ vẻ nóng nảy vô cùng. Chúng tôi ngồi kề bên nhau nhưng chẳng ai buồn nói năng gì hết. Chú tôi

cẩn thận xem xét lại mọi thứ. Tôi thấy rằng ông không quên bất cứ thứ gì cần thiết cho kế hoạch. Một trong những thứ đó tôi thấy một lá thư giới thiệu gửi thống đốc Iceland. Tôi cũng thấy mẫu tài liệu khủng khiếp đó trong ví của ông. Trong thâm tâm tôi nguyên rủa nó và quay đi nhìn ra cửa sổ.

Ba giờ sau xe lửa dừng lại ở Kiel. Chúng tôi chẳng lo gì cho hành lý cả. Nhưng giáo sư vẫn bồn chồn theo dõi việc chuyển chúng xuống tàu biển. Trong lúc vội vàng, giáo sư đã ghi nhận sai giờ tàu khởi hành, nên chúng tôi còn dư cả một ngày. Con tàu Ellenora mãi đến tối mới lên đường. Chú tôi tìm thuyền trưởng và bắt đầu càu nhàu. Ông muốn tàu đi ngay và thuyền trưởng đã phải đuổi giáo sư Lidenbrock ra ngoài.

Ở Kiel, cũng như mọi nơi khác, rồi ngày cũng qua. Chúng tôi đi dọc bờ biển, qua những cánh rừng, ngắm nghía những ngôi nhà, rồi sau cùng đến mười giờ tối.

Con tàu rung lên với tiếng máy nổ. Chúng tôi đã lên tàu. Mười giờ mười lăm, con tàu lướt trên mặt nước đen ngòm tiến ra biển. Đêm đó tối trời, gió mạnh và biển cả gầm gừ. Vài tia sáng hiện ra trong đêm, tôi nhớ chỉ có bấy nhiêu trong lần vượt biển đầu tiên này.

Bảy giờ sáng hôm sau, chúng tôi cập bến Korsør, một thị trấn nhỏ ở vùng duyên hải phía tây của Đan Mạch. Chúng tôi lại từ tàu biển chuyển qua xe lửa, nó đưa chúng tôi băng qua những vùng nông thôn bằng phẳng. Và phải mất hơn ba giờ nữa mới tới được Copenhagen, thủ đô của Đan Mạch. Suốt đêm chú tôi không chợp mắt. Tôi thầm nghĩ trong cơn nóng ruột chắc ông dùng chân đạp xuống đất để xe chạy nhanh hơn nữa.

Sau cùng, đến mười giờ sáng, chúng tôi tới Copenhagen. Hành lý được chuyển lên một chiếc xe ngựa cùng chúng tôi đến khách sạn Phụng Hoàng ở Bredgade. Xe ngựa chạy nửa giờ mới đến vì nhà ga ở ngoại ô. Sau khi vội vàng tắm rửa, giáo sư gọi tôi đón xe cùng đi tới viện bảo tàng thành phố. Chú tôi có một lá thư giới thiệu gửi cho giám đốc viện bảo tàng là giáo sư Thomson. Thông thường khi các nhà khoa học gặp nhau lần đầu họ có thái độ xa cách với nhau. Nhưng lần này thì khác, vì giáo sư Thomson rất tận tình. Ông ta không hỏi lý do đi Iceland của chúng tôi, còn chúng tôi cứ như những du khách bình thường đến Iceland chỉ vì tò mò mà thôi.

Giáo sư Thomson đề nghị tìm giúp chúng tôi một chiếc tàu đi Iceland. Tôi cứ hi vọng thấp thỏm là không tìm ra nhưng lại thất vọng. Một con tàu nhỏ tên Valkyrie sẽ ra khơi đi Reykjavik vào ngày 2 tháng 6. Mừng quá, giáo sư bước tới siết chặt tay ông thuyền trưởng. Thuyền trưởng Bjarne hơi ngạc nhiên và tính giá vé gấp đôi. Nhưng chú tôi chẳng bận tâm đến những chuyện lật vật như thế. Sau khi cẩn thận đút số tiền kha khá ấy vào túi, thuyền trưởng Bjarne căn dặn:

- Đúng bảy giờ sáng thứ ba, các ông nhớ có mặt trên tàu Valkyrie!

Chúng tôi cảm ơn giáo sư Thomson rồi quay về khách sạn Phụng Hoàng. Chú

tôi luôn miệng nhắc đi nhắc lại:

- Mọi chuyện tốt đẹp đấy! Tốt đẹp đấy! Thật may mắn khi tìm được một con tàu sẵn sàng ra khơi. Bây giờ chúng ta ăn sáng rồi thăm thành phố.

Chúng tôi đi trên đường phố thủ đô Copenhagen. Bỗng xa xa, phía tây nam nổi lên bóng một tháp chuông cao vút đập vào mắt giáo sư Lidenbrock. Ông ra lệnh cho tôi đi về hướng ấy. Sau khi đi xuyên qua mấy hẻm phố, tôi và giáo sư tới trước nhà thờ Vor Frelzers Kirk. Nhà thờ này trông chẳng có gì đặc biệt. Nhưng điều làm chú tôi chú ý là ở cái tháp chuông khá cao có một cầu thang ngoài trời từ sân thượng leo lên quanh chóp tháp theo đường xoắn ốc.

- Chúng ta leo lên đi! – chú tôi nói.

- Nhưng chóng mặt lắm chú ạ!

- Cháu sợ chóng mặt hả? Thế mới phải làm cho quen chứ!

- Nhưng thưa chú...

- Không nhưng gì cả. Nào, đừng nhùng nhằng mất thời giờ!

Tôi đành phải tuân theo lời giáo sư. Một người trông coi nhà thờ đưa chúng tôi chìa khóa mở cửa cầu thang tháp chuông. Chúng tôi bắt đầu trèo lên.

Giáo sư xăm xăm đi trước, tôi theo sau mà lòng không khỏi lo sợ. Khi chúng tôi leo đến hết một trăm năm mươi bậc, gió bắt đầu ủa tới quất thẳng vào mặt tôi, chúng tôi đã lên sân thượng của tháp chuông. Từ đây bắt đầu đoạn cầu thang ngoài trời, với một tay vịn mỏng manh cùng những bậc thang ngày càng hẹp hơn và lên cao mãi như vô tận. Tôi kêu lên:

- Chú ơi, cháu chịu thua! Cháu...

- Sao nhát vậy hả! Mau leo tiếp đi!

Bất đắc dĩ tôi phải bấu chặt lấy tay vịn cầu thang và lần bước theo giáo sư. Khí trời thoáng đãng khiến tôi choáng ngợp. Tôi thấy hình như tháp chuông trao đảo trong gió. Đôi chân tôi nhùng ra. Dần dần tôi phải leo bằng đầu gối, rồi áp bụng xuống mà trườn lên. Cuối cùng, giáo sư nắm lấy cổ áo lôi tôi đứng dậy. Chúng tôi đã lên tới quả cầu gắn trên đỉnh tháp. Giáo sư nói:

- Axel, cháu hãy mở to mắt ra mà nhìn. Phải làm quen với vực thẳm cháu ạ!

Tôi đành hé mắt ra. Lẫn giữa những đám khói bếp mù mịt, tôi nhìn thấy những ngôi nhà trông bẹp dí như bị rơi từ trên cao xuống. Phía trên đầu tôi, những đám mây tơi tả lướt qua. Tôi có cảm giác như mây đang đứng yên, còn bản thân cái tháp chuông và quả cầu trên nóc nó trôi nhanh vùn vụt. Xa xa, một phía là ruộng đồng xanh mướt, phía bên kia là biển cả chói chang ánh mặt trời. Một vài cánh buồm trắng muốt như những cánh chim hải âu dập dềnh trên sóng nước. Về phía tây, bờ biển Thụy Điển hiện lên nhấp nhô mờ mờ trong sương mù. Toàn bộ khung cảnh mênh mông ấy quay cuồng trước mặt tôi.

Tôi bị bắt buộc phải đứng lên, phải vươn thẳng người và nhìn ra khắp chung quanh. Bài học làm quen với vực thẳm kéo dài trong một giờ. Cuối cùng, khi rời

đỉnh tháp đi xuống, đặt chân trên mặt đất vững chắc của đường phố, tôi mệt là cả người. Giáo sư nói với tôi:

- Ngày mai ta lại tiếp tục luyện tập!

Ròng rã năm ngày liền, tôi phải lập đi lập lại cái bài tập làm quen với vực thẳm ấy và dần dà cũng có nhiều tiến bộ rõ rệt.

Đã tới ngày hẹn tàu Valkyrie. Sáu giờ sáng ngày 22 tháng 6, hành lý của chúng tôi được xếp gọn trong khoang tàu. Thuyền trưởng dẫn chúng tôi đến những cabin hẹp dưới tàu. Chú tôi hỏi:

- Chúng ta sẽ thuận buồm xuôi gió chứ?

- Được, gió đông nam thuận lợi lắm! – Thuyền trưởng Bjarne trả lời – Chúng ta sẽ ra khỏi sông Sund theo hướng gió chếch, rồi cứ thế căng buồm ra khơi.

Ít phút sau, tàu Valkyrie nhổ neo rời bến. Nhìn trở lại nơi xuất phát, tôi thấy Copenhagen như chìm dần dưới những lớp sóng xa xa. Chiếc Valkyrie vẫn lướt trên sóng, hơi chao nghiêng dưới làn gió nhẹ.

Valkyrie là một chiếc thuyền buồm tốt với năm thủy thủ lành nghề điều khiển, nhưng chẳng biết có nên quá tin vào một chiếc thuyền buồm hay không?

- Phải mất bao lâu mới tới? – chú tôi hỏi thuyền trưởng Bjarne.

- Khoảng mười ngày nếu không gặp gió ngược bất ngờ thổi từ hướng tây bắc.

- Có bao giờ bị trễ không?

- Ít khi lắm. Xin giáo sư cứ an tâm. Chúng ta sẽ cập bến bình an.

Ngày 11 tàu đến bờ biển phía nam. Thuyền trưởng Bjarne cho tàu đi xa bờ và bắt đầu chạy vòng qua phía tây, vùng này đá ngầm ra khỏi bờ thật xa, sóng lại khá lớn. Rồi chúng tôi đi ngang qua vị trí cực tây của Iceland. Bốn mươi tám giờ sau, cơn bão nhỏ đã yên và chúng tôi đi đến một vùng biển lớn chồm đá rất nguy hiểm.

Ba giờ sau tàu Valkyrie bỏ neo trong một vịnh Faxa gần thành phố Reykjavik. Như vậy đúng mười ngày sau, tuy có gặp một cơn bão ép thuyền phải chạy không buồm, nhưng chiếc thuyền vẫn cập bến đúng thời hạn. Giáo sư Lidenbrock bước ra khỏi cabin tuy hơi mệt mỏi, nhợt nhạt nhưng vẫn vui vẻ và nhiệt tình. Ông rất nóng lòng muốn rời khỏi cái nhà tù nổi này. Nhưng trước khi rời khỏi boong tàu, ông kéo tôi ra mạn trước và chỉ cho tôi thấy một ngọn núi cao có hai đỉnh phủ tuyết quanh năm và xúc động kêu lên:

- Sneffels, ngọn núi Sneffels đấy!

Sau khi ra hiệu cho tôi phải tuyệt đối giữ bí mật, giáo sư Lidenbrock xuống chiếc xuồng nhỏ đang đợi ông. Tôi cũng xuống theo và chẳng mấy chốc, chúng tôi đã đặt chân lên đất Iceland.

Người đầu tiên mà chú tôi tìm gặp là thống đốc Iceland, nam tước Trampe. Giáo sư nhận ra ngay người mình cần gặp. Ông liền trao lá thư giới thiệu và hai người nói chuyện với nhau bằng tiếng Đan Mạch nên tôi chẳng hiểu gì cả. Sau đó giáo

sư kể lại là nam tước sẵn sàng giúp đỡ chúng tôi. Sau đó chúng tôi đến gặp viên thị trưởng và lần này cũng được tiếp đón niềm nở.

Người thứ ba mà chúng tôi gặp là một nhân vật khá thú vị mà sự cộng tác của ông ta rất quý giá đối với chúng tôi, đó chính là ông Pridrikson, giáo sư sinh vật học ở Reykjavk. Nhà bác học khiêm tốn này bắt đầu câu chuyện bằng tiếng latin và tôi cảm thấy ngay hai bên dễ dàng thông cảm nhau. Quả thật, ông là người duy nhất mà tôi có thể trò chuyện được trong suốt thời gian ở Iceland. Giáo sư Pridrikson cho chúng tôi mượn hai trong số ban căn phòng ở nhà ông để nghỉ ngơi và thu xếp hành lý.

- Thế nào Axel, - giáo sư nói – cháu thấy không, mọi việc đều suông sẻ cả! Việc khó khăn nhất cũng đã giải quyết xong!

- Thừa chú, chuyện khó khăn nhất cũng đã giải quyết xong rồi sao?

- Chứ sao! Khó nhất là chuyện vượt biển cũng đã trót lọt. Bây giờ chúng ta chỉ còn mỗi một việc là đi xuống lòng đất.

- Có thể chú nghĩ như vậy thôi. Nhưng sau khi đi xuống dưới chúng ta còn phải trở lên nữa.

- Chuyện đó không mấy quan trọng đâu. Thôi, không nên mất thời gian vô ích. Chú phải đến ngay thư viện, biết đâu lại tìm thấy một bản viết tay khác của Arne Saknussemm!

- Trong thời gian đó, cháu xin phép đi thăm thành phố. Hya chú đi với cháu? Chẳng lẽ chú không thích tham quan à?

- Muốn lắm chứ. Nhưng cái chú muốn tìm hiểu ở đất Iceland này không phải nằm ở bên trên mà là ở bên dưới lòng đất kia.

Tôi ra phố và đi lang thang. Trong ba giờ đi dạo, không những tôi thăm được hết thành phố mà còn cả vùng ngoại vi nữa. Quang cảnh chung đặt biệt buồn tẻ, chẳng gặp cây cối, vườn tược gì cả. Đâu đâu cũng toàn là những cạnh đá núi lửa trơ trọi. Những túp lều của người Iceland dựng bằng đất nhào than bùn, vách xiêu ngả vào bên trong, trông tựa như những mái nhà úp chụp trên mặt đất. Những mái nhà này thật sự là những đồng cỏ khá màu mỡ vì nhờ có hơi ấm của người ở. Mỗi khi mùa cắt cỏ đến, người ta cắt cỏ hết sức cẩn thận, nếu không gia súc sẽ không ngại gì mà không xông đến gặm cỏ trên những căn nhà xinh tươi ấy. Trên đường đi tôi cũng gặp vài người địa phương. Dân ở đây trông khỏe mạnh nhưng kênh cang, giống những người Đức tóc vàng và đôi mắt trầm tư. Phụ nữ thì mang khuôn mặt buồn, xinh xắn nhưng vô hồn. Con gái thì đội mũ đan màu nâu, còn đàn bà thì có khăn bịt đầu màu sặc sỡ.

Sau cuộc dạo chơi thoải mái. Khi trở về nhà ông Fridrikson thì thấy chú tôi đang ngồi nói chuyện với ông ấy.

Chương 5 **Chuẩn bị lên đường**

Bữa trưa hôm ấy ở nhà ông Fridrikson, chú tôi ăn một cách ngẫu nhiên và ngon lành, vì những ngày bị nhện đói ở trên thuyền đã biến dạ dày tôi thành cái thùng không đáy. Được ông chủ nhà rất mến khách nên chúng tôi cũng thấy tự nhiên như ngồi ăn ở nhà mình vậy.

Chú tôi và ông Fridrikson nói chuyện với nhau bằng tiếng địa phương, có chêm tiếng Đức và tiếng Latinh để tôi cũng có thể hiểu được. Là những nhà bác học nên cuộc nói chuyện của hai người chỉ xoay quanh những vấn đề khoa học. Nhưng giáo sư Lidenbrock giữ ý quá đáng, đôi mắt ông luôn ra lệnh cho tôi phải tuyệt đối giữ bí mật về những dự định của chúng tôi.

Ông Fridrikson hỏi chú tôi về kết quả khảo cứu ở thư viện. Chú tôi kêu lên:

- Trời ơi, thư viện của các ngài là thư viện gì mà tôi thấy các giá sách hầu như trống rỗng, có sách chẳng đi nữa cũng chẳng quyển nào được chọn bộ.

- Ông nói sao? – ông Fridrikson đáp – Thư viện của chúng tôi có hơn tám ngàn quyển sách, trong đó có rất nhiều quyển sách quý hiếm, những tác phẩm bằng tiếng bắc Âu cổ và toàn bộ những sách mới xuất bản mà Copenhagen hàng năm cung cấp cho chúng tôi.

- Thưa ngài Fridrikson, ngài lấy đâu ra hơn sáu ngàn quyển sách ấy? Theo tôi...

- À! Sách của tôi chạy rong khắp đảo, ở chỗ chúng tôi không có người nào không biết đọc sách. Chúng tôi nghĩ nên để sách mòn đi dưới mắt người đọc hơn là sách bị mối mọt. Do vậy, những quyển sách ấy được chuyển từ tay người này sang tay người khác và thường chỉ quay về với giá sách sau một hai năm vắng mặt.

Chú tôi hơi bực mình nói:

- Chờ đến khi sách được quay trở về thư viện thì những bạn đọc nước ngoài...

- Xin lỗi ngài, những người nước ngoài đã có thư viện của họ ở nước họ! Điều quan trọng nhất phải là cho người dân của chúng tôi học tập. Tôi xin lưu ý với ngài là trong máu mọi người Iceland đều pha lẫn tính hiếu học. Năm 1816, chúng tôi có thành lập một hội văn học, đến nay vẫn còn hoạt động tốt. Hội vinh dự có được nhiều nhà bác học nước ngoài tham gia và xuất bản được khá nhiều sách có giá trị. Chúng tôi sẽ rất vinh hạnh nếu được ngài chiếu cố làm cộng tác viên của hội văn học chúng tôi.

Chú tôi vốn là hội viên của hàng trăm hội khoa học, nên rất vui vẻ nhận lời khiến ông Fridrikson rất xúc động.

- Thưa ngài Lidenbrock, - ông nói tiếp – bây giờ ngài vui lòng chỉ cho tôi biết những quyển sách nào ngài muốn tìm trong thư viện của chúng tôi.

Sau ít phút suy nghĩ, chú tôi nói:

- Tôi muốn biết trong những tác phẩm cổ hiện có trong thư viện có quyển nào của Arne Saknussemm không?

- Arne Saknussemm! – vị giáo sư sinh vật ở Reykjavik đáp – Ý ngài muốn đề

cập đến nhà bác học Iceland của thế kỷ XVI, nhà sinh vật học, nhà hóa học, đồng thời là nhà thám hiểm vĩ đại ấy à?

- Đúng vậy!

- Một người lòng danh nhất trong những người lòng danh?

- Thưa ngài Fridrikson, tôi thấy ngài biết tường tận về con người vĩ đại ấy quá! Ngộp trong niềm vui sướng khi được nghe nói như vậy về Saknussem, giáo sư Lidenbrock đắm đắm nhìn ông Fridrikson, rồi hỏi:

- Thế còn những tác phẩm của ông ấy trong thư viện của ngài thì sao?

- Đáng tiếc chúng tôi không có tác phẩm nào của con người nổi tiếng ấy.

- Sao? Ngay cả ở Iceland mà cũng không có sao?

- Ở Iceland cũng như bất cứ đâu, không nơi nào có cả!

- Tại sao như vậy?

- Năm 1573, ông Arne Saknussem bị hành hình vì tội dị giáo. Những tên đao phủ đã đốt sạch những tác phẩm của ông ở Copenhagen.

- Tuyệt vời! Hết sức tuyệt vời! – chú tôi kêu lên trước sự căm phẫn của ông Fridrikson.

- Ngài vừa nói gì ạ? – vị giáo sư sinh vật học người Iceland hơi cau mày hỏi.

- Phải rồi! Tất cả đều được giải thích, đều gắn bó chặt chẽ và sáng sủa rõ ràng. Bây giờ ta mới hiểu tại sao sách của Arne Saknussem lại bị liệt vào mục sách cấm, tại sao ông ta bắt buộc phải giấu kín những điều bí mật trong bản mật mã khó hiểu ấy.

- Điều bí mật gì thưa ngài? – ông Fridrikson vội hỏi.

- Một điều bí mật mà... - chú tôi ấp úng trả lời.

- Phải chăng ngài đang có một tư liệu đặc biệt nào?

- Không!... Tôi đặt giả thiết vậy thôi!

- Thưa ngài Lidenbrock, - thấy chú tôi lúng túng, ông Fridrikson không muốn gạn hỏi nên nói tiếp – tôi mong rằng ngài sẽ không muốn chia tay với chúng tôi một khi chưa khảo sát những khoáng vật phong phú của hòn đảo này.

- Chắc chắn là như vậy. Nhưng có lẽ tôi đến hơi muộn vì có nhiều nhà bác học đã đi qua đây.

- Đúng vậy. Quan sát của những nhà khoa học gần đây đã làm khối lượng kiến thức về Iceland gia tăng đáng kể. Nhưng theo tôi thì cũng còn nhiều chuyện phải làm lắm!

- Ngài nghĩ như vậy sao? – chú tôi hỏi với vẻ ngây thơ, cố giấu một tia sáng đang lóe lên trong mắt.

- Đúng vậy. Còn biết bao núi non, băng hà và núi lửa ít biết đến cần phải khảo cứu. Mà thưa ngài, chẳng cần đi đâu xa, ngài hãy trông cái đỉnh núi cao ở chân trời kia, đó là ngọn Sneffels!

- Chà! Ngọn Sneffels à?

- Đúng vậy, đó là một trong những ngọn núi lửa kì lạ nhất mà người ta ít khi lên thăm miệng của nó.

- Đó là một ngọn núi lửa đã tắt rồi à?

- Đúng vậy, nó đã ngưng hoạt động từ năm trăm năm nay rồi.

Chú tôi vội đan chéo chân lại để khỏi phải nhẩy căng lên, rồi trả lời:

- Thưa ngài Fridrikson, vậy tôi muốn bắt đầu khảo sát địa chất từ ngọn Sefel... Fessel... à... thưa ngài, ngọn gì nhỉ?

- Sneffels. – ông Fridrikson đáp.

Đoạn này hai người nói với nhau bằng tiếng Latinh nên tôi hiểu cả, nhưng vẫn giữ vẻ nghiêm trang mỗi khi thấy chú tôi nhìn không để niềm vui đang tràn trề trong lòng ông trào ra ngoài. Chú tôi làm bộ ngây thơ không biết gì, nói với ông Fridrikson:

- Phải, ý kiến của ngài khiến tôi quyết định thử leo lên ngọn Sneffels xem nào, và cũng có khi tôi nghiên cứu luôn cả miệng phun lửa của nó nữa.

- Rất tiếc tôi bận nhiều việc quá, nếu không tôi cũng tham gia với ngài cho vui.

- Xin đa tạ ngài! – chú tôi vội ngắt lời – Chúng tôi không muốn quấy rầy ai cả. Tự đáy lòng chúng tôi xin cảm ơn ngài. Sự có mặt của một nhà bác học như ngài đây rất có ích, nhưng nhiệm vụ của một nhà địa chất học như chúng tôi...

Tôi thầm mong ông chủ nhà với tâm hồn Iceland trong trắng, không hiểu những lời của chú tôi.

- Thưa ngài, - ông Fridrikson nói – tôi rất tán thành việc ngài tiến hành khảo sát bắt đầu từ ngọn núi lửa Sneffels này. Tôi tin chắc rằng ngài sẽ thu được nhiều thắng lợi. Nhưng ngài định đến bán đảo Sneffels bằng cách nào?

- Có lẽ bằng đường biển, vượt qua vịnh Faxa. Đó chính là con đường ngắn nhất.

- Nhưng đường đó không thể đi được!

- Tại sao?

- Tại vì hiện nay ở Reykjavik chẳng còn một chiếc xuồng nào ở bến cả.

- Cái gì?

- Phải đi đường bộ men theo bờ biển. Đi như vậy sẽ xa và lâu hơn, nhưng lại thú vị hơn, thưa ngài.

- Được, tôi sẽ tìm một người dẫn đường.

- Vừa đúng lúc tôi có một người sẵn sàng phục vụ ngài.

- Một người thông minh và đáng tin cậy chứ à?

- Phải, một người dân rất tháo vát ở bán đảo, làm nghề săn vịt biển Bắc Âu. Ngài chắc chắn sẽ hài lòng, anh nói rất sôi nổi Đan Mạch.

- Chùng nào tôi có thể gặp được anh chàng thợ săn ấy?

- Ngày mai, nếu ngài muốn.

- Ngay hôm nay không được sao?

- Vì ngày mai anh ta mới có mặt ở nhà.

- Thôi được thì ngày mai vậy! – chú tôi thở dài nói.

Cuộc nói chuyện quan trọng trong bữa ăn ấy kết thúc. Giáo sư Lidenbrock nồng nhiệt cảm ơn vị giáo sư sinh vật người Iceland. Ông rất vui khi biết được nhiều thông tin quan trọng về Arne Saknussemm và từ ngày mai sẽ có một người dẫn đường phục vụ ông.

Chiều tối hôm ấy, sau khi đi dạo một đoạn trên bờ biển Reykjavik, tôi liền trở về nhà leo lên giường và đánh một giấc ngon lành cho đến sáng.

Và tôi bị đánh thức khi nghe tiếng giáo sư Lidenbrock nói thao thao ở phòng bên. Tôi nhồm dậy đi sang, và thấy chú tôi đang nói chuyện với một người có thân hình cao lớn, đẹp và rất gọn gàng. Anh chàng cao lớn này chắc phải khỏe lắm. Đầu anh to, vẻ mặt hồn nhiên, ẩn sâu một cặp mắt xanh mơ mộng và thông minh với mái tóc hung rủ xuống đôi vai lực sĩ. Anh đi đứng uyển chuyển nhưng ít cử động hai cánh tay, hình như anh ta không thích dùng ngôn ngữ ra hiệu bằng tay lắm. Tất cả ở anh toát lên một tính khí bình tĩnh, không lãnh đạm mà thanh thản. Tôi có cảm giác anh không đòi hỏi gì ở người khác mà chỉ muốn làm việc theo ý thích của mình. Trong cuộc sống quan niệm này của anh thật trong sáng.

Trong khi giáo sư khoa chân múa tay thì anh đứng lặng yên, tay khoanh trước ngực và hà tiện từng động tác, mái tóc dài của anh chỉ khẽ đung đưa khi anh lắc hay gật, biểu hiện sự không tán thành hoặc đồng ý.

Ông Fridrikson cho tôi biết con người trầm tĩnh này chỉ là một thợ săn vịt biển Bắc Âu, một giống chim mà lông tơ của nó đem lại một nguồn lợi to lớn cho đảo. Người ta mất rất ít công sức để thu hoạch thứ lông tơ này về làm chăn. Anh ta tên là Hans Bjelke. Hans sẽ là người dẫn đường tương lai của chúng tôi.

Tác phong của anh ta hoàn toàn đối nghịch với tác phong của chú tôi. Nhưng hai người lại dễ dàng hiểu ý nhau. Cả hai chẳng ai nghĩ đến giá cả. Người này sẵn sàng nhận cái người kia trả mình, người kia sẵn sàng trả số tiền người này đòi hỏi. Chưa từng có cuộc trả giá nào lại ngã ngũ nhanh như thế.

Theo thỏa thuận, Hans nhận đưa chúng tôi đến làng Stapi ngay dưới chân ngọn núi lửa Sneffels. Từ Reykjavik đến đó khoảng hai mươi dặm, giáo sư Lidenbrock tính phải đi mất hai ngày. Nhưng khi giáo sư biết một dặm Đan Mạch tương đương với hai mươi bốn ngàn bộ, ông đành tính toán lại và ước đoán phải mất bảy hoặc tám ngày đường.

Chúng tôi quyết định mua bốn con ngựa, tôi và chú tôi cưỡi hai con, còn hai con dùng trở hành trang. Còn Hans sẽ đi bộ theo thói quen. Anh nắm rất vững vùng duyên hải này và hứa sẽ dẫn chúng tôi đi theo con đường ngắn nhất.

Việc Hans nhận làm người dẫn đường không phải chỉ đến làng Stapi là thôi mà còn tiếp tục trong suốt thời gian cần thiết cho hành trình của chúng tôi với tiền công là ba risdal mỗi tuần. Số tiền này phải được thanh toán cho người dẫn đường vào chiều thứ bảy hàng tuần, đó là điều kiện không thể thiếu được trong

hợp đồng.

Ngày khởi hành được ấn định là ngày 16 tháng 6. Chú tôi muốn đưa trước cho Hans một số tiền nhưng anh ta từ chối bằng một từ gọn lỏn: “Efter”.

- Để sau đã! – giáo sư giải thích cho tôi nghe – Anh chàng này đúng là một con người tốt. Nhưng anh ta không lường trước được vai trò tuyệt vời của mình trong chuyến đi này đâu.

- Thưa chú, Hans sẽ theo chúng ta tới...

- Tối trung tâm trái đất, Axel ạ!

Còn bốn mươi tám giờ nữa mới tới giờ lên đường. Tôi tận dụng thời gian chờ đợi ấy vào việc chuẩn bị. Tôi tính toán thu xếp hành lang sao cho tiện lợi nhất, dụng cụ một bên, vũ khí một bên, đồ dùng đóng gói, thức ăn bọc kín. Tất cả chia thành bốn nhóm.

Dụng cụ gồm một nhiệt kế, một áp kế khí nén, một đồng hồ chính xác, hai địa bàn, một kính đêm và ba máy phát điện Ruhmknoff gọn nhẹ để mang theo.

Vũ khí gồm hai khẩu súng trường, hai khẩu súng ngắn và một lượng thuốc nổ có sức công phá lớn.

Đồ dùng gồm cuốc chim, cuốc bàn, thang dây, gậy bịt sắt, nệm sắt, búa, rìu, đinh móc, thùng có mẫu. Tất cả thành một kiện lớn.

Cuối cùng là thức ăn dự phòng gồm thịt cô đặc và lương khô đủ dùng trong sáu tháng. Thức uống chỉ có rượu, còn nước hoàn toàn thiếu vì chúng tôi hi vọng sẽ gặp được nhiều nguồn nước ngầm.

Ngoài ra tôi còn chuẩn bị một túi cấp cứu đựng thuốc men và dụng cụ cấp cứu. Chú tôi cẩn thận xem lại dự trữ thuốc lá, thuốc súng, bụi nhui và một cái thắt lưng vàng bạc và giấy tờ. Trong đồ dùng ấy ông còn bỏ sung thêm sáu đôi giày tốt không thấm nước.

Giáo sư Lidenbrock xoa hai tay vào nhau, nói với tôi:

- Với những trang bị cỡ này thì chẳng có lý do gì mà không đi đến nơi được.

Chiều hôm ấy, chúng tôi được mời tới dùng bữa với nam tước Trampe cùng với ông thống đốc Reykjavik và tiến sĩ Hyaltalin vốn là người rất nổi tiếng ở đây. Trong số khách mời bữa ấy, chúng tôi không thấy có mặt giáo sư Fridrikson. Mãi đến sau tôi mới biết được giữa ông thống đốc và vị giáo sư sinh vật có sự bất đồng ý kiến về một vấn đề chính trị. Suốt bữa ăn, vì thiếu giáo sư Fridrikson thành ra tôi chẳng hiểu được chữ nào trong buổi nói chuyện của họ, chỉ thấy rằng chú tôi nói thao thao bất tuyệt từ đầu đến cuối.

Hôm sau, ngày 15 tháng 6, mọi công việc đều đã được chuẩn bị xong. Giáo sư Fridrikson tặng chú tôi một tấm bản đồ Iceland do Hội văn học Iceland in ấn, nó hoàn chỉnh và hơn hẳn tấm bản đồ của Handerson. Đối với một nhà khoáng vật học như chú tôi thì đây quả là một tài liệu vô cùng quý giá.

Suốt buổi tối ngày cuối cùng trước khi lên đường ấy, chúng tôi ngồi trò chuyện

thân mật với giáo sư Fridrikson. Sau đó chúng tôi lên giường đi ngủ, riêng tôi cứ thao thức mãi không sao chợp mắt được.

Năm giờ sáng, tôi thức giấc vì tiếng hí của bốn con ngựa đứng dậm chân dưới cửa sổ, tôi nhanh nhẹn mặc quần áo và xuống dưới đường. Ở đó, Hans đang chất những kiện hành lý cuối cùng của chúng tôi lên lưng ngựa. Anh lặng lẽ làm việc, hết sức khéo léo và hình như bỏ ngoài tai những ý kiến của chú tôi đang lảng xảng bên cạnh.

Đến sáu giờ, mọi việc đã xong xuôi. Giáo sư Fridrikson bắt tay chúng tôi, còn chú tôi thì hết lời cảm ơn ông ấy về sự đón tiếp ân cần và những giúp đỡ quý báu của ông đối với chúng tôi. Chúng tôi siết chặt tay ông, chào tạm biệt rồi lên yên ngựa. Để tiễn biệt, giáo sư Fridrikson đọc một câu thơ bằng tiếng Latinh chúc chúng tôi lên đường bình an.

Chương 6 **Núi lửa SNEFFELS**

Buổi sáng hôm ấy trời nhiều mây nhưng ổn định, chúng tôi lên đường với một thời tiết khá thuận lợi.

Trong chặng đầu tiên của cuộc hành trình, cái thú được ngồi trên mình ngựa qua một đất nước xa lạ khiến chú tôi trở lên dễ tính. Còn tôi thì choáng ngợp trong niềm hạnh phúc được thỏa mãn nỗi khát khao và tự do của người đi thám hiểm và cứ để mặc cho sự việc lôi cuốn.

“Mình sợ cái gì chứ? – tôi nhủ thầm – Sợ đi chu du giữa một đất nước kì lạ nhất? Hay sợ leo lên một ngọn núi khá nổi tiếng để rồi tụt xuống đáy một ngọn núi lửa đã tắt từ lâu? Còn ông Saknussem cách đây mấy trăm năm chắc cũng chỉ xuống tới đáy miệng núi lửa ấy là cùng, chứ làm gì có đường hầm nào đi tới tâm trái đất! Toàn là chuyện tưởng tượng, không thể có được!”

Mà mấy khi gặp dịp may hiếm có được đi du lịch như thế này. Tội gì mà chân chừ, tội gì mà lo nghĩ vẩn vơ chứ!

Nghĩ vậy tôi thấy vững tâm hẳn lên.

Đoàn thám hiểm của chúng tôi đã rời xa Reykjavik. Hans rảo bước dẫn đầu. Hai con ngựa trở hành trang đi theo sau. Tiếp đến là tôi và giáo sư Lidenbrock ung dung trên đôi ngựa nhỏ và khỏe.

Iceland là một trong những hòn đảo lớn của Châu Âu, diện tích 1.400 dặm vuông với 60 ngàn dân. Các nhà địa lý chia hòn đảo này thành bốn khu vực. Chúng tôi đang đi chéo qua khu vực phía tây nam.

Ra khỏi Reykjavik, Hans dẫn chúng tôi men theo bờ biển băng qua những cánh đồng cỏ vàng úa cần cỗi ở chân trời phía đông. Đây đó có vài mảng tuyết sáng trên sườn những ngọn núi xa xa. Vài ngọn núi vươn cao xuyên thủng mây xám, trời lên như đá ngằm giữa biển mây cuộn cuộn.

Ở nhiều chỗ, những khối đá lô nhô cần cỗi nhô ra đến biển vắt ngang đồng cỏ,

song vẫn có lối đi qua. Những con ngựa của chúng tôi theo bản năng bao giờ cũng tìm ngay được những lối đi ấy mà không cần chậm bước.

- Chà, mấy con ngựa hay thật! – giáo sư nói với tôi – Xét về trí thông minh không loài ngựa nào ăn đứt được ngựa Iceland. Nó can đảm, dè dặt, đáng tin cậy.

Chúng tôi vẫn rào bước. Quang cảnh đã bắt đầu hoang vắng. Lác đác đó đây một cái trại bỏ hoang hoặc vài ba túp lều đơn độc của nông dân Iceland, dựng sơ sài bằng cành cây và bằng đất lẫn dung nham vụn.

Hai giờ sau khi rời Reykjavik, chúng tôi tới Gufunes. Gufunes là một ngôi làng nhỏ bé và nghèo nàn, chỉ có lác đác vài nóc nhà. Chúng tôi nghỉ chân ở đấy nửa tiếng, chia sẻ với nhau những bữa trưa thanh đạm. Hans nói. Khi chú tôi hỏi anh ta định dừng lại ngủ đêm ở đâu, anh trả lời cộc lốc:

- Gardar!

Đem bản đồ ra xem, tôi thấy bên bờ vịnh Hvaljoird cách Reykjavik bốn dặm có một ngôi làng nhỏ mang tên ấy. Tôi liền chỉ cho giáo sư.

- Trời đất! – ông la lên – Chẳng lẽ cả một ngày trời mà chúng ta đi được có bốn dặm thôi sao?

Chú tôi định góp ý với người dẫn đường, song anh ta lảng lảng đứng dậy và dẫn đầu đoàn ngựa tiếp tục cất bước.

Sau khi đi quanh vịnh Kollafjord, chúng tôi lại lên đường ngay và đi thẳng tới bờ nam vịnh Hvaljord. Vịnh Hvaljord rộng gần nửa dặm, sóng vỗ ầm ầm lên những mô đá nhọn hoắt ven bờ. Vịnh lọt giữa những vách núi đá cao ba ngàn bộ, dựng đứng như những bức tường thành. Tôi không tin mình có thể vượt qua một eo biển như vậy trên lưng một con ngựa, cho dù nó thông minh đến độ nào chẳng nữa! Nhưng chú tôi không muốn chờ đợi, ông thúc cả hai con ngựa ra bờ biển. Con ngựa của ông cười đùa rồi đứng ì ra. Giáo sư Lidenbrock nguyên rủa ầm ĩ và ra roi quất liên tục. Con ngựa cũng chồm lên đá hậu và tìm cách hất chú tôi ra khỏi lưng nó. Cuối cùng chú ngựa khôn khéo khụy chân xuống và đặt giáo sư đứng trên hai tảng đá ven biển.

- Chà! Chà! – giáo sư gầm lên – Cái con ngựa trời đánh thánh đâm này khôn thật! Hans bước tới vỗ nhẹ vai chú tôi nói:

- Farja!

- Cái gì? Thuyền à?

- Der! – Hans chỉ một chiếc thuyền.

- A! – tôi reo lên – Có một chiếc thuyền ở đằng kia!

- Vậy phải nói ngay chứ! Thôi được chúng ta lên đường!

- Tivatter! – người dẫn đường nói.

- Anh ta nói gì vậy?

- Thủy triều. – giáo sư phiên dịch lại cho tôi hiểu.

- Ta phải đợi thủy triều sao?

- Forbida? – chú tôi hỏi lại Hans.

- Ja!

Tôi hoàn toàn hiểu rằng phải chờ tới lúc con nước đứng, thủy triều không lên cũng không xuống, thuyền mới sang ngang được mà không sợ bị nhận chìm xuống đáy vịnh hoặc bị trôi tuột ra khơi.

Phải tới sáu giờ chiều mới tới thời điểm thuận lợi ấy. Cả đoàn người, ngựa chúng tôi cùng hai khách sang ngang nữa bước xuống một chiếc thuyền khá mong manh. Qua hơn một giờ lênh đênh chúng tôi cũng qua được vịnh Hvaljloird an toàn.

Nửa giờ sau chúng tôi tới Hoalkirkja Gardar. Giờ này đáng lẽ trời phải tối rồi, nhưng ở vĩ tuyến 65 này trời vẫn sáng như ban ngày. Tại Iceland, vào tháng sáu và tháng bảy mặt trời không lặn.

Nhiệt độ càng hạ thấp, tôi càng thấy lạnh và rất đói. Chúng tôi gõ cửa một ngôi nhà, ông chủ nhà bước ra bắt tay và ra hiệu mời chúng tôi vào. Đây là nhà một nông dân bình thường nhưng rất hiếu khách. Ông chủ nhà dẫn chúng tôi vào một căn phòng lớn, nền đất nệm, ánh sáng được lọc qua tấm màn bằng da cừu treo ở cửa sổ, giường nằm là một ổ rơm khô chứa trong hai cái khung gỗ sơn đỏ được trang hoàng bằng mấy câu châm ngôn Iceland. Tôi không ngờ lại có những tiện nghi như vậy! Tuy vậy trong nhà rất nặng mùi cá khô, mùi thịt ướp và mùi sữa chua rất khó chịu.

Chúng tôi vừa dẹp xong đồng hành trang nặng nề thì tiếng ông chủ đã vang lên mời chúng tôi qua nhà bếp. Dù trời lạnh khủng khiếp nhưng cả nhà chỉ có căn phòng này là nơi duy nhất có đốt lửa. Giáo sư Lidenbrock lệ làng nhận lời mời, và tôi cũng bước theo ông.

Khi chúng tôi bước vào, chủ nhà làm như chưa từng gặp chúng tôi, ông lên tiếng chào “Saellvertu” nghĩa là “chúc hạnh phúc”, rồi bước tới hôn lên má từng người. Tiếp đến, bà vợ chủ nhà cũng nói và kèm theo những lễ nghi như vậy. Rồi hai ông bà cúi rạp mình xuống, bàn tay phải đặt lên ngực chỗ trái tim và cúi chào thật sâu.

Bà chủ nhà có tới mười chín đứa con đang chạy chơi loăng quăng giữa những cuộn khói bếp mù mịt tỏa khắp phòng. Thỉnh thoảng tôi lại thấy từ giữa đám khói nhô ra một cái đầu tóc vàng hoe vẻ mặt nghiêm trang, trông chúng hết một bầu thiên thần lem luốc.

Tôi và chú tôi được cả bảy con nít ấy tiếp đón rất nồng nhiệt, thoát một cái đã có vài đứa trên vai, vài đứa trên đầu gối, lũ trẻ còn lại bầu quanh cẳng chân. Thế rồi chúng nhao nhao chào “Saellvertu” bằng đủ giọng đủ kiểu, những đứa không biết nói cũng la lối không kém! Dàn hợp tấu những âm thanh lộn xộn đó kết thúc khi nghe thông báo bữa ăn đã dọn xong. Lúc đó, anh chàng săn vịt biển cũng đã vào vừa tới sau khi cho ngựa ăn xong.

Sau khi chào “Saellvertu”, Hans lặng lẽ ôm hôn ông bà chủ nhà rồi lần lượt mười chín đứa bé bằng những cái hôn ấm áp như nhau. Cuối cùng, mọi người ngồi vào bàn ăn với con số hai mươi bốn, người nọ ngồi chồng lên người kia theo đúng nghĩa của từ ngữ. Người nào ưu tiên nhất cũng có hai đứa bé trên đầu gối!

Nhưng, khi nồi súp được bung vào, cả cái thế giới hỗn độn ấy bỗng yên lặng, một sự yên lặng rất tự nhiên.

Ăn xong, lũ trẻ biến mất ngay, còn người lớn ngồi lại, tụ tập quanh bếp lửa. Sau khi đã sưởi ấm, chúng tôi rút lui về phía căn phòng dành cho mình. Cuối cùng tôi cũng đã rúc được vào cái ổ rơm ấm cúng và làm một giấc đến sáng.

Năm giờ sáng, chúng tôi chào tạm biệt gia đình người nông dân Iceland. Chú tôi thuyết phục mãi họ mới chịu nhận một ít tiền thù lao, rồi Hans ra hiệu khởi hành. Rời khỏi Hoalkirkja Gardar độ chừng trăm thước, đường đất đã bắt đầu lầy lội rất khó đi. Ở bên phải chúng tôi núi non trùng điệp kéo dài như một hệ thống phòng thủ tự nhiên.

Càng đi, cảnh vật càng hoang vu, ngoài vài bụi cây cần cỗi, tôi cũng chẳng bắt gặp một động vật nào trừ một hai con ngựa hoang lang thang trên cánh đồng vắng ảm đạm. Hiếm lắm mới có một con chim cắt lượn trong đám mây xám rồi vỗ cánh bay về phương nam. Tôi lặng đi trong cái u sầu của cảnh hoang dã này và chạnh nhớ đến quê hương ở bên kia đại dương.

Đến chiều tối, sau khi lội ngang sông Alpha và sông Heta, chúng tôi bắt buộc phải dừng lại ngủ đêm trong một túp lều bỏ hoang. Trời lạnh buốt khiến chúng tôi không tài nào chợp mắt được.

Ngày hôm sau không xảy ra một sự cố nào đặc biệt, vẫn những đồng đất sinh lầy, vẫn cảnh sắc đơn điệu và buồn tẻ. Tính ra chúng tôi đã đi được nửa đường. Ngày 19 tháng 6, Hans dẫn chúng tôi qua một ngọn núi lửa đã tắt. Từ trên đỉnh núi này, dòng dung nham mênh mông tràn xuống một vùng rộng lớn hơn một dặm vuông. Những tàn tích này nói lên sự dữ dội đã qua khi tất cả những ngọn núi kia cùng phun lửa một lúc. Đây đó, những làn khói sôi nước nóng vẫn ngoằn ngoèo bò quanh.

Vì mãi đi, chúng tôi không có thời gian ngắm nhìn những hiện tượng này. Đoàn ngựa lại đưa chúng tôi qua những vùng đất sinh lầy ngồn ngồn ao hồ về phía tây. Chúng tôi đã thực sự đi được một vòng quanh vịnh. Ngọn Sneffels vươn lên giữa trời chỉ còn cách chúng tôi chưa đầy năm dặm.

Mấy con ngựa bước đi rất khỏe, vượt qua dễ dàng mọi trở ngại trên đường, tôi đã bắt đầu thấm mệt. Còn chú tôi và anh chàng thợ săn vịt biển vẫn trơ trơ như đá vững như đồng, hai người coi cuộc hành trình này như một cuộc dạo chơi bình thường.

Sáu giờ chiều ngày thứ bảy 20 tháng 6, chúng tôi tới Budir, một làng ở ven biển

và anh chàng dẫn đường người Iceland đòi tiền công như đã thỏa thuận. Giáo sư Lidenbrock liền thanh toán ngay với anh. Chúng tôi được gia đình người chú của Hans tiếp đón rất nồng nhiệt. Tôi muốn kéo dài thời gian nghỉ ngơi ở nhà những người nông dân tử tế và hiếu khách này cho quên những nỗi mệt nhọc trên đường đi. Nhưng chú tôi chỉ nghĩ đến một điều duy nhất là làm sao đến ngọn Sneffels càng sớm càng tốt, nên sáng hôm sau chúng tôi lại tiếp tục lên đường.

Hans đưa chúng tôi đi quanh chân ngọn núi lửa hùng vĩ, len lỏi giữa những tảng đá trôi lên mặt đất. Mất không rời hai đỉnh núi quanh năm phủ tuyết của ngọn Sneffels, giáo sư Lidenbrock hoa chân múa tay nói như thách thức: “Chà! Tên khổng lồ mà ta sẽ chinh phục đây rồi!”. Cuối cùng sau 24 giờ vất vả, mấy con ngựa dừng cảm dừng lại ở Stapi, một ngôi làng nhỏ gồm khoảng ba chục nóc nhà dựng ngay trên nền dung nham dưới ánh sáng mặt trời do núi lửa phản chiếu xuống. Làng này nằm tận cùng một vịnh hẹp, lọt giữa những vách đá kì lạ chưa từng thấy.

Tôi nghe nói nhiều về dãy cột đá badan ở Iceland thường gọi là “Con đường của những người khổng lồ”, về động Fingal ở quần đảo Hébrides nhưng tôi chưa bao giờ được tận mắt trông thấy một cấu trúc bằng đá basal như ở làng Stapi này.

Đó là chặng cuối cùng của hành trình trên mặt đất. Thấy Hans vẫn còn đi tiếp cùng chúng tôi, tôi thấy phần nào an tâm.

Tới nhà của một cha xứ, một căn nhà tồi tàn thấp lè tè, không đẹp và cũng chẳng tiện nghi gì hơn những nhà xung quanh. Tôi thấy một người thợ đang đóng móng cho ngựa, chàng thợ săn vịt biển chào:

- Seallvertu!

- God Dag! – ông thợ đóng móng ngựa trả lời bằng tiếng Đan Mạch.

- Kyrkoherde. – Hans quay lại và nói.

- Cha xứ à? – giáo sư ngạc nhiên nói – Axel này, hình như ông thợ đóng móng ngựa đây là cha xứ!

Chàng dẫn đường giới thiệu với cha xứ đôi điều về chúng tôi. Cha xứ ngừng tay làm việc, kêu lên một tiếng gì đó, lập tức có một bà già cao lớn từ trong nhà đi ra. Tôi chỉ sợ bà lại làm thủ tục ôm hôn chúng tôi theo phong cách Iceland, nhưng cũng may là không việc gì. Tuy vậy, bà tỏ vẻ khó chịu khi dẫn chúng tôi vào trong nhà.

Phòng dành cho khách trong nhà cha xứ là một căn phòng tồi tệ nhất, chật hẹp, bẩn thỉu và hôi hám. Chúng tôi cũng đành phải bằng lòng với điều kiện như vậy thôi vì ông cha xứ này có vẻ không được hiếu khách lắm. Tôi không muốn nói xấu vị giáo sĩ tội nghiệp này vì chung quanh họ là những người nghèo khổ. Cả số tiền lương ít ỏi do chính quyền Đan Mạch trả lẫn số lợi tức của nhà thờ cộng lại cũng không làm cho họ sống đủ, do vậy họ nhất thiết phải làm việc. Và phải

chẳng do làm công việc không xứng với một đại diện của Chúa nên họ sinh ra thô lỗ, cục cằn?

Giáo sư Lidenbrock hiểu ngay là mình đang tiếp xúc với hạng người nào, nên ông quyết định tiến hành thật sớm cuộc thám hiểm và rời cho mau khỏi căn nhà ít hiều khách của vị cha xứ. Giáo sư không để ý đến những mệt nhọc sau bao ngày rong ruổi trên yên ngựa, định sẽ lên nghỉ ngơi vài ngày trên núi.

Ngày hôm sau, chúng tôi đã lại chuẩn bị rời làng Stapi lên đường. Để thay thế những con ngựa, Hans mượn thêm ba người Iceland nữa để vác hành lý lên. Hai bên thỏa thuận với nhau rằng khi lên đến ngọn núi lửa họ sẽ quay về ngay. Đồng thời giáo sư Lidenbrock cũng nói cho Hans rõ ý định của ông là tiếp tục thăm dò núi lửa. Anh thợ săn vịt biển vui lòng gật đầu. Đối với anh đi đâu cũng được, chui sâu xuống đất hay đi trên mặt đất của hòn đảo quê hương thì có gì là khác đâu! Còn tôi, những sự cố trên đường đã khiến tôi tạm quên những gì đang chờ đợi mình bên trong ngọn núi lửa kia, nhưng giờ đây như chợt bừng tỉnh, tôi thấy hồi hộp hơn lúc nào hết. Làm thế nào bây giờ? Nếu muốn cưỡng lại giáo sư Lidenbrock thì phải làm việc đó ngay ở Hambourg chứ không phải đến tận chân núi Sneffels này. Một trong những ý nghĩ đáng khiếp sợ nhất ám ảnh tôi khiến tôi bồn chồn lo lắng. Tôi nhủ thầm:

“Ta sẽ leo lên núi Sneffels, sẽ leo xuống cái miệng phun lửa của nó. Nhiều người cũng đã từng làm như vậy nhưng có chết đâu! Nhưng đâu đã hết. Giả dụ như lời ông Saknussem nói là thật thì ta cũng sẽ bị lạc trong những đường hầm, góc ngách của núi lửa thôi. Và lại, chẳng một ai chứng minh và khẳng định núi lửa Sneffels đã ngưng hoạt động hẳn, không phun trào nữa. Con quái vật đã ngủ thiếp đi từ năm 1229 nhưng biết đâu nó chẳng bỗng dưng bừng tỉnh dậy, lúc ấy sẽ ra sao?

Những điều đó bắt tôi suy nghĩ miên man không dứt. Trong giấc ngủ tôi luôn mơ thấy mình bị phụt lên không trung lẫn giũ những phún thạch núi lửa khủng khiếp. Cuối cùng không thể chịu đựng được nữa, tôi quyết định trình bày sao cho khéo léo trường hợp này với chú tôi dưới hình thức một giả thuyết hoàn toàn không lo ngại rồi lùi lại để ông có thể tự do suy nghĩ. Chú tôi đáp cộc lốc:

- Được! Chú sẽ nghĩ!

Giáo sư nói vậy là có ý gì? Liệu ông có nghe ra lẽ phải không? Có từ bỏ những dự định đáng sợ đó hay không? Nếu được như vậy thì hay biết chừng nào!

Sau khi trầm ngâm một lúc lâu, giáo sư Lidenbrock nói:

- Axel này, chúng ta không nên hành động thiếu thận trọng, phải không cháu? Vì vậy, ngay từ lúc đặt chân đến làng Stapi chú cũng đã để tâm và cân nhắc vấn đề hệ trọng mà cháy vừa đề cập tới.

- Thừa chú đúng vậy.

- Ngọn Sneffels đã ngưng hoạt động từ sáu trăm năm nay, nhưng nó có thể sẽ lại

hồi sinh được lắm chứ! Tuy vậy trước khi núi lửa phun trào, bao giờ cũng xuất hiện những hiện tượng báo trước, chú đã hỏi thăm dân chúng địa phương, đã nghiên cứu đất đai nên chú có thể chắc chắn với cháu rằng là nó không còn phun xuất nữa.

Sửng sốt trước lời khẳng định của giáo sư, tôi không còn biết đối đáp ra sao. Nhưng thấy tôi vẫn có vẻ hoài nghi, giáo sư dẫn tôi đi theo ông. Chúng tôi tới một vùng mênh mông phủ đầy các loại đá từ núi lửa phun ra. Đó đây, tôi nhìn thấy bốc lên trời những luồng hơi nước. Những hơi nước màu trắng này người Iceland gọi là reykir bốc lên từ những suối nước nóng và tùy mức độ mạnh yếu chỉ rõ sự hoạt động của núi lửa. Giáo sư Lidenbrock nói:

- Axel, cháu có nhìn thấy gì không? Những làn khói trắng kia chứng tỏ chúng ta chẳng có gì đáng lo ngại về sự nổi giận của núi lửa.

- Như vậy nghĩa là sao ạ?

- À, cháu hãy ghi nhớ điều này: khi sắp có sự phun xuất, khí fougaron bốc lên rất mạnh để rồi biến mất hoàn toàn trong suốt thời gian núi lửa hoạt động. Sở dĩ như vậy là vì những chất khí đàn hồi này một khi đã phun ra theo đường miệng núi lửa sẽ không còn đủ áp suất để thoát qua những kẽ nứt của vỏ trái đất nữa. Như vậy, nếu khí fougaron vẫn giữ nguyên trạng thái bình thường, không mạnh lên, thêm vào đó gió thuận mưa hòa, trời không oi ả thì cháu có thể khẳng định thời gian tới không có sự phun trào.

- Nhưng thưa chú...

- Không nhưng gì hết, một khi khoa học đã lên tiếng, ta chỉ có việc cúi đầu và im lặng.

Tôi tiu nghỉu quay trở về căn nhà của cha xứ. Giáo sư đã thắng tôi bằng những luận cứ khoa học. Nhưng tôi vẫn còn một chút hi vọng nhỏ là khi tới đáy miệng núi lửa, chúng tôi sẽ không tìm ra đường đi và như thế không thể đi xuống sâu hơn được. Đêm đó tôi nằm mơ thấy mình đang ở giữa lòng núi lửa và bị hất tung lên không...

Hôm sau, ngày 23 tháng 6, Hans đã chờ chúng tôi cùng với những người bạn, họ sẽ vác hành lý và trang bị. Hai cây gậy bịt sắt, hai khẩu súng kèm hai dây lưng đạn dành riêng cho tôi và giáo sư. Hans còn thận trọng mang thêm một túi da đựng đầy nước, như vậy cộng với những bầu nước chuẩn bị từ trước, chúng tôi có đủ nước để uống trong tám ngày.

Lúc ấy là chín giờ sáng. Ông cha xứ và bà già cao lớn đợi trước cửa. Có lẽ các vị chủ nhà định chờ để nói với chúng tôi lời tạm biệt cuối cùng? Nhưng thật bất ngờ, lời chào ấy lại là một bản thanh toán thật dễ sợ, trong đó họ bắt chúng tôi phải trả tiền cho việc hít thở cái không khí hôi hám trong nhà của họ. Giáo sư trả tiền ngay mà không nói một lời nào cả.

Thấy việc thanh toán đã xong xuôi, Hans ra hiệu khởi hành. Ít phút sau, chúng tôi

đã rời khỏi làng Stapi.

Chương 7

Bắt đầu đi xuống

Sneffels có hai đỉnh, cao năm ngàn bộ, là ngọn núi nổi bật nhất trong hệ thống núi lửa của đảo Iceland. Từ làng Stapi, chúng tôi không thể quan sát được hai đỉnh ấy nhô lên ở đâu trên nền trời xám xịt, mà chỉ nhìn thấy một chòm tuyết rất lớn chụp trên đỉnh của nó.

Chúng tôi đi hàng một theo sau Hans. Người dẫn đường leo theo những đường mòn hẹp không đủ cho hai người đi song song, nên chúng tôi không ai nói chuyện được với ai.

Đường càng ngày càng dốc, càng khó đi. Nhiều tảng đá lung lay rất nguy hiểm, chúng tôi phải hết sức thận trọng khi đặt chân mới khỏi bị ngã. Hans vẫn bình thản cất bước như đi trên đất bằng. Đôi khi anh bỗng thoát biến mất sau những khối đá lớn, chúng tôi còn đang ngỡ ngàng thì đã nghe tiếng anh huýt sáo để chỉ đường. Thỉnh thoảng anh dừng lại, nhặt vài viên đá chồng lên làm dấu, phòng khi trở về khỏi bị lạc đường. Hans thận trọng như vậy là tốt nhưng những sự cố sau này khiến việc làm đó của anh là thừa.

Qua ba giờ hành trình mệt nhọc, chúng tôi mới tới chân núi. Hans ra hiệu dừng lại. Chúng tôi chia sẻ với nhau bữa ăn trưa đạm bạc. Giáo sư ăn thật mau để có thể tiếp tục đi được ngay. Nhưng phải tới một giờ sau, chúng tôi mới lại lên đường.

Bây giờ chúng tôi bắt đầu trèo lên sườn núi Sneffels. Do hiện tượng ảo giác thường gặp ở miền núi cao, chòm núi phủ tuyết nhìn rất gần nhưng phải mất rất nhiều giờ chúng tôi mới leo đến nơi. Ở vài chỗ, sườn núi dốc đứng không thể leo khiến chúng tôi phải đi vòng và luôn luôn phải dùng gậy để chống.

Giáo sư Lidenbrock lúc nào cũng kèm sát, không rời tôi lấy nửa bước và nhiều lần cánh tay của ông đã làm chỗ dựa vững chắc cho tôi. Tôi cũng thấy lạ, hình như ngay từ khi ra đời giáo sư đã có ý thức về sự thăng bằng nên ông chẳng bước hụt bao giờ. Những người Iceland mặc dầu mang vác nặng vẫn leo lên với sự nhanh nhẹn vốn có của người miền núi.

Cứ nhìn đỉnh núi Sneffels cao vợi vợi tôi thấy nếu sườn núi không bớt dốc thì khó có thể trèo lên tới đó từ phía bên này. May thay, sau một giờ phải đi vòng hết sức mệt nhọc tới giữa thảm tuyết rộng ở lưng chừng núi, chúng tôi bất ngờ gặp một loại cầu thang giúp chúng tôi leo lên được dễ dàng hơn. Cầu thang này được hình thành bởi một dòng thác đá phun trào. Nếu không bị sườn núi ngăn cản, chắc dòng thác đá này đã đổ xuống biển và tạo thành những hòn đảo mới rồi.

Sườn núi càng lên cao càng dốc đứng, nhưng nhờ có cầu thang thiên nhiên, chúng tôi cũng đỡ mệt và trèo lên dễ dàng, nhanh chóng hơn. Đến bảy giờ chiều, chúng tôi đã lên hết hai ngàn bậc thang và đứng trên một chỗ núi phình ra, một dạng địa

tầng nơi hình phễu của miệng núi lửa dựa vào.

Cách 3.200 bộ dưới chân chúng tôi là biển cả mênh mông. Chúng tôi đã vượt qua giới hạn vùng có tuyết phủ quanh năm. Trời lạnh cắt da và gió thổi mạnh. Tôi đã kiệt sức lắm rồi. Giáo sư Lidenbrock nhận thấy tôi không còn cất bước được nữa nên ông quyết định dừng chân. Ông ra hiệu cho Hans, nhưng anh ta lắc đầu, nói:

- Ojvanjor.

- Hình như anh ấy báo cho chúng ta phải lên cao nữa. – nói xong chú tôi quay lại hỏi Hans lý do tại sao.

- Mistour! – Hans trả lời.

- Ja, mistour! – một người Iceland nhắc lại với giọng sợ hãi.

- Từ đó nghĩa là gì ạ? – tôi hỏi.

- Cháu hãy nhìn kia!

Tôi vội nhìn về phía đồng bằng. Một cột khổng lồ những bụi đá và sỏi cát bốc lên cao, quay cuồng như một vòi rồng đang được gió bụi thổi quạt về sườn núi Sneffels, nơi chúng tôi đang dừng chân. Bức màn đất đá dày đặc ấy dang ngang mặt trời khiến một vùng núi bỗng sẫm tối. Nếu cái vòi rồng này xà xuống, thế nào nó cũng cuốn cả chúng tôi vào trong. Hiện tượng này, tiếng Iceland là mistour, thường xảy ra mỗi khi có gió thổi từ vùng băng hà về. Người dẫn đường của chúng tôi hét to:

- Hastigt, hastigt!

Tuy không biết tiếng Đan Mạch nhưng tôi cũng hiểu phải mau chóng bám theo Hans. Anh ta đi chếch lên, vòng sang phía bên kia miệng núi lửa. Chẳng mấy chốc, vòi rồng sầm sập đổ xuống, ngọn Sneffels rung lên. Đất đá bị cuốn trong gió lốc bay ào ào. Cũng may chúng tôi đã ở triền núi bên này nên tránh được nguy hiểm.

Thoát nạn. Chúng tôi tiếp tục treo ngay theo đường chữ chỉ. Hans cho rằng ngủ lại đêm trên sườn miệng phễu là thiếu thận trọng. Phải mất gần năm tiếng, chúng tôi mới vượt được hết 1.500 bộ còn lại. Những đường vòng, những lối chếch, những độ cao phải đi quanh còng lại dài đến ba dặm. Không còn chịu đựng được nữa, tôi khụy xuống vì đói và lạnh. Trên cao, không khí loãng nên không đủ cho hai lá phổi của tôi hít thở. Sau cùng, lúc mười một giờ đêm hôm ấy, trong bầu trời tối đen, chúng tôi lên đến đỉnh Sneffels. Trước khi vào miệng núi lửa để nghỉ ngơi, chúng tôi còn kịp nhìn thấy ánh mặt trời nửa đêm chiếu nhợt nhạt lên hòn đảo đang nằm ngủ yên dưới kia.

Đoàn thám hiểm chúng tôi ăn ngẫu nhiên cho xong bữa tối rồi tìm cách thu xếp chỗ nghỉ. Ở độ cao năm ngàn bộ trên mặt biển này, chúng tôi hoàn toàn không thoải mái, chỗ nằm thì cứng mà chỗ trú thì không được vững trãi lắm. Nhưng đêm ấy, tôi ngủ một giấc đặc biệt ngon lành. Lâu lắm tôi mới có được một đêm

yên tĩnh, không mộng mị như vậy.

Hôm sau, trong ánh nắng rực rỡ, chúng tôi thức dậy rét cóng vì không khí lạnh của buổi sớm mai. Tôi đứng trên đỉnh phía nam, một trong hai đỉnh của núi Sneffels và phóng mắt nhìn khắp một vùng rộng lớn của đảo. Từ những độ cao như vậy, ta chỉ phân biệt được đường nét của bờ biển còn những phần ở giữa đất liền hình như bị chìm đi. Ở phía bên phải tôi, băng hà và những đỉnh núi phủ tuyết nối tiếp nhau trùng điệp, kéo dài đến vô tận. Ở phía tây, đại dương trải rộng uy nghi như tiếp nối những đỉnh núi ấy. Đây là giới hạn của đất liền, đâu bắt đầu sóng nước biển khơi, mắt tôi chỉ phân biệt được lờ mờ.

Tôi đắm mình trong cảm giác mê mải đến lạ lùng nảy sinh trên những đỉnh núi cao. Lần này tôi không bị chóng mặt vì ít nhiều đã được làm quen với những độ cao. Ánh mặt trời chói chang trong suốt làm tôi chói mắt. Tôi bỗng quên bằng mình là ai, tôi đang ở đây để sống cuộc sống của thần tiên, của những nhân vật tưởng tượng trong thần thoại bắc Âu. Tôi say sưa tận hưởng khoái lạc của những độ cao, lãng quên đi những vực thẳm mà số phận sắp ném tôi xuống. Giáo sư Lidenbrock và Hans leo lên đỉnh núi chỗ tôi đang đứng. Sự có mặt của hai người kéo tôi trở về thực tại.

Quay về hướng tây, giáo sư chỉ cho tôi một gợn đất trông nhẹ xộp như khói như mây và bảo:

- Groemland đấy!

- Groemland à! – tôi kinh ngạc kêu lên.

- Phải, chúng ta chỉ cách hòn đảo ấy không đầy ba mươi dặm. Nhưng điều ấy không có gì quan trọng. Chủ yếu chúng ta đang đứng trên ngọn núi Sneffels có hai đỉnh, một phía nam và một phía bắc. Hans sẽ cho biết đỉnh núi chúng ta đang đứng đây, người Iceland gọi tên gì?

- Scartaris.

- Tiến vào miệng núi lửa ngay! – giáo sư reo lên, mắt nhìn tôi vẻ đắc thắng.

Miệng núi lửa Sneffels giống như miệng một cái phễu khổng lồ, đường kính rộng chừng nửa dặm, sâu khoảng hai ngàn bộ. Do vậy thành phễu dốc thoải thoải rất dễ trèo xuống. Nhưng khó có thể phán đoán khi nó đầy ứ khói lửa và sấm sét sẽ như thế nào? Vô tình so sánh miệng núi lửa này với cái vòi rồng hôm trước, tôi bỗng thấy khiếp sợ! Tôi thầm nghĩ: “Chỉ có những kẻ điên rồ mới tính chuyện trèo xuống trong một cái vòi rồng nập đầy khói lửa mà chỉ cần động nhẹ cũng có thể làm nó nổ tung!”

Nhưng không còn lui bước được nữa, Hans đã tiến lên dẫn đầu đoàn thám hiểm với vẻ bình thản. Tôi đành lặng lẽ bước theo anh. Để xuống được dễ dàng, anh đi trong miệng phễu theo những đường cong dài. Chúng tôi len lỏi giữa những phún thạch. Hans dùng gậy bịt sắt dò đường, tiến bước hết sức thận trọng. Ở vài quãng đáng ngờ, anh cẩn thận lấy thùng dài buộc chúng tôi lại với nhau, phòng

có ai không may sẩy chân sẽ được các bạn đồng hành kéo lại. Mặc dù đường xuống rất khó khăn, nhưng chúng tôi không gặp một tai nạn nào, trừ một ba lô thùng chảo bị tuột khỏi tay một người Iceland, lăn xuống đáy vực.

Đến trưa chúng tôi xuống đến nơi. Ngẩng đầu lên tôi thấy miệng phễu đóng khung một khoảng trời tròn vành vạnh. Ở một điểm, đỉnh Scartaris nhọn hoắt chĩa thẳng lên khoảng không bao la.

Ở đáy miệng núi lửa mở ra ba đường ống qua đó khí và dung nham của thời kì phun trào xa xưa đã tuôn ra từ lò lửa trung tâm. Đường kính mỗi ống rộng khoảng một trăm bộ, rộng toang hoác dưới chân chúng tôi khiến tôi phải nhắm mắt lại không dám nhìn xuống. Giáo sư Lidenbrock khảo sát chớp nhoáng ngay cách bố trí của những miệng ống đó.

Bỗng giáo sư Lidenbrock kêu thét lên một tiếng! Tôi ngỡ chú tôi bị hụt chân, lăn nhào xuống một cái vực nào rồi! Nhưng không phải, ông đang đứng trước một khối đá granit to ở giữa miệng núi lửa. Chú tôi đang trong tư thế một người sùng sốt, mà lại kinh ngạc sắp chuyển sang nổi mừng vui điên dại. Ông hét lên:

- Axel! Axel! Lại đây! Lại đây mau lên!

Tôi vội chạy ào tới. Hans cũng như ba người Iceland, chẳng ai nhúc nhích.

- Nhìn đây! – giáo sư nói với tôi – Cháu hãy nhìn đây!

Tôi sùng sốt nhìn thấy trên mặt phía tây của khối đá có khắc một dòng chữ Runique mà thời gian đã làm mờ đi, đó là tên của nhà bác học Iceland thế kỉ XVI: Arne Saknussem.

- Arne Saknussem! – chú tôi kêu lên lần nữa – Cháu còn nghi ngờ gì nữa không? Sự thật hiển nhiên khiến tôi rụng rời. Tôi lặng lẽ quay trở lại ngồi thần thờ trên tảng dung nham. Tôi đã ở trong tư thế ấy bao lâu không rõ, chỉ biết khi ngẩng lên tôi thấy chú tôi và Hans là hai người còn lại ở dưới đáy miệng núi lửa này. Những người Iceland đã từ biệt chúng tôi và giờ đây có lẽ họ đang xuống núi để trở về làng Stapi.

Hans ngủ một giấc ngon lành dưới chân một khối đá. Giáo sư Lidenbrock không ngủ. Ông đi lại liên tục. Còn tôi, tôi không muốn và cũng chẳng còn sức để đứng dậy. Theo gương Hans, tôi thiu thiu ngủ mà trong lòng xót xa đau đớn. Tôi thấy hình như sườn núi Sneffels đang ì ầm rung động.

Đêm đầu tiên dưới đáy miệng núi lửa qua đi như vậy. Hôm sau, một bầu trời xám xịt, nhiều mây và nặng nề đè lên đỉnh núi. Đêm tối dưới vực sâu cũng không đáng sợ bằng cơn giận của chú tôi! Tôi hiểu vì sao giáo sư nổi giận và một tia hi vọng bỗng lóe lên trong lòng tôi. Nguyên do thế này:

Trong ba con đường mở ra dưới chân chúng tôi đây, chỉ có một đường Arne Saknussem đã đi qua. Theo lời nhà bác học Iceland ghi trong bức mật thư, bóng đỉnh Scartaris lướt trên miệng núi lửa vào những ngày cuối tháng sáu sẽ xác định con đường ấy. Thật vậy, có thể xem đỉnh núi kia như cột so bóng của một đồng

hồ mặt trời mà bóng của nó vào một ngày nhất định sẽ chỉ đúng con đường đi tới trung tâm trái đất.

Như vậy, trời không nắng tức không có bóng núi, không có bóng núi sẽ chẳng biết đâu là con đường cần tìm. Hôm nay là ngày 25 tháng 6. Nếu trời cứ âm u như thế này trong sáu ngày nữa, thì cuộc thám hiểm phải dời sang năm sau.

Một ngày trôi qua, không một bóng nắng nào xuất hiện. Hans vẫn ngồi yên tại chỗ. Có lẽ anh cũng tự hỏi không hiểu chúng tôi chờ đợi cái gì? Chú tôi chẳng nói chẳng rằng, mắt đăm đăm nhìn lên bầu trời xám xịt mù sương.

Ngày 26 vẫn không thấy mặt trời. Cả ngày, trời mưa lẫn với tuyết rơi. Hans dựng tạm một túp lều bằng mảnh dung nham. Tôi vui thích ngắm nhìn hàng ngàn thác nước kéo theo những tảng đá, ầm ầm chảy xối trên thành miệng phễu.

Ngày hôm sau trời vẫn nhiều mây, nhưng đến chủ nhật 28 tháng 6 mặt trời hiện ra rực rỡ, ánh nắng tràn ngập trong miệng núi lửa. Mỗi mô đá, mỗi tảng đá và mỗi chỗ gỗ ghề đều được phần ánh nắng và tức khắc in bóng lên mặt đất. Bóng đỉnh Scartaris được tô đậm như một mũi nhọn sắc cạnh, từ từ quay theo vòng mặt trời rực rỡ. Chú tôi cũng quay theo. Giữa trưa, bóng đỉnh Scartaris lướt nhẹ lên miệng ống khói trung tâm.

- Đây rồi! – giáo sư Lidenbrock reo lên – Đây đúng là đường tới trung tâm trái đất!

Tôi nhìn Hans. Anh bình thản nói:

- Forut?

- Phải! Tiến lên!

Lúc ấy là một giờ mười ba phút.

Cuộc thám hiểm thực sự bắt đầu. Cho đến giờ phút này, tôi vẫn chưa ngó ngang tới cái giếng sâu không đáy mà tôi sắp dẫn thân xuống. Đã tới lúc rồi đấy. Tôi vẫn còn có thể nhận hoặc từ chối lao vào cuộc thám hiểm nhưng thật tôi thấy hổ thẹn nếu chùn bước trước Hans. Anh ta đã chấp nhận cuộc thám hiểm một cách bình thản. Anh tỏ ra hoàn toàn dũng cảm với mọi nguy hiểm, khiến tôi đỏ mặt nghĩ rằng lẽ nào mình lại không dũng cảm bằng anh ta. Nếu chỉ có mình tôi, chắc tôi đã bỏ cuộc rồi, nhưng trước Hans tôi đành im lặng. Tôi bước lại gần ống khói trung tâm.

Ống khói này có đường kính một trăm bộ. Đứng trên một mỏm đá, tôi cúi xuống nhìn mà rợn tóc gáy. Chỗ tôi đang đứng sao chênh vênh quá! Tôi cảm thấy trọng tâm đang chuyển dịch khỏi người và chóng mặt như say rượu. Tôi sắp ngã thì được Hans níu lại. Rõ ràng bài học về vực thẳm học trên tháp chuông nhà thờ Copenhagen, tôi không được thuộc lắm!

Tuy chưa dám liều lĩnh quan sát kỹ lưỡng, tôi cũng phần nào nắm được hình thù của cái giếng ấy. Vách giếng dựng đứng, với nhiều mỏm đá nhô ra có thể bầu vào mà trèo xuống được, như vậy cầu thang thì có thừa duy chỉ thiếu tay vịn! Chỉ

cần buộc một đầu dây thừng vào miệng ống khói là ta có thể bám vào để leo xuống, nhưng một khi xuống tới dưới làm sao gỡ được đầu thừng trên?

Giáo sư Lidenbrock áp dụng một cách rất đơn giản, để giải quyết cái khó khăn ấy. Ông giở một cuộn thừng to bằng ngón tay cái, dài bốn trăm bộ, khoanh một vòng quanh một mỏm dung nham nhô ra rồi thả một nửa còn lại xuống ống khói. Mỗi người chúng tôi có thể nắm gộp cả hai nửa sợi thừng leo xuống mà không lo nó tuột. Một khi xuống được hai trăm bộ chỉ việc buông một đầu rồi kéo đầu kia là chúng tôi có thể thu thừng lại như cũ. Cứ tiếp tục như vậy cho tới khi chúng tôi chạm đáy núi lửa. Sau khi chuẩn bị xong xuôi, giáo sư nói:

- Bây giờ xét đến khâu hành lý. Những đồ mang theo để võ sẽ được chia đều làm ba túi. Mỗi chúng ta chịu trách nhiệm vác một. Hans mang những đồ dùng và phần lương thực này. Axel mang một phần ba lương thực và vũ khí. Còn tôi, phần lương thực còn lại và những dụng cụ tinh vi.

- Thừa chú, thế còn quần áo và đồng dây thừng, thang dây này, ai sẽ chịu trách nhiệm đưa nó xuống?

- Tự nó tụt xuống thôi!

- Như vậy là sao ạ?

- Cháu xem đây!

Giáo sư mạnh dạn áp dụng một phương pháp táo bạo. Theo lệnh ông, Hans buộc hết đồng đồ còn lại thành một kiện chắc chắn, rồi xô thẳng xuống vực. Chú tôi hài lòng cúi nhìn theo kiện hành lý rơi xuống cho tới khi nó mất hút, mới ngẩng đầu lên.

- Nào, - chú tôi ra lệnh – đến lượt chúng ta lên đường!

Sau khi vác vào lưng túi đồ dùng của mình, chúng tôi bắt đầu leo xuống theo thứ tự: Hans, giáo sư, rồi tiếp đến tôi. Tôi khom người, bám chắc lấy sợi thừng từ từ tụt xuống. Tôi chỉ lo lỡ không may hòn đá đặt chân bỗng bật khỏi hốc, liệu sợi thừng mỏng manh có chịu được sức nặng của ba người không? Tôi cố gắng dùng chân bám chặt vào những mỏm dung nham nhô ra để giữ thăng bằng.

Mỗi khi có một hòn đá trơn trượt nào đó lung lay dưới bước chân, Hans lại bình thản thông báo:

- Gifakl!

- Cẩn thận! – chú tôi nhắc lại.

Sau một giờ, chúng tôi đặt chân lên một khối đá ăn sâu vào vách ống khói. Hans kéo một đầu dây thừng, đầu kia văng lên và sau khi tuột khỏi mỏm đá bên trên nó rớt xuống kéo theo những mẫu đá vụn.

Chúng tôi tiếp tục leo xuống, và nửa giờ sau lại vượt được chừng hai trăm bộ nữa.

Không hiểu trong khi leo xuống như vậy, có nhà địa chất học điên khùng nào để ý nghiên cứu chất đất ở xung quanh hay không, chứ riêng tôi, tôi bỏ qua hết! Nhưng

chắc hẳn giáo sư có quan sát hay ghi chép vì ở mỗi chỗ dừng chân ông lại nói với tôi:

- Càng đi chú càng thêm tin tưởng. Cách bố trí đất đai của núi lửa đã chứng minh lý thuyết của nhà bác học Davy hoàn toàn đúng. Chúng ta đang ở giữa tầng đất nguyên thủy, nơi đã xảy ra phản ứng hóa học kim loại bị đốt cháy, tác dụng với không khí và nước. Chú hoàn toàn phủ nhận hệ nhiệt độ trung tâm!

Chú tôi vẫn giữ nguyên cái luận điểm ấy và tôi chẳng buồn tranh luận làm gì. Thấy tôi không nói gì cả, giáo sư lại cho là tôi tán đồng quan điểm của ông.

Đoàn thám hiểm lại tiếp tục leo xuống. Sau ba giờ nữa, tôi vẫn chưa thấy đáy ống khói. Ngẩng lên tôi thấy vách giếng cứ thu hẹp dần. Càng xuống chúng tôi càng thấy tối và đã nghe rõ tiếng dội lại từ những hòn đá rơi chạm vào đáy giếng.

Do cẩn thận ghi đúng số lần thao tác rút thùng nên tôi có thể biết một cách chính xác độ sâu đạt được và thời gian đã trôi qua. Tính ra chúng tôi đã lặp lại thao tác rút thùng mười bốn lần, mỗi lần nửa giờ, cộng mười bốn lần nghỉ giải lao, mỗi lần mười lăm phút. Chúng tôi xuất phát từ lúc một giờ, và bây giờ cũng phải mười một giờ đêm rồi! Còn về độ sâu cứ nhân mười bốn lần độ dài hai trăm bộ của nửa sợi thùng, tôi biết ngay đã xuống được khoảng hai ngàn tám trăm bộ.

Vừa nghe Hans ra lệnh “Stop”, tôi khựng ngay lại. Chú tôi thông báo đã đến nơi. Tôi tụt xuống đứng cạnh bên ông hỏi:

- Chúng ta đã tới đâu rồi ạ?

- Tới đáy ống khói thẳng đứng.

- Không có đường đi nữa sao?

- Có chứ, chú thấy bên phải hình như có lối đi. Nhưng ngày mai hãy tính. Bây giờ ăn rồi ngủ một giấc đã.

Ở dưới đáy vực này chưa đến nỗi tối đen hắc. Chúng tôi mở túi lương khô ra ăn, rồi mỗi người tìm chỗ thoải mái trên mặt đá mà nằm. Tôi lập tức ngủ ngay.

Chương 8

Trong lòng trái đất

Tám giờ sáng, ánh sáng ban ngày rọi xuống muôn ngàn mặt nhỏ của dung nham ở vách giếng rồi hắt ra như mưa sao, đánh thức chúng tôi. Ánh sáng này khá rõ, đủ để chúng tôi ngắm nhìn sự vật xung quanh.

Vừa xoa hai bàn tay, giáo sư vừa hỏi tôi:

- Sao? Axel, cháu thấy thế nào? Suốt thời gian sống trong ngôi nhà ở đường Konigstrasse, đã bao giờ cháu được ngủ ngon như ở dưới đáy ống khói này chưa? Ở đây không có tiếng xe, không còn nghe giọng giao của hàng rong cũng chẳng thấy vang vọng tiếng quát tháo của mấy bác lái đồ ngang!

- Đúng là ở dưới đáy giếng đây chúng ta được yên tĩnh, nhưng sự yên tĩnh này có cái gì đó thật đáng sợ!

- Chưa chi cháu đã khiếp sợ, không hiểu sau này sẽ ra sao? – chú tôi kêu lên – Cháu nên biết chúng ta chưa tiến sâu vào lòng đất được bao nhiêu cả!

- Chú nói vậy là sao?

- Chú muốn nói chúng ta mới chạm tới mặt đất liền của đảo thôi. Cái ống khói thẳng đứng này kéo dài từ miệng núi lửa Sneffels xuống gần ngang mực nước mặt biển thì dừng lại.

- Có chắc vậy không, thưa chú?

- Chắc quá đi chứ! Hãy nhìn khí áp kế của cháu sẽ biết ngay.

Thực vậy, cột thủy ngân trong khí áp kế cứ cao dần theo độ sâu mà chúng tôi thực hiện được, và dừng lại ở nấc hai mươi chín phút.

- Cháu thấy đấy, chú tôi nói tiếp, chúng ta chỉ còn chịu áp suất một atmosphere. Chẳng mấy chốc, áp kế sẽ thay thế cái khí áp kế này.

Đúng như vậy, chừng nào khối lượng của không khí vượt áp suất được tính ở mặt đại dương thì cái khí áp kế này sẽ không sử dụng được nữa.

- Nhưng thưa chú, - tôi hỏi – nhưng nếu áp suất cứ tăng mãi làm chúng ta không chịu đựng nổi thì sao?

- Cháu không phải lo. Chúng ta tụt xuống từ từ do đó phổi của chúng ta cũng sẽ từ từ quen dần với sự hít thở không khí bị nén chặt ấy. Lên đến những tầng không khí ở độ cao, những người điều khiển khí cầu có thể bị thiếu dưỡng khí, chú chúng ta có khi lại dư quá mức ấy cháu ạ! Tuy nhiên, chú lại thích thế hơn. Thôi, không nên để mất thời gian vô ích. Còn hành lý đi vào lòng núi trước chúng ta ở đâu nhỉ?

Tôi chợt nhớ chiều tối hôm qua chúng tôi tìm số hành lý ấy mãi nhưng không thấy. Chú tôi hỏi Hans. Sau khi chăm chú quan sát bằng cặp mắt tinh tường của một thợ săn, anh ta đáp:

- Der huppe!

- Ở trên kia kìa!

Đúng vậy, các hành lý vị mắc vào một mô đá nhô ra ở cao trên vách ống khói cách đầu chúng tôi chừng một trăm bộ. Hans thoăn thoắt leo lên và chỉ mấy phút sau hành lý đã nằm dưới chân chúng tôi.

- Bây giờ chúng ta ăn bữa sáng, - chú tôi nói – nhưng phải ăn cho thật no vì cuộc du hành còn dài lắm!

Ăn xong, giáo sư Lidenbrock rút ra một quyển sổ nhỏ dùng để ghi chép những điều quan sát được. Ông nhắc hết cái nọ đến cái kia những dụng cụ chính xác và ghi vào sổ những dữ kiện sau đây:

Thứ hai, ngày 29 tháng 6.

- Đồng hồ chỉ 8 giờ 17 phút sáng.

- Khí áp kế: 29 phút

- Nhiệt kế: 6 độ

- Hướng: Đông đông nam. Đông đông nam là hướng của đường hầm tối.

Ghi chép xong, giáo sư phẫn khởi nói:

- Axel này, bây giờ chúng ta mới thực sự đi sâu vào lòng trái đất. Bây giờ mới đúng là lúc cuộc thám hiểm của chúng ta bắt đầu.

Nói xong chú tôi nâng máy phát điện đeo ở cổ lên, đấu dòng điện với bóng đèn, lập tức một làn ánh sáng chói lọi chiếu sáng đường hầm. Hans cũng cho chạy máy phát sáng của mình. Sự ứng dụng tài tình này của điện tạo ánh sáng ngay cả trong những môi trường các chất khí dễ cháy, giúp chúng tôi đi được lâu dài. Giáo sư Lidenbrock ra lệnh:

- Lên đường!

Mọi người khoác ba lô của mình. Hans có nhiệm vụ đẩy kiện quần áo và thùng chảo lăn đi trước. Chúng tôi bước vào đường hầm, tôi đi sau cùng.

Trước khi dẫn mình trong hành lang tối om đó, tôi ngẩng lên và qua khoảng trống của miệng ống khổng lồ tôi ngắm lần cuối cùng bầu trời Iceland, mà có lẽ tôi chẳng bao giờ được thấy lại nữa.

Trong đợt phun trào lần chót vào năm 1229, dung nham đã vạch một lối xuyên qua đường hầm này và trát lên quanh vách một lớp dày, bóng lánh. Ánh sáng điện phản chiếu lên đó càng thêm sáng rực rỡ.

Cái khó của đường đi bây giờ chỉ là giữ sao cho khỏi bị trượt quá nhanh xuống cái dốc nghiêng khoảng 45 độ ấy. May thay cũng lắm chỗ lồi lên lõm xuống, chúng tôi chỉ việc lần theo những bậc thang thiên nhiên đó và bằng một sợi thùng dài, giữ cho hành lý tự tụt xuống.

Phải nói là chúng tôi trượt mới đúng vì chúng tôi buông mình trườn xuôi trên con dốc chẳng mệt nhọc gì cả. Tôi luôn theo dõi địa bàn, kim nam châm một mực chỉ hướng đông nam. Cái dòng dung nham này chảy theo một đường thẳng tắp.

Trong khi đó nhiệt độ không tăng lên mấy. Điều đó càng chứng tỏ lý thuyết của nhà bác học Davy là đúng. Một lần nữa tôi ngạc nhiên kiểm tra lại nhiệt kế. Từ lúc đi tới giờ đã hai giờ, mà nhiệt kế mới chỉ 10 độ nghĩa là nhiệt độ chỉ mới tăng hơn có 4 độ. Điều này khiến tôi có nhận xét: chúng tôi đi ngang nhiều hơn là đi xuống? Còn muốn biết chính xác độ sâu đạt được cũng chẳng khó lắm. Giáo sư có đo một cách chính xác góc độ lệch và góc độ nghiêng của đường đi nhưng những kết quả quan sát này chỉ có mình ông biết thôi.

Đến tám giờ tối, giáo sư Lidenbrock ra hiệu dừng chân. Hans liền ngồi ngay xuống. Chúng tôi đang ở dưới một vòm hang, ở đó không đến nỗi thiếu không khí lắm. Trái lại, có vài làn gió thổi tới chỗ chúng tôi. Do sự khuấy động khí quyển nào và tại sao có gió, trong lúc này tôi chẳng suy luận được nữa. Hành trình xuống dốc liên tục trong bảy giờ đầu phải mất ít sức lực! Tôi đã mệt đừ. Khi nghe hiệu lệnh dừng chân, tôi tỉnh cả người. Hans bày đồ ăn lên một tảng dung nham. Đoàn thám hiểm chúng tôi ăn rất ngon miệng. Nhưng một điều làm tôi lo

lặng là chúng tôi đã uống hết phân nửa số nước dự trữ mang theo. Chú tôi tính sẽ lấy nước ở những nguồn nước ngầm để bổ sung, nhưng đến giờ này vẫn không gặp một con suối nào cả. Tôi bèn nhắc nhở giáo sư về vấn đề này.

- Không gặp nguồn nước cháu ngạc nhiên lắm sao? – chú tôi hỏi.
- Thưa chú, cháu chỉ lo thôi! Chúng ta chỉ còn đủ nước uống trong năm ngày!
- Cháu hãy an tâm. Đảm bảo sẽ tìm được nước uống, nhiều nữa là đằng khác!
- Bao giờ hả chú?
- Chùng nào chúng ta rời khỏi cái vỏ dung nham này.
- Nhưng nếu dòng dung nham này kéo dài mãi thì sao? Mà hình như chúng ta chưa xuống được tới đâu cả!
- Ai nói với cháu vậy?
- Nếu đã xuống được sâu trong vỏ trái đất ta phải thấy nóng hơn chứ ạ.
- Đây là theo luận điểm của cháu. Nhiệt kế hiện đang chỉ bao nhiêu độ?
- Gần 15 độ. Như vậy tính từ lúc khởi hành mới tăng có 9 độ.
- Vậy cháu kết luận thế nào?
- Theo cháu, qua những quan sát chính xác nhất, cứ sâu xuống một trăm bộ trong lòng đất, nhiệt độ sẽ tăng lên 1 độ. Tuy vậy, tùy điều kiện từng nơi con số này có thể thay đổi. Rõ ràng điều đó phụ thuộc vào tính dẫn nhiệt của đất đá. Cứ tạm coi giả thuyết cuối cùng này là khả dĩ nhất, ta thử tính toán xem...
- Cháu cứ tính đi.
- Vâng, vừa nói tôi vừa đặt ngay bài toán vào trong sổ tay, chín lần một trăm hai mươi lăm bộ bằng một ngàn một trăm hai mươi lăm bộ.
- Đúng!
- Chú nói sao ạ?
- À, theo những quan sát của chú, chúng ta đã xuống sâu dưới mực nước biển mười nghìn bộ!
- Thật vậy sao?

- Đúng, cháu ạ. Con số bao giờ cũng vẫn là con số!

Chú tôi đã tính đúng, chúng tôi đã xuống sâu hơn bất kỳ con người nào trước đây tới sáu ngàn bộ. Ở độ sâu ấy, lẽ ra nhiệt độ phải là 81 độ thì cột thủy ngân trong nhiệt kế của chúng tôi lại mới lên tới 15 độ. Vấn đề này phải cần đặc biệt suy ngẫm.

Sáu giờ sáng, thứ ba 30 tháng 6, đoàn thám hiểm lại lên đường.

Chúng tôi vẫn đi xuống theo đường hầm dung nham, một đoạn đường dốc tự nhiên, thoải thoải. Đường sá cứ như vậy cho tới mười hai giờ mười bảy phút, và khi chúng tôi theo kịp Hans cũng là lúc anh dừng lại.

- A! – giáo sư Lidenbrock reo lên – Chúng ta đã tới cuối ống khói!

Nhìn quanh, tôi thấy mình đang đứng giữa một ngã ba, nơi có hai đường hầm hẹp và tối đổ vào. Điều khó khăn bây giờ là không biết lên theo con đường nào?

Nhưng không muốn tỏ ra lưỡng lự trước mặt tôi và Hans, giáo sư liền chỉ ngay đường hầm hướng đông. Ba chúng tôi bèn đi sâu vào lối ấy. Và lại có lưỡng lự cả ngày cũng không biết lên chọn đường nào vì có vết tích gì xác định con đường nên đi theo đâu! Bắt buộc phải chọn lựa may rủi thôi!

Đường hầm mới ít dốc, mặt cắt của nó lại không đều. Được một dặm, chúng tôi phải đi lom khom dưới những vòm thấp với những cột và chân vòm ăn sâu vào đá. Ở nhiều chỗ cấu trúc này được thay thế bằng những đường hầm thấp rất hẹp khiến chúng tôi phải trườn mới qua được.

Nhiệt độ vẫn giữ ở mức chịu đựng được. Vô tình, tôi nghĩ dung nham đã từng ầm ầm chảy qua con đường yên tĩnh này để phun ra miệng núi lửa Sneffels, cứ tưởng tượng những dòng thác lửa và khí nóng bỏng ào ào xối vào những góc ngách của đường hầm và bị nghẽn lại ở những quãng hẹp này mà rùng mình. Tôi nghĩ thầm: “Mong rằng cái núi lửa đã ngưng hoạt động này đừng bỗng dung giở chúng!”

Những suy nghĩ này tôi không tâm sự cùng giáo sư. Giáo sư cũng không thông cảm với tôi, vì giờ đây trong đầu ông chỉ có duy nhất một ý nghĩ là tiến lên: ông đi, ông trượt, ông lao xuống với cả một niềm tin đáng kính phục!

Tối sáu giờ chiều, sau một cuộc hành trình khá mệt, chúng tôi đã đi về hướng nam được hai dặm, nhưng chẳng xuống sâu được bao nhiêu! Giáo sư Lidenbrock ra hiệu dừng lại nghỉ. Chúng tôi vừa ăn vừa trò chuyện qua quýt rồi lăn ra ngủ chẳng lo lắng gì. Chúng tôi không lo giá lạnh cũng chẳng sợ ai quấy rầy. Những nhà thám hiểm giữa sa mạc châu Phi hay nơi rừng thẳm châu Mỹ, đêm đêm bắt buộc phải kẻ ngủ người thức để canh phòng, nhưng ở đây tuyệt đối an toàn và yên tĩnh, khỏi phải lo bị các giống người man rợ hay mãnh thú hãm hại.

Hôm sau, chúng tôi thức dậy khỏe khoắn và khoan khoái. Cuộc hành trình lại tiếp tục. Đoàn thám hiểm tiến lên theo con đường dung nham như hôm trước. Không tài nào phân biệt được chất đất ở những nơi đường đi qua. Đáng lẽ thọc sâu xuống lòng đất, đường hầm lại có nhiều hướng ăn ngang. Hơn nữa, tôi còn nhận thấy có có vẻ xiên chéo lên mặt đất. Đến mười giờ sáng, khuynh hướng ấy càng rõ rệt làm chúng tôi mệt nhọc và bắt buộc phải chậm bước. Giáo sư Lidenbrock sốt ruột nhắc nhở tôi:

- Thế nào Axel?
- Cháu không chịu được nữa rồi!
- Hả? Mới dạo chơi có ba giờ trên một con đường dễ đi như vậy mà cháu đã như thế rồi sao?
- Cháu không nói đường khó đi, cháu chỉ bảo là nó làm cháu mệt quá thôi!
- Xuống dốc đều đều như vậy mà cũng mệt sao?
- Thừa chú, chúng ta leo lên dốc thì có!
- Leo dốc! Cháu nói gì kỳ vậy?
- Đúng thế đấy chú ạ. Từ nửa giờ qua, hướng dốc đã thay đổi. Cứ đà này, chắc

chấn chúng ta sẽ quay trở lại đất Iceland!

Giáo sư Lidenbrock lắc đầu không tin tôi. Tôi cố gắng bắt chuyện lại nhưng giáo sư không nói năng gì cả. Ông ra lệnh đi tiếp. Sự im lặng của giáo sư rõ ràng nói lên tâm trạng bức bối mà ông cô nén.

Tuy vậy tôi vẫn dũng cảm khoác ba lô lên vai và nhanh nhẹn bước theo Hans và chú tôi. Tôi cố sức bám sát và không để lạc mất họ. Tôi chỉ sợ bị lạc trong cái đường hầm chằng chịt sâu thẳm này.

Hành trình ngược dốc càng đi càng vất vả. Tôi tự an ủi rằng con đường này sẽ đưa tôi lên mặt đất.

Tối trưa, cấu trúc vách đường hầm có sự thay đổi. Tôi nhận thấy ánh sáng điện chiếu lên vách hắt ra mờ mờ hơn trước. Đó là do đá trơ đã thay thế lớp vỏ dung nham. Chúng tôi đang đứng giữa tầng đất đá của thời kì chuyển tiếp.

- Rõ ràng quá rồi, - tôi thốt lên – chúng ta đang đứng giữa thời kì xuất hiện những động vật và những cây cỏ đầu tiên.

- Cháu tưởng như vậy à!

Tôi ép giáo sư rơi ngọn đèn lên vách đường hầm rồi ngóng chờ tiếng kêu của ông. Nhưng ông vẫn im lặng và tiếp tục lên đường. Rõ ràng chúng tôi đã bỏ con đường dung nham và đường đoàn thám hiểm đang đi không thể dẫn tới lò lửa của núi Sneffels! Tuy vậy tôi cũng tự hỏi không hiểu mình có quan trọng hóa vấn đề thay đổi của đất đai hay không? Liệu tôi có nhầm lẫn không?

- Nếu mình có lý, - tôi nghĩ thầm – thế nào mình cũng tìm được vài mảnh vụn thực vật nguyên thủy!

Đi được khoảng trăm bước những chứng cứ không thể trời cãi đã bày ra trước mắt tôi. Đôi chân tôi đã quen với nền dung nham cứng, bỗng dưng đạp trên đất bụi, tàn tích của thực vật và vỏ sò, vỏ ốc. Trên vách đường hầm, hiện ra một cách rõ ràng dấu in của tảo sùng hươu và của thạch tùng. Nhưng giáo sư vẫn làm ngơ và tiến lên.

Không chịu nổi thái độ này của giáo sư tôi bèn nhặt một vài vỏ cứng hoàn toàn nguyên vẹn của một động vật giáp xác, và đưa cho ông:

- Chú ơi, - tôi nói – chú xem này.

- Có gì lạ đâu, - giáo sư thản nhiên đáp – đây là vỏ cứng một loài tôm cua thuộc bộ ba thùy đã hóa thạch.

- Chú không rút ra kết luận gì sao?

- Thế cháu đã rút ra được kết luận gì? Riêng chú, chú xác định chúng ta rời khỏi lớp granit và con đường dung nham. Có thể chú đã lầm, nhưng chú chỉ khẳng định sai lầm này một khi đã đi tới cuối đường hầm.

- Thừa chú, chú hành động như vậy là đúng. Cháu rất tán thành nếu như không có một mối nguy hiểm đang ngày càng đe dọa chúng ta.

- Cháu muốn nói mối nguy hiểm nào?

- Thiếu nước uống!

- Nếu vậy chúng ta chỉ cần uống ít lại!

Đúng là chúng tôi phải uống ít lại thôi, vì lượng nước dự trữ còn đủ dùng trong hơn ba ngày. Tôi được biết điều này khi ăn bữa tối. Chúng tôi rất mong gặp một nguồn nước, nhưng ở giữa tầng đất thuộc thời kì chuyển tiếp này hi vọng đó thật mỏng manh. Suốt cả ngày hôm sau những vòng cung của vòm cuốn đường hầm bày ra như không bao giờ hết trước chúng tôi. Đoàn thám hiểm bước đi trong im lặng, tính ít nói của Hans đã lây sang chúng tôi.

Tôi nhận thấy đường không đi lên nữa, mà ở vài chỗ còn có vẻ xuôi xuống. Điều này vẫn không làm cho giáo sư yên tâm, bởi tính chất của những lớp đất đá vẫn không thay đổi và thời kì chuyển tiếp càng được khẳng định.

Tuy vậy giáo sư Lidenbrock vẫn không để ý tới. Ông chỉ chờ đợi hai việc: hoặc có một cái giếng thẳng đứng mở ra dưới chân tạo điều kiện cho ông đi sâu xuống, hoặc gặp một vật chướng ngại cản không cho ông đi tiếp con đường này nữa. Nhưng mãi đến chiều tối vẫn không gặp một sự việc nào như vậy cả.

Thứ sáu, qua một đêm bắt đầu bị cơn khát dần vặt, đoàn thám hiểm lại tiến sâu vào những góc ngách của đường hầm. Sau mười giờ đi bộ, tôi bỗng nhận thấy ánh đèn phản chiếu trên vách mờ hắt đi, chúng tôi đang đứng giữa một mỏ than đá.

- A! Một mỏ than! – tôi reo lên.

- Một mỏ than không có thợ mỏ! – giáo sư nói – Đến giờ ăn chiều rồi. Nghỉ đã.

Hans dọn thức ăn. Tôi chỉ ăn qua loa và uống vài giọt nước cần chùng. Tất cả dự trữ nước của chúng tôi chỉ còn lưng nửa bình được Hans đeo bên mình. Ăn uống xong, giáo sư và chàng thợ săn vịt biển lăn ra ngủ để lấy lại sức. Riêng tôi nằm trần trọc cho đến sáng.

Sáu giờ sáng thứ bảy, đoàn lại lên đường. Hai mươi phút sau, chúng tôi tới một cái hang cao rộng mênh mông. Do một chấn động ngầm dữ dội nào đó, đất đai ở đây bị giãn, bị thúc ép và nong ra thành một cái hang rộng. Trên những bức vách đen sẫm, nhà địa chất học dễ dàng đọc được toàn bộ lịch sử kỷ than đá.

Tôi vẫn cùng đoàn thám hiểm tiến bước. Nhiệt độ xung quanh vẫn dễ chịu. Tôi bỗng phát hiện trong đường hầm nồng nặc mùi cacbô hydro, còn gọi là khí mỏ. Chất khí này khi nổ gây ra những thảm họa khủng khiếp. Cũng may chúng tôi sử dụng máy phát điện chứ nếu dùng đuốc soi đường thì...

Cuộc dạo chơi trong mỏ than kéo dài đến chiều tối. Giáo sư Lidenbrock đang nóng ruột thì bỗng đâm sầm vào một bức tường đá chắn ngang đường. Chúng tôi đã gặp phải một ngõ cụt.

- Thôi thế cũng may, - giáo sư nói – ít ra cũng xác định được đây không phải đường ông Saknussemm đã đi qua. đành phải nghỉ lại đây một đêm, sáng mai chúng ta sẽ quay lại con đường rẽ hai.

- Cầu trời cho chúng ta còn đủ sức để lết được về tới đó. – tôi nói.
- Tại sao lại không còn sức nữa?
- Thừa chú, vì ngày mai chúng ta không còn một giọt nước nào cả!
- Này Axel, - giáo sư nghiêm khắc nói – đúng là nước dự phòng đã cạn, nhưng chẳng lẽ dùng khí trong người chúng ta cũng hết theo sao?

Tôi hổ thẹn, cúi mặt và im lặng.

Hôm sau, chúng tôi lên đường thật sớm. Phải khẩn trương vì từ đây tới con đường rẽ hai ấy, nhanh nhất cũng phải mất năm ngày đường.

Tôi không kể lể dông dài về những nỗi khổ của đoạn đường quay trở lại. Giáo sư Lidenbrock chịu đựng với cả sự tức giận của một người biết rằng mình đã quyết định sai. Hans chấp nhận nó một cách lặng lẽ như anh đã tiếp nhận mọi chuyện trên đời. Còn tôi, phải thú nhận là đã hết hy vọng nên cứ rên rỉ than vãn hoài, điều rủi ro ấy đã làm cho tôi mất hết sự hăng hái.

Như tôi đã báo trước, tới cuối ngày thứ nhất lượng nước dự trữ đã hết sạch. Chỉ còn một ít rượu gin, nhưng rượu càng làm cháy cổ thêm! Tôi thấy nóng bức ngột ngạt và đờ ra vì mệt. Đôi lúc tôi suýt ngã xuống ngất đi. Đoàn thám hiểm đành phải dừng lại. Giáo sư và Hans hết sức an ủi tôi. Tôi cũng thấy chú tôi đã kiệt sức và khát lắm rồi.

Sau cùng, vào hôm thứ ba ngày 8 tháng 7, chúng tôi bò về được tới điểm gặp nhau của hai đường hầm trong cảnh nửa sống nửa chết. Tôi nằm lăn ra sóng soài trên nền dung nham. Lúc đó là mười giờ sáng. Chú tôi và Hans dựa vào vách hầm cố sức ăn mấy mẫu lương khô. Đôi môi sưng vều của tôi thả ra mấy tiếng rên rỉ rồi thiếp đi.

Một lúc sau, chú tôi lại gần và đỡ tôi dậy, ông thì thầm với vẻ thương hại:

- Tội nghiệp thằng bé!

Nghe những lời đó tôi sung sướng biết bao, vì tôi chưa từng được thấy vị giáo sư nghiêm khắc này bày tỏ tình cảm của mình. Tôi liền nắm lấy đôi tay run rẩy của ông. Chú tôi nhìn tôi, rơm rớm nước mắt, rồi từ từ nâng cái bình nước đeo bên mình, áp vào môi tôi và nói:

- Uống đi cháu!

Tôi sững sốt, không còn tin vào tai mình nữa. Hay chú tôi điên mất rồi? Tôi ngậy mặt ra nhìn ông, trong lòng đầy nghi hoặc.

- Uống đi Axel! – chú tôi nhắc lại.

Nói xong, ông nghiêng bình dốc hết nước vào miệng tôi. Lúc đó tôi sung sướng làm sao! Miệng tôi đầy nước trong giây lát, cơn khát dịu xuống. Tôi chấp tay lại, cảm ơn chú tôi.

- Phải, - giáo sư nói – chỉ một ngụm nhưng là ngụm nước cuối cùng. Cháu nghe rõ chứ? Ngụm nước cuối cùng mà chú đã cẩn thận giữ lại ở đáy bình. Chú đã thềm nó một cách kinh khủng, biết bao lần chú định uống nhưng cưỡng lại. Axel,

chú dành ngụm nước này cho cháu đấy!

- Chú ơi! – tôi thì thấm, mắt róm lệ.

- Chú biết khi về đến đây thế nào cháu cũng kiệt sức nên chú cố giữ giọt nước cuối cùng này để làm cháu tỉnh lại.

- Cháu cảm ơn, cảm ơn chú!

Cái khát mới hơi dịu một chút tôi đã thấy khỏe hẳn lên. Các cơ bắp cổ họng đang bị co bóp giãn ra, cặp môi nóng bỏng dịu đi. Tôi có thể nói thành lời.

- Bây giờ thiếu nước uống, - tôi nói – chúng ta phải quay trở lại thôi, không còn cách nào khác đâu, chú ạ!

Giáo sư im lặng cúi đầu.

- Phải quay lại, - tôi kêu lên – trở lên ngọn Sneffels thôi, không còn cách nào khác đâu, chú ạ!

Giáo sư im lặng cúi đầu.

- Phải quay lại, - tôi kêu lên – trở lên ngọn Sneffels thôi! Cầu trời cho chúng ta còn sức để leo được lên miệng núi lửa.

- Quay trở lại à? – giáo sư nói như là trả lời với chính mình hơn là nói với tôi.

- Phải, trở về và đừng phí một giây phút nào cả!

Cả ba im lặng một lúc khá lâu, bỗng giáo sư nói với một giọng rất lạ:

- Axel này, chẳng lẽ những giọt nước ấy không làm cháu dừng cảm và thêm nghị lực chút nào sao?

- Lòng dừng cảm?

- Cháu vẫn tuyệt vọng như trước sao?

Tôi không thể hiểu mình đang nói chuyện với một người như thế nào và cũng khó hình dung những ý đồ gì đang được hình thành trong cái đầu óc táo bạo ấy?

- Chú không muốn quay trở lại à?

- Rồi từ bỏ cuộc thám hiểm này đúng lúc sắp thành công à! Không bao giờ!

- Nhưng chúng ta sẽ chết hết!

- Không, Axel ạ! Chú không muốn thấy cháu chết đâu, Hans sẽ đưa cháu quay trở lại. Cứ để chú ở đây một mình!

- Bỏ chú lại đây?

- Cứ để chú ở lại! Chú bắt đầu cuộc phiêu lưu này và chú sẽ đi cho tới cùng, hoặc là sẽ không bao giờ trở về nữa. Axel, cháu hãy về đi! Hãy đi đi!

Chú tôi nói trong trạng thái bị kích động cao độ. Giọng ông bỗng trở lên cứng rắn và đe dọa. Ông đang dồn hết nghị lực để cưỡng lại điều không thể làm được ấy. Tôi không muốn bỏ ông lại một mình dưới đáy vực thẳm này, nhưng bản năng sinh tồn lại thôi thúc tôi rời xa ông.

Hans theo dõi cảnh này với vẻ thờ ơ cố hữu. Tuy vậy anh cũng chẳng hiểu điều gì đang xảy ra với hai người bạn đường của anh. Những cử chỉ của chúng tôi chỉ khá rõ con đường khác nhau mà người này muốn cố lôi kéo người kia theo.

Nhưng hình như Hans có vẻ quá lãnh đạm với vấn đề đang đe dọa số phận của mình, anh vẫn sẵn sàng lên đường khi có lệnh khởi hành và cũng sẵn sàng ở lại nếu ông chủ của anh muốn vậy.

Làm thế nào để có thể kéo anh về phe của tôi? Tôi phải làm cho anh ấy thấy rõ những nguy hiểm mà anh không ngờ tới. Với hai người, chúng tôi sẽ có thể thuyết phục được vị giáo sư bướng bỉnh này. Nếu cần thiết, chúng tôi sẽ cưỡng bức ông quay trở lại ngọn Sneffels.

Tôi bước lại gần Hans và đặt bàn tay lên vai anh ấy. Hans không nhúc nhích. Tôi giơ tay chỉ con đường ngược trở lại miệng núi lửa. Anh vẫn không động đậy. Khuôn mặt chờ đợi của tôi đã nói lên hết những nỗi đau khổ, nhưng anh chàng người Iceland chỉ khẽ lắc đầu, chỉ chú tôi và nói:

- Master!

- Ông chủ! – tôi kêu lên – anh điên à? Giáo sư không phải là ông chủ của đời anh không thể như vậy được! Phải trở lên. Phải mang ông ấy theo! Anh có nghe tôi nói không? Anh có hiểu tôi không?

Tôi nắm lấy cánh tay Hans, định lôi anh đứng dậy. Thấy chúng tôi dằng co, giáo sư bước tới can thiệp:

- Axel, hãy bình tĩnh nào! Cháu không thể bắt buộc anh ta làm theo ý của cháu đâu. Chú có lời đề nghị thế này, cháu hãy lắng nghe đây:

Tôi khoanh tay lại và nhìn thẳng vào vị giáo sư với vẻ chờ đợi.

- Cho đến nay những dự định của chú bị cản trở không thực hiện được là do thiếu nước uống. Trong đường hầm phía đông không gặp một tí nước nào cả! Giờ đây theo đường hầm phía tây có thể chúng ta gặp may hơn chăng?

Thấy tôi lắc đầu với vẻ hoài nghi lộ ra mặt, giáo sư gần giọng:

- Hãy nghe chú nói hết đã. Lúc cháu gạt chú đã tranh thủ quan sát đường hầm phía tây. Đường hầm này đi sâu vào lòng đất, chẳng mấy chốc nó sẽ dẫn chúng ta tới lớp đá granit. Ở đây, chắc chắn chúng ta sẽ gặp nhiều nguồn nước. Chắc chắn đây là con đường mà Saknussem đã đi qua. Chú tin là trong vài giờ nữa nếu mình cố gắng đi tới sẽ gặp được nguồn nước, vì Saknussem cũng cần nước như mình, ông ta đã qua được thì chắc chắn bên dưới đã có nước uống. Nhất định mình sẽ tìm thấy. Ngày xưa Christophe Colomb lúc đi tìm đất mới thì thủy thủ đoàn đòi trở về, ông yêu cầu thủy thủ đoàn cho ông thêm ba ngày nữa để tìm đất mới. Mặc dù ốm yếu, họ vẫn đành phải chấp thuận. Cuối cùng ông đã tìm ra Châu Mỹ. Chú chỉ yêu cầu cháu thêm cho chú một ngày nữa thôi. Nếu quá một ngày mà vẫn chưa gặp được nguồn nước, chú xin thề chúng ta sẽ quay trở lại mặt đất ngay lập tức!

Mặc dù bức tức, tôi cũng rất xúc động trước những lời lẽ và cách nói dữ dội của chú tôi.

- Thôi được rồi, - tôi kêu lên – cháu cũng đành chiều theo ý chú. Cầu trời phù hộ

chú cái nghị lực siêu phàm của chú! Chú chỉ còn vài tiếng đồng hồ cầu may nữa thôi đấy. Chúng ta lên đường thôi!

Chương 9

Tiếp tục đi xuống

Lần này, hành trình đi xuống lại bắt đầu theo một đường hầm mới. Theo thói quen, Hans vẫn dẫn đầu. Chúng tôi đi chưa được trăm bước, giáo sư đã soi đèn dọc vách đường hầm và kêu lên:

- Lốp đất nguyên thủy đây rồi! Chúng ta đi đúng đường rồi! Tiến lên!

Ánh đèn chiếu lên khối đá, làm dội lại như những tia lửa đan chéo nhau từ mọi góc độ và tôi tưởng tượng mình đang du ngoạn trong một khối kim cương rỗng, giữa muôn vàn ánh sáng chói lọi.

Đến sáu giờ chiều, tầng nham thạch trước đây vẫn sáng bóng, đã bắt đầu thay đổi. Vách hầm chuyển màu kết tinh sẫm sẫm. Chúng tôi đang bị giam trong một nhà tù khổng lồ bằng đá hoa cương!

Lúc ấy là tám giờ tối. Vẫn không có dấu hiệu của nước. Con khát hành hạ tôi đến kinh khủng. Giáo sư dẫn đầu đoàn thám hiểm không muốn dừng bước. Ông luôn gắng sức lắng nghe để tìm âm thanh róc rách của một con suối ngầm nào đó, nhưng cũng chẳng thấy gì. Tôi cố chống lại những cơn dần vật vì thiếu nước để khỏi bắt giáo sư phải dừng lại. Dừng lại bây giờ tức là bóp chết tia hy vọng cuối cùng đang còn le lói trong ông, vì ngày sắp hết, mà hôm nay lại là ngày gia hạn cuối cùng.

Sau cùng, sức lực trong tôi cạn kiệt hẳn. Tôi kêu lên một tiếng, rồi gục xuống.

- Cứu tôi với! Chết mất!

Giáo sư Lidenbrock quay lại, khoanh tay nhìn tôi.

- Thế là hết! – giáo sư lắc đầu kêu lên.

Tôi thoáng thấy một cử chỉ giận dữ ghê người của chú tôi trước khi nhắm mắt lại.

Khi tỉnh lại, tôi thấy hai người kia đang cuộn tròn trong chăn. Phải chăng họ đang ngủ? Về phần mình, tôi không tài nào chợp mắt được. Tôi đã phải chịu đựng quá sức mình! Những lời nói cuối cùng ấy của giáo sư còn văng vẳng bên tai tôi. Đúng là trong tình trạng yếu đuối như vậy thì cả đến việc quay trở lại mặt đất cũng không nên tính đến.

Vài giờ sau. Quanh chúng tôi hoàn toàn tĩnh mịch, sự tĩnh mịch dưới một nắm mộ! Tuy vậy, khi đang thiu thiu ngủ, tôi bỗng nghe như có tiếng động. Và khi chăm chú nhìn vào đường hầm tối om, hình như tôi thấy Hans cầm đèn đi đâu mất. Tại sao anh ta lại bỏ đi? Hay anh ấy muốn bỏ rơi chúng tôi? Chú tôi vẫn đang ngủ say. Tôi bỗng muốn hét lên thật to, nhưng tiếng kêu không thể lọt qua đôi môi khô nẻ. Bóng tối càng thêm dày đặc và những tiếng động cuối cùng cũng lặng đi.

- Hans bỏ chúng ta rồi! – tôi kêu lên – Hans! Hans ơi!

Nhưng những âm thanh này chỉ vang lên trong tôi vì tôi đã quá kiệt sức. Tuy vậy, sau giây phút bàng hoàng đầu tiên ấy, tôi cảm thấy xấu hổ vì đã nghi ngờ một con người mà từ trước đến nay không có điều gì đáng chê trách. Chắc chắn không phải Hans chạy trốn vì đáng lẽ leo ngược đường hầm anh lại đi xuống. Nếu có ý đồ xấu thì con đường anh theo phải hướng lên mặt đất chứ? Lập luận này khiến tôi vững tâm và bỗng quay về một ý nghĩ khác. Một con người như Hans, chắc phải có lý do nào đó nghiêm trọng lắm mới khiến anh bỏ cả giấc ngủ. Hay anh ta định thám hiểm một mình? Có thể trong đêm tĩnh mịch Hans đã nghe tiếng rì rào nào đó mà tôi không cảm nhận được?

Suốt một giờ, tôi nằm trong bóng tối với những ý nghĩ quay cuồng trong trí. Có lẽ tôi sắp điên lên mất!

Nhưng sau cùng, tôi nghe có tiếng bước chân vang. Hans đang quay trở lại. Ánh sáng mờ mờ bắt đầu lướt trên vách rồi lóe ra ở miệng đường hầm. Hans xuất hiện. Anh bước lại gần và khẽ lay chú tôi dậy.

- Cái gì vậy? – giáo sư thức giấc hỏi.

- Watten! – chàng thợ săn đáp.

Phải chăng nỗi thống khổ dữ dội đã khiến người ta linh cảm mà biết được nhiều thứ tiếng nước ngoài? Một chữ Đan Mạch bẻ đôi cũng không biết vậy mà tự nhiên tôi bỗng hiểu rành rọt câu nói của Hans.

- Nước! Nước! – tôi hoa chân múa tay reo hò như một người mất trí.

- Nước à? Nước ở đâu? – giáo sư hỏi anh chàng người Iceland.

- Nedat!

- Ở đâu? Ở dưới kia! – bây giờ họ nói gì tôi cũng hiểu hết. Tôi nắm tay Hans và siết mạnh, nhưng anh vẫn im lặng nhìn tôi.

Việc chuẩn bị lên đường không lâu và chẳng mấy chốc chúng tôi đã tiến xuống theo một hành lang khá dốc. Một giờ sau chúng tôi đã đi được khoảng một dặm và xuống sâu hai ngàn bộ. Nay lúc đó chúng tôi nghe rõ một âm thanh bất thường ì ầm âm vân như tiếng sấm rền xa, chạy trong vách đá. Đi thêm nửa giờ nữa vẫn không gặp nguồn nước ấy, tôi lại thấy lo sợ. Chú tôi liền giằng giãi cho tôi rõ nguồn gốc những tiếng ì ầm này.

- Hans không lầm đâu! – giáo sư nói – Âm thanh cháu vừa nghe thấy là tiếng sóng gầm của một con sông ngầm.

- Một con sông à? – tôi kêu lên.

- Không còn gì nghi ngờ nữa, có một dòng sông ngầm đang chảy ở quanh ta!

Chúng tôi rảo bước. Hưng phấn quá độ vì hy vọng, tôi không còn cảm thấy mệt mỏi nữa. Tiếng nước chảy ào ào ấy đã làm tôi hết khát. Tôi luôn luôn sờ tay lên vách đá, hy vọng dò gặp chỗ nào ẩm ướt nhưng thật vô vọng.

Thêm nửa giờ nữa trôi đi! Chúng tôi lại vượt nửa dặm đường nữa! Nhưng càng tiếp tục đi chúng tôi lại càng xa dòng sông vì tiếng nước chảy nghe nhỏ hơn.

Chúng tôi bèn quay trở lại. Hans dừng lại đứng chỗ có vẻ gần dòng sông nhất. Anh ta cầm lấy đèn, tiến tới bức tường bằng đá granit. Tôi bước theo. Hans áp sát tai vào vách đá khô và cứ thế vừa nhích bước vừa hết sức chăm chú lắng nghe. Tôi hiểu Hans đang tìm xem chính xác ở điểm nào nghe rõ tiếng nước chảy nhất. Anh bắt gặp điểm ấy ở vách trái đường hầm, cách mặt đất khoảng một bộ.

Ôi! Thật xúc động tuy chưa đoán ra được ý định của anh! Nhưng khi thấy Hans cầm cốc chim và bổ thẳng vào vách đá, tôi bỗng hiểu hết. Tôi vỗ tay hoan hô và bước tới ôm chầm lấy anh.

- Thoát nạn rồi! – tôi reo lên – Chúng ta được cứu sống rồi!

- Phải. – giáo sư cuồng nhiệt nói – Hans nghĩ đúng! Anh chàng này giỏi thật! Có vậy mà chúng ta không nghĩ ra!

Hans liền bắt tay vào việc. Hai chú cháu tôi do vụng về và nóng ruột nên những nhát cốc bổ xuống chỉ làm cho những mảnh đá vụn bắn tứ tung. Ngược lại, anh chàng dẫn đường người Iceland bình tĩnh ôn hòa hơn. Với những nhát cốc liên tục đục dần vào vách đá, anh đã khoét được một lỗ rộng khoảng nửa bộ. Tiếng nước chảy nghe rõ dần và tôi tưởng tượng dòng nước trong lành ấy đang tung tóe trên đôi môi khô nẻ của tôi.

Công việc kéo dài hơn một giờ. Bỗng có một tiếng rít như xé không khí vang lên. Một tia nước phụt mạnh ra, bắn thẳng vào vách đá đối diện.

Bị va mạnh, Hans loạng choạng suýt ngã và không nén nổi một tiếng kêu đau đớn! Tôi bỗng hiểu điều đó khi thọc tay vào tia nước ấy. Tôi cũng phải rụt ngay tay lại và thét lên:

- Oái! Nước sôi!

- Lo gì, nó sẽ nguội thôi. – chú tôi nói.

Hơi nước tràn ngập hành lang. Một con suối được hình thành, chảy xuôi để rồi mất hút trong những khúc quanh của đường hầm. Một lát sau, chúng tôi múc nước uống ngậm đầu tiên.

Không thể tả nổi cảm giác khoan khoái của chúng tôi lúc ấy! Chúng tôi cuống không ngừng nghỉ, không cần e dè cũng chẳng cần để ý đó là nước gì, ở đâu tới! Chỉ biết đó là nước, dù nóng bỏng nhưng nó đã đem lại cho chúng tôi sinh lực đã bị cùng kiệt.

- Chà, đã quá!

- Ừ, chú cũng thấy vậy! Hans kiếm cho chúng ta một nguồn nước quý giá quá. Tôi đề nghị lấy tên Hans đặt tên cho dòng suối phục sinh này nhé! – chú tôi kêu lên.

- Đồng ý! - Tôi trả lời.

Và thế là chúng tôi lấy tên Hans đặt cho dòng suối: Suối Hans.

Hans cũng chẳng lấy điều đó làm vinh dự, sau khi hết khát anh ngồi bình thản

dựa vào vách đá.

- Chú Lidenbrock, - tôi nói – bây giờ chúng ta không nên để nước chảy phí như vậy được!

- Lo gì, - giáo sư nói - nguồn nước này chảy vô tận, làm sao hết được!

- Tốt hơn hết ta cứ mức đầy bình, rồi tìm cách nút cái lỗ ấy lại! – tôi góp ý.

Theo ý kiến của tôi, Hans lấy đá và vãi vụn tìm cách chèn vào cái lỗ đó. Nhưng việc làm đó quả là không dễ dàng chút nào cả, nước thì sôi, áp suất lại quá cao nên chúng tôi bị phồng hết cả tay mà vẫn phải chịu thua!

- Tại sao lại cố nút cái lỗ ấy làm gì nhỉ?

Tôi còn đang lúng túng tìm lý do thì giáo sư Lidenbrock đã nói tiếp:

- Một khi những bình nước của chúng ta lại cạn khô, liệu có tìm ngay được nguồn nước khác để bổ sung không?

- Chưa chắc chú ạ!

- Vậy cứ để mặc cho nó phun, dòng nước này sẽ chảy xuôi một cách tự nhiên để dẫn đường và giải khát cho chúng ta có phải hơn không?

- Ý kiến hay! – tôi kêu lên – Có dòng suối này làm bạn đường thì chẳng có lý do gì mà cuộc thám hiểm của chúng ta không thành công.

- À, hóa ra sau cùng cháu cũng bắt đầu tin chú. – chú tôi vừa cười vừa nói – Nhưng chúng ta hãy nghỉ ngơi đã.

Nhìn đồng hồ tôi mới sực nhớ là đang giữa đêm khuya. Và ngay lập tức chúng tôi đánh một giấc say cho đến sáng.

Hôm sau, chúng tôi đã quên hết những nỗi khổ đã qua. Tôi bỗng ngạc nhiên và không hiểu sao mình lại không còn khát nữa! Dòng suối chảy róc rách dưới chân tôi giải đáp tất cả!

Chúng tôi ăn sáng rồi uống dòng nước tuyệt vời ấy. Tôi cảm thấy khỏe khoắn, hoạt bát hẳn lên và quyết định sẽ đi đến cùng. Đó là những ý nghĩ đẹp vừa nhen nhúm lên trong tâm trí tôi. Giáo sư nhắc lại đề nghị của tôi là quay trở lên đỉnh Sneffels, nhưng tôi đã phản nộ cự tuyệt, giờ đây tôi chỉ tính chuyện đi sâu xuống thôi!

- Tiến lên! – tiếng hô đầy phấn khởi của tôi vang vọng giữa khoảng không gian sâu thẳm của trái đất.

Cuộc hành trình lại tiếp tục.

Đúng tám giờ sáng ngày thứ năm, đường hầm bỗng xuất hiện nhiều chỗ quẹo bất ngờ, hành lang đá hoa cương quanh co như trong mê cung, nhưng nó vẫn theo một hướng chính là hướng đông nam. Giáo sư Lidenbrock luôn cẩn thận xem địa bàn để nhận xét con đường đang đi.

Giáo sư còn luôn miệng cầu nhàu vì con đường cứ đi ngang mãi. Theo ông, đúng lý phải trượt thẳng theo đường bán kính của trái đất thì đường hầm lại kéo dài vô tận theo đường ngang. Nhưng dù cho giáo sư có cần nhần thì con đường

hướng vào tâm trái đất cứ đều như vậy thì cũng đành phải chịu thôi.

Tóm lại, hôm ấy và cả ngày hôm sau chúng tôi đi ngang nhiều hơn là xuống. Chiều thứ sáu ngày 10 tháng 7, theo tính toán của chúng tôi thì chúng tôi đã đi cách xa thủ đô Reykjavik khoảng ba mươi dặm về phía đông nam và đã xuống sâu được hai dặm rưỡi.

Rồi đột nhiên dưới chân chúng tôi mở ra một cái giếng sâu thăm thẳm. Giáo sư Lidenbrock không khỏi vỗ tay reo ầm lên khi tính toán độ dốc đứng của thành giếng.

- Cái giếng này sẽ đưa chúng ta đi xa đây! Với những bờ đá nhô ra như cầu thang thế kia đường xuống chắc cũng dễ thôi.

Hans chuẩn bị dây thừng khá chu đáo để đề phòng mọi tai nạn. Đoàn thám hiểm bắt đầu leo xuống. Ít nhiều cũng đã quen với những thử thách như vậy nên tôi thấy việc này cũng chẳng có gì nguy hiểm cả!

Cái giếng là một khe hẹp trở giữa những khối đá, do khi nguội lạnh sườn trái đất co lại tạo thành. Chúng tôi xuống theo một đường xoắn ốc tự nhiên mà cứ ngỡ do bàn tay con người tạo nên! Cứ mười lăm phút chúng tôi lại phải dừng lại nghỉ giải lao và để cho các khớp tay, khoeo chân lấy lại độ dẻo dai. Chúng tôi ngồi luôn trên một bờ đá nào đó, chân buông thõng, vừa ăn vừa trò chuyện và uống nước suối.

Ngày 11 và 12 tháng 7, chúng tôi vẫn theo đường xoắn ốc của cái giếng này, đi thêm được hai dặm nữa sâu vào vỏ trái đất, tổng cộng gần năm dặm dưới mực nước biển. Đến trưa ngày 14, cái giếng vẫn theo hướng đông nam và đã bớt dốc, độ nghiêng khoảng bốn mươi lăm độ. Đường trở lên dễ đi hơn và hoàn toàn đơn điệu.

Cuối cùng, thứ tư ngày 15, chúng tôi đã ở cách núi Sneffels khoảng năm mươi dặm và sâu bảy dặm dưới mặt đất. Mặc dù khá mệt nhưng sức khỏe của cả đoàn chúng tôi vẫn trong trạng thái khá tốt và túi thuốc cấp cứu mang theo vẫn chưa ai động đến.

Giáo sư Lidenbrock liên tục ghi lại những số liệu chỉ báo của địa bàn, đồng hồ, áp kế và cả nhiệt kế. Với những ghi chép ấy giáo sư có thể biết một cách dễ dàng mình đang ở chỗ nào trong lòng đất. Khi được chú tôi cho biết đoàn thám hiểm đang ở cách núi lửa Sneffles năm mươi dặm, tôi không tìm được một tiếng kêu sùng sốt.

- Cháu làm sao vậy? – chú tôi hỏi.

- Dạ... Nếu những tính toán của chú chính xác thì chúng ta không còn ở dưới vùng đất Iceland nữa!

- Có chắc vậy không?

- Muốn kiểm tra xem có đúng hay không thì đâu có gì khó!

Tôi bèn lấy compa đo luôn trên bản đồ.

- Cháu đã nói là đúng vậy mà. – tôi nói – Với năm mươi dặm ấy chúng ta đã vượt qua mũi Portland và đang ở giữa đại dương.

- Phải nói là ở dưới đáy đại dương chứ! – chú tôi xoa hai tay vào nhau nói.

- Ái chà! – tôi reo lên – Thì ra đại dương đang ở trên đầu chúng ta!

- À, có gì lạ đâu!

Với giáo sư Lidenbrock thì mọi hoàn cảnh đều đơn giản, nhưng riêng tôi cứ lo sợ mãi khi biết mình đang đi bên dưới khối nước mênh mông của biển cả. Nhưng tôi cũng đã nhanh chóng làm quen với ý nghĩ ấy vì hành lang vẫn giữ hướng đông nam, và dốc xuống đều đều, lúc thẳng tắp lúc khúc khuỷu, với những chỗ dốc và chỗ ngoặt thất thường, đưa chúng tôi xuống rất sâu một cách nhanh chóng.

Bốn hôm sau, chiều thứ bảy ngày 18 tháng 7, đoàn thám hiểm chúng tôi bỗng tới được một cái động khá lớn. Giáo sư Lidenbrock thanh toán cho anh chàng thợ săn vịt biển người Iceland tiền công hàng tuần. Giáo sư cũng quyết định luôn ngày hôm sau sẽ là ngày nghỉ ngơi.

Sáng chủ nhật, tôi thức giấc mà không bận rộn chuẩn bị để kịp lên đường ngay như mọi khi, nên tôi vẫn cảm thấy dễ chịu. Và lại chúng tôi cũng đã quen với cuộc sống ở hang, ở động này rồi.

Cái động tạo thành một căn phòng rộng. Trên nền đá hoa cương, dòng suối Hans vẫn êm đềm chảy. Sau bữa ăn sáng, giáo sư Lidenbrock muốn bỏ ra vài giờ để chỉnh lại những ghi chép hàng ngày của ông. Giáo sư nói:

- Trước hết chú muốn tính toán xem chính xác chúng ta đang ở vị trí nào giữa lòng đất, để sau này khi trở về có thể vẽ sơ đồ cuộc hành trình và mặt cắt đứng của trái đất trình bày con đường mà đoàn thám hiểm đã đi qua.

- Chú quá cẩn thận, nhưng liệu quan sát của chú có đủ chính xác không?

- Rất chính xác! Chú đã cẩn thận ghi chép những độ ngoặt, độ dốc và tin rằng mình không thể nhầm lẫn được, hãy kiểm tra xem chúng ta đang ở đâu. Axel, cháu cầm lấy địa bàn xem có chỉ hướng nào.

Tôi mở địa bàn ra, quan sát kỹ rồi đáp:

- Đông đông nam, một phần tư!

Giáo sư ghi ngay số liệu quan sát ấy và nhanh chóng tính toán.

- Khá lắm, - giáo sư nói – theo tính toán có thể kết luận chúng ta đã đi được tám mươi lăm dặm kể từ điểm xuất phát.

- Như vậy chúng ta đang du lịch ở bên dưới đáy Đại Tây Dương...

- Hoàn toàn đúng như vậy!

- Chúng ta đang ở cách chân núi Sneffels tám mươi tám dặm về phía đông nam và theo những ghi chép vừa rồi ước tính mười sáu dặm sâu dưới lòng đất.

- Sâu đến mười sáu dặm à? – tôi kinh ngạc kêu lên.

- Đúng thế, Axel ạ!

- Nhưng thưa chú, đây chính là giới hạn tốt cùng của vỏ trái đất mà khoa học đã phân định.

- Chú có phủ nhận điều ấy đâu?

- Theo quy luật tăng nhiệt độ thì ở đây nhiệt độ phải là một ngàn năm trăm độ. Và tất cả đá hoa cương ở đây sẽ không còn giữ nguyên thể rắn mà phải ở trong trạng thái nóng chảy mới đúng chứ?

- Cháu thấy đấy, sự việc lại hoàn toàn không diễn biến như thế. Tự nó đã bác bỏ những lý thuyết một cách rất tự nhiên.

- Cháu vẫn thấy khó hiểu quá!

- Thế nhiệt kế chỉ bao nhiêu độ?

- Hai mươi bảy độ sáu phần mười!

- Theo các nhà bác học, đúng lý ra còn thiếu một ngàn bốn trăm bảy mươi tư độ bốn phần mười nữa. Như vậy, sự tăng nhiệt độ theo tỷ lệ là sai, nhà bác học Humphrey Davy có lý và hành động theo ý kiến của ông ta chú cũng hoàn toàn đúng! Thế nào Axel, cháu có ý kiến gì nữa không?

- Thưa chú, không ạ.

Thực tế, tôi còn rất nhiều điều muốn nói. Tôi không công nhận một tí nào lý thuyết của ông Davy và vẫn giữ ý kiến về sự tồn tại một nhiệt độ ở trung tâm trái đất mặc dù đến giờ phút này tôi vẫn chưa thấy nóng mấy. Tôi cho rằng vách ống núi lửa đã tắt này do được bao phủ một lớp dung nham chịu lửa nên cũng không truyền nhiệt ra ngoài.

- Thưa chú, - tôi nói – theo cháu nếu những tính toán của chú là chính xác, nó sẽ dẫn đến một hậu quả nghiêm trọng trái với những dự định của chúng ta. Ở địa điểm chúng ta đang đứng đây, dưới vĩ độ Iceland, bán kính của trái đất khoảng một ngàn năm trăm tám mươi ba dặm.

- Chính xác là một ngàn năm trăm sáu mươi ba dặm một phần ba.

- Như vậy chúng ta chỉ mới vượt được mười hai dặm. Và để xuống sâu được như thế chúng ta phải đi mất tám mươi lăm dặm theo đường chéo. Và phải mất gần hai mươi ngày.

- Hoàn toàn đúng.

- Cứ tiếp tục theo kiểu này, chúng ta sẽ phải đi mất hai ngàn ngày hay là gần năm năm rưỡi mới đến nơi.

Giáo sư lặng yên không đáp.

- Cứ xuống sâu mười sáu dặm phải mất tám dặm đi ngang, do vậy ta phải đi bộ tám ngàn dặm theo hướng đông nam, sẽ đến lúc đáng lẽ tới trung tâm trái đất chúng ta lại chui ra khỏi ở một điểm nào đó!

- Thôi, đủ rồi! – giáo sư nổi cáu quát – Bỏ hết những tính toán và giả thuyết ấy đi! Cháu dựa trên cơ sở nào mà đặt giả thuyết vậy? Ai nói với cháu là cái hành lang này không dẫn thẳng tới đích? Vả lại, điều chú đang thực hiện ở đây một

người khác cũng đã làm rồi! Con người ấy đã đi đến nơi, đến lượt chú, chú cũng sẽ đi đến nơi!

Tôi thấy giáo sư đang nổi cơn nóng giận, nên tốt nhất cứ nhịn cho yên chuyện.

- Cầm lấy áp kế xem nó chỉ ra sao? – chú tôi nói tiếp.

- Thừa chú, áp suất cao lắm.

- Được. Cháu thấy đấy, do xuống từ từ, chúng ta quen dần với độ đậm đặc của khí quyển nên không bị sao cả.

- Đúng, chỉ hơi đau tai thôi!

- Không sao hết! Cháu cứ để cho không khí bên ngoài tiếp xúc nhanh chóng với không khí chứa trong phổi sẽ hết đau ngay!

- Đúng quá! – tôi vội đáp – Chú có nhận thấy trong môi trường này âm thanh truyền đi vang và rõ hơn nhiều không?

- Ừ, đúng đấy! Ở đây, ngay cả người điếc cũng nghe rõ được!

- Không còn nghi ngờ gì nữa, sự đậm đặc này ngày càng tăng!

- Phải, theo một định luật chưa được xác định lắm, chúng ta càng xuống sâu trọng lực càng giảm. Chắc cháu cũng thừa biết, ngay trên mặt đất tác dụng của trọng lực đối với mọi vật là mạnh nhất và ở tâm trái đất mọi vật không còn sức nặng nữa.

- Nhưng liệu cái không khí này có thể đi tới chỗ đậm đặc như nước được không ạ?

- Có thể lắm chứ, nếu dưới áp suất khoảng bảy trăm mười atmosphere.

- Nếu xuống sâu nữa thì sao?

- Sâu nữa, độ đậm đặc của không khí lại càng tăng.

- Thế thì ta xuống làm sao được?

- Ta sẽ lấy đá nhét đầy các túi!

Thú thật tôi không dám đi xa hơn nữa vào những giả thuyết vì tôi biết cuối cùng sẽ chẳng giải quyết được vấn đề gì mà còn làm cho chú tôi nổi giận. Vả lại, dưới một áp suất lớn như vậy, không khí sẽ chuyển sang thể rắn. Đến lúc ấy, dù cơ thể vẫn chịu đựng được thì chúng tôi cũng không thể nào tiến lên.

Tôi không muốn đề cập tới luận cứ ấy vì hễ cứ mỗi lần nói đến là giáo sư lại đưa ông Saknussem ra để đáp lại tôi. Nhưng tôi cũng thắc mắc chẳng biết là hồi thời Arne Saknussem còn sống, người ta chưa chế tạo được phong vũ biểu, vậy làm sao ông biết được là đã xuống tới trung tâm trái đất? Cái lý lẽ bác bỏ cuộc thám hiểm của nhà bác học người Iceland ấy, tôi vẫn giữ kín và chờ đợi sự việc trả lời.

Cho đến hết ngày, tôi và giáo sư Lidenbrock say sưa tính toán và trò chuyện. Tôi vẫn chiều theo ý kiến của giáo sư và cảm thấy thèm muốn thái độ dửng dưng của Hans.

Chương 10

Lạc lối

Sáng thứ hai, chúng tôi lại tiếp tục cuộc hành trình. Phải thú thật cho đến nay, mọi việc đều suông sẻ. Nếu những khó khăn gặp phải trên đường không tăng lên có lẽ chúng tôi cũng đã tới đích rồi! Không hiểu sao bỗng nhiên tôi đâm ra lý sự như vậy? Phải chăng do cái môi trường kỳ lạ tôi đang sống khiến tôi tư duy theo kiểu của chú tôi?

Mấy ngày liền đường đi dốc nhiều, ở vài đoạn dốc đứng một cách đáng sợ đưa chúng tôi đi sâu vào đến hai dặm. Gặp những đoạn dốc cheo leo nguy hiểm Hans luôn tỏ ra tháo vát, bình tĩnh đến tuyệt vời và đã giúp chúng tôi rất nhiều. Chính nhờ có anh chàng tận tụy này, đoàn thám hiểm đã qua khỏi nhiều bước hiểm nghèo.

Hans vốn trầm lặng nay càng trầm lặng hơn, tôi nghĩ tính khí ấy đã lây sang cả hai chúng tôi. Ngoại cảnh có một tác động thật sự lên trí não, ai bị giam hãm lâu giữa bốn bức tường có thể sẽ đi tới chỗ mất khả năng tập hợp những ý nghĩ và lời nói.

Suốt hai tuần, sau buổi trò chuyện giữa hai chú cháu hôm ấy, không xảy ra chuyện gì đáng kể. Sau đó một sự cố cực kỳ nghiêm trọng khiến tôi không bao giờ quên được.

Ngày 7 tháng 8, đoàn thám hiểm xuống sâu ba mươi dặm. Lúc này chúng tôi đã ở cách Iceland hai trăm dặm.

Ngày hôm ấy đường hầm theo mặt phẳng không dốc lắm. Tôi dẫn đầu đoàn thám hiểm, vừa soi đèn vừa quan sát những lớp đá hoa cương. Bất chợt quay đầu lại, tôi bỗng thấy đang đi một mình.

Tôi thầm nghĩ, tại mình đi nhanh quá hay do giáo sư và Hans đã dừng lại trên đường? Đành phải quay lại tìm họ. Cũng may đường đi không đến nỗi dốc lắm!

Tôi liền quay trở lại, đi đến khoảng mười lăm phút mà vẫn không thấy ai. Tôi gọi thật to nhưng cũng không nghe ai đáp lại. Tiếng gọi của tôi bỗng vang lên để rồi chìm ngấm giữa những tiếng vọng của đường hầm.

Tôi bắt đầu thấy lo lắng. Toàn thân tôi bỗng run lên vì sợ hãi!

- Phải bình tĩnh! – tôi hét thật to – Nhất định mình sẽ tìm lại được mọi người. Nơi đây chỉ có một con đường duy nhất, làm gì mà phải lo! Lúc này mình tiến bước, thì bây giờ quay lui, chứ có gì đâu?

Tôi leo ngược trở lại nửa giờ, rồi dừng lại lắng tai nghe xem có ai gọi không, trong khí quyển đậm đặc này âm thanh sẽ vang rất xa! Nhưng trong đường hầm sâu hun hút vẫn hoàn toàn yên lặng, một sự yên lặng đến lạ lùng! Tôi tin là mình không bị bỏ rơi, chỉ bị lạc mà thôi! Mà bị lạc thì thế nào cũng tìm lại được mọi người.

- Đường hầm này là độc đạo, giáo sư và Hans đi theo con đường này, chỉ cần đi sâu thêm một đoạn nữa mình sẽ gặp lại họ. - tôi tự nhủ thầm – Có khi họ lại

quên là mình đang dẫn đầu đoàn thám hiểm, nên quay trở lại tìm mình! Nếu thật như vậy chỉ cần rảo bước là mình cũng sẽ đuổi kịp họ.

Bất chợt tôi lại thấy nghi ngờ, không hiểu có đúng là mình đi đầu không? Dĩ nhiên là đúng vì Hans đi ngay sau tôi, tiếp sau là giáo sư. Tôi nhớ anh có dừng lại mấy giây để buộc lại hành lý mang trên vai trong khi tôi vẫn tiến tới trước!

Vả lại, - tôi thầm nghĩ – mình có một người dẫn đường chắc chắn nhất đó là dòng suối Hans. Chỉ việc đi ngược dòng, nhất định mình sẽ tìm được lại dấu vết của họ.

Lập luận ấy khiến tôi tỉnh táo ra và quyết định tiếp tục bước không để mất một giây phút nào.

Tôi hết sức khâm phục chú tôi đã nhìn xa khi ngăn không để Hans nút cái lỗ ở vách đá hoa cương! Dòng suối trong lành đã giúp tôi giải khát trên đường và giờ đây sẽ dẫn tôi đi xuyên qua những góc ngách của vỏ trái đất.

Trước khi đi ngược lại, tôi định tắm một chút cho mát. Tôi cúi xuống định vục đầu vào suối Hans. Nhưng vô cùng kinh ngạc vì chân tôi đang giẫm trên một nền đá hoa cương ráp và khô. Dòng suối không còn chảy dưới chân tôi nữa!

Tôi không tài nào tả nổi nỗi thất vọng đang tràn ngập trong lòng. Thế là tôi đã bị chôn sống với viễn cảnh chết dần chết mòn vì đói và khát!

Đôi bàn tay nóng bỏng của tôi sờ soạng trên nền hang. Ôi, sao khối đá này lại khô đến như vậy? Làm thế nào mình lại có thể rời xa dòng suối ấy được? Tôi bỗng chợt hiểu ra nguyên do của sự yên ắng lạ lùng lúc này! Như vậy, ngay từ lúc đặt bước chân đầu tiên vào con đường hầm này tôi đã không nhận ra sự vắng mặt của dòng nước chảy dưới chân. Rõ ràng ở chỗ rẽ hai của đường hầm, dòng suối Hans đã xuôi theo con dốc của nhánh kia cùng với các bạn đường của tôi vào nơi sâu thẳm xa lạ rồi!

Làm sao quay trở lại bây giờ? Lăn theo dấu vết ư? Chân tôi không để lại một dấu vết nào trên đá hoa cương. Tôi suy nghĩ nát óc cố tìm một giải pháp cho vấn đề nan giải ấy. Tôi đang ở trong hoàn cảnh bị bỏ rơi ở một độ sâu vô tận. Ba mươi dặm dưới đất đá của vỏ trái đất như nén lên vai tôi, như đè nát cơ thể tôi. Tôi gắng nhớ lại những gì thân thuộc ở trên mặt đất. Cố lắm tôi mới hình dung ra thành phố Hambourg, ngôi nhà ở đường Konigstrasse, cô bé Grauben đáng thương... Tất cả những ký ức ấy lướt nhanh qua ký ức hoảng hốt của tôi. Trong một ảo giác dữ dội, tôi bỗng gặp lại những việc xảy ra trên đường, chuyến vượt biển, đảo Iceland, ông Fridrikson, núi Sneffels... Tôi nhủ thầm, trong tình trạng này mà cứ ôm lấy mỗi hy vọng hão huyền thì thật điên rồ. Tốt hơn hết cứ buông mình trong thất vọng!

Ai có thể đưa tôi về gặp lại các bạn đường? Sức mạnh nào của con người có thể tách những vòm đá khổng lồ trên đầu tôi, để lôi tôi lên mặt đất?

Khi thấy không còn ai có thể cứu vớt được mình, tôi cố dồn hết trí tuệ để suy

xét hoàn cảnh hiện giờ.

Bình nước còn đầy, túi lương thực đủ ăn trong ba ngày, tuy vậy không thể ở lâu hơn nữa trong tình trạng đơn độc như thế này, ngay lập tức tôi phải quyết định nên đi lên hay đi xuống! Rõ ràng phải đi lên rồi! Phải quay trở lại điểm rẽ hai của đường hầm, nơi tôi đã bỏ rơi dòng suối. Khi có dòng suối chảy dưới chân, tôi có thể quay lên quay trở lên đỉnh Sneffels. Tại sao mình lại không sớm nghĩ tới điều ấy nhỉ? Rõ ràng đó là một lối thoát. Phải nhanh chóng tìm lại dòng suối Hans! Tôi đứng bật dậy, chống gậy sắt và leo ngược lên. Tuy đường lên cũng khá dốc, nhưng tôi bước đi không chút bối rối, lòng chứa chan hi vọng.

Suốt nửa giờ, không một vật nào ngăn bước tôi đi. Tôi cố nhớ lại con đường đã qua, căn cứ vào hình dạng của đường hầm của những bờ đá, vào cách bố trí của những hốc ngoằn ngoèo, nhưng không nhận ra một dấu vết đặc biệt nào cả! Cuối cùng, tôi bỗng đâm sầm vào một bức tường đá và ngã vật xuống. Tôi chợt hiểu rằng hành lang này không dẫn tới lối rẽ hai mà chỉ là một đường hầm không lối thoát.

Thật là kinh khủng và thất vọng! Niềm hy vọng cuối cùng vừa mới va vào bức tường đá hoa cương này vỡ tan tành rồi! Làm thế nào có thể thoát khỏi đường hầm này? Mình sẽ chết một cái chết khủng khiếp nhất! Bỗng một ý nghĩ kỳ quặc chợt đến với tôi là cơ thể tôi sẽ hóa đá. Một ngày nào đó, nó sẽ được tìm thấy dưới sâu ba mươi dặm trong lòng đất này, lúc ấy chắc sẽ dấy lên một làn sóng thắc mắc nghiêm trọng về khoa học!

Tôi muốn hét thật lớn, nhưng chỉ có vài ba tiếng khàn khàn lọt qua đôi môi khô nứt. Giữa những nỗi kinh hoàng ấy, một nỗi khiếp sợ mới bỗng ập đến: đèn bị hỏng vì rơi xuống nền đá, mà tôi thì chẳng có cách nào sửa được! Ánh sáng đang lui dần và sắp tắt hẳn!

Tôi nhìn dòng ánh sáng yếu dần đi trong ruột gà của máy phát điện. Bóng tối bắt đầu trùm lên hang đá. Cuối cùng, ánh sáng tàn của ngọn đèn bỗng chập chờn. Tôi cố hết sức nhìn chăm chăm vào điểm sáng leo lét ấy như cố vớt vát một cảm giác cuối cùng về ánh sáng.

Tôi cuống cuống đứng bật dậy, đưa hai tay về phía trước sờ soạng, rồi chạy như điên như dại không biết bao lâu và không biết sẽ đến đâu? Có lẽ do kiệt sức tôi ngã vật xuống ngất đi dọc vách hầm.

Khi hồi tỉnh lại, mặt tôi đầm đìa nước mắt. Tôi không còn một phương tiện nào để xem thời gian nên không hiểu mình ở trong tình trạng mất cảm giác đã bao lâu? Tôi chưa từng bị đơn độc như thế này bao giờ?

Bỗng một tiếng động dữ dội đập vào vai tôi. Tiếng động ấy rền vang như tiếng sấm và mất hút dần ở nơi sâu thẳm xa xôi của đường hầm.

Tiếng động này từ đâu vọng đến? Phải chăng do một hiện tượng nào đó xảy ra trong lòng trái đất: do một vụ nổ khí đốt hay do một tầng đất đá sụt lở?

Tôi lắng nghe xem tiếng động ấy có vắng lại lần nữa không, nhưng mười lăm phút trôi qua, ngoài tiếng đập của trái tim, hành lang tối om này vẫn im lặng. Bỗng vô tình áp má sát vách đá, tôi bắt gặp những lời nói loáng thoáng rất xa. Tôi giật thót mình. Đầu tiên tôi cho rằng chỉ là ảo giác nhưng đến khi nín thở, lắng nghe, tôi xác định đúng có tiếng người đang nói. Nhưng do đuổi sức quá tôi không phân biệt được!

Dấn thêm mấy bước nữa men theo vách, tôi nhận thấy âm thanh vắng đến có vẻ to và rõ hơn. Trong những lời như thầm thì ấy, từ ngữ “Jorlorad” được nhắc đi nhắc lại bằng giọng rất đau thương. Đúng là giáo sư và Hans đang nói chuyện với nhau! Còn ai ở độ sâu ba mươi dặm dưới lòng đất này nữa nếu không phải là họ! Tôi bèn hét lên:

- Cứu tôi với! Cứu tôi với!

Tôi tin rằng thế nào họ cũng nghe thấy tiếng tôi gọi và đáp lại.

Bỗng tôi nghe thấy giáo sư gọi tôi, đúng tiếng của giáo sư. Tôi chợt hiểu là giáo sư cùng Hans đang tìm tôi, đang nói chuyện với nhau về tôi, và bức tường đá hoa cương này có tác dụng truyền âm đi rất xa. Phải nhanh chóng kéo họ lại, rồi xa bức vách này thì nguy to! Tôi bèn áp sát vách đá và gọi thật to:

- Chú Lidenbrock!

Gọi xong tôi hồi hộp ngóng chờ tiếng giáo sư trả lời.

Sao âm thanh lại có thể truyền đi chậm chạp như vậy nhỉ? Độ đậm đặc của những lớp khí chỉ làm tăng cường độ chứ không làm tăng vận tốc của âm thanh! Cuối cùng những lời nói sau đây vắng đến tai tôi:

- Axel! Phải cháu đấy không?

.....

- Cháu đây! Cháu đây! – tôi hớn hở.

.....

- Cháu đang ở đâu vậy?

.....

- Ở giữa bóng đêm dày đặc!

.....

- Đèn của cháu đâu rồi?

.....

- Bị hư mất rồi!

.....

- Thế còn dòng suối Hans?

.....

- Không còn nữa!

.....

- Axel! Hãy can đảm lên!

.....

- Chú Lidenbrock! Đợi cháu một lát. Cháu mệt quá rồi, không còn hơi để trả lời nữa nhưng chú cứ nói đi nhé!

.....

- Dừng cảm lên! – giáo sư nói – Cháu hãy nghe chú đây. Chú và Hans đã đi tìm cháu nhưng không sao gặp được. Cuối cùng cho rằng cháu vẫn xuôi dòng suối Hans, chú vừa lặn xuống theo dòng nước vừa nổ súng. Hiện giờ chúng ta nói chuyện được với nhau, hoàn toàn nhờ tác dụng của sự truyền âm. Chúng ta chưa nắm được tay nhau song đừng chán nản cháu ạ. Nghe được lời nói của nhau là mừng rồi!

.....

Trong khi ấy, tôi suy nghĩ và lờ mờ thấy hé ra một chút hy vọng. Nhưng có một điều quan trọng tôi muốn biết ngay, tôi bèn kể môi sát vách và nói:

- Chú ơi!

.....

- Gì vậy hả?

.....

- Trước hết phải xem chúng ta ở cách nhau bao xa?

.....

- Dễ thôi, Axel ạ.

.....

- Chú vẫn còn giữ cái đồng hồ chứ?

.....

- Còn.

.....

- Thế này nhé, chú gọi tên cháu và ghi ngay lúc ấy. Cháu sẽ trả lời. Đúng lúc lời cháu đáp đến tai chú, chú sẽ nhìn đồng hồ và ghi lại thật chính xác.

.....

- Hiểu rồi. Một nửa thời gian tức là thời gian mà âm thanh cần thiết để đi từ chỗ chú đang đứng tới chỗ cháu phải không?

.....

- Đúng vậy!

.....

- Cháu đã sẵn sàng chưa?

.....

- Dạ rồi ạ.

.....

Tôi áp sát tai vào vách đường hầm. Vừa lúc nghe tiếng giáo sư kêu tên tôi, tôi liền đáp lại ngay hai tiếng “Axel” rồi chờ đợi.

.....
- Một dặm rưỡi à?

.....
- Quảng đường ấy dễ vượt thôi!

.....
- Nhưng phải đi lên hay đi xuống?

.....
- Đi xuống! Cháu nhất định phải tới được một khoảng rộng nơi có rất nhiều hành lang đổ vào. Đường hầm cháu theo nhất định cũng phải đến đây vì hình như tất cả những khe nứt, những nếp gãy của trái đất đều tỏa ra từ cái hang rộng mênh mông này. Cháu hãy đứng dậy và lên đường ngay! Nhất định cuối cùng cháu sẽ tìm thấy chú, chú đang chờ cháu. Đi ngay đi Axel!

.....
Những lời nói ấy khiến tôi tỉnh táo ra.

- Chú ơi, vĩnh biệt chú nhé. – tôi kêu lên – Cháu đi đây. Khi đã rời xa chỗ này chúng ta sẽ không liên lạc được với nhau nữa đâu! Vĩnh biệt chú Lidenbrock!

.....
- Axel, tạm biệt nhé!

.....
Đó là những lời cuối cùng mà tôi nghe thấy. Những lời nói chứa chan hy vọng ấy chấm dứt cuộc trò chuyện kỳ dị giữa tôi và giáo sư Lidenbrock.

Hiện tượng truyền âm kỳ lạ này, theo những định luật vật lý, là do hình dạng của hành lang và do tính dẫn âm của đá. Tiếng nói của giáo sư đã văng đến tận chỗ tôi có nghĩa trên quảng đường hơn một dặm rưỡi âm thanh không gặp một vật cản nào và nếu tôi còn đủ sức lần theo con đường ấy tất nhiên sẽ gặp được chú tôi.

Tôi đứng dậy, lết đi rồi thả mình trượt trên con đường khá dốc không tài nào ghìm lại được. Bất ngờ, tôi bị hẫng chân lộn nhào xuống một đường hầm dốc đứng, và va đầu vào đá ngất đi.

Khi tỉnh lại, tôi thấy mình đang nằm trên một đồng chăn dày. Xung quanh bóng tối mờ mờ. Giáo sư Lidenbrock đang từng bước theo dõi sự sống hiện dần trên gương mặt tái nhợt của tôi. Khi tôi thở dài, ông liền nắm lấy tay tôi, thấy tôi hé mắt ông reo lên xung sướng:

- A! Sống rồi! Cháu tôi sống rồi!

- Chú ơi! – tôi đáp lại yếu ớt.

Giáo sư ôm tôi vào lòng, xúc động nói:

- Sống rồi! Axel của chú sống lại rồi!

Trước những lời nói và cử chỉ ấy của chú tôi, tôi cảm động quá. Phải trải qua những thử thách như thế nào mới khiến ông ấy bộc lộ những tình cảm như vậy.

Hans bước vào, thấy thế anh tỏ vẻ rất hài lòng:

- God dag! – anh chào.

- God dag! – tôi khẽ nói – Chào Hans!

Tôi quay sang hỏi giáo sư đoàn thám hiểm hiện đang ở đâu? Hôm nay là ngày thứ mấy? Đã mấy giờ rồi?

Giáo sư cho biết hôm nay là chủ nhật ngày 9 tháng 8 và bây giờ là chín giờ tối! Như vậy tôi đã bị bỏ rơi gần bốn ngày trong mê cung! Ông không nói rõ địa điểm mà chỉ khuyên tôi nên nghỉ ngơi cho lại sức. Mắt tôi bỗng dưng híp lại. Tôi ngủ thiếp đi không còn biết trời đất gì nữa.

Chương 11

Một trăm dặm dưới mặt đất

Sáng hôm sau thức dậy, tôi đảo mắt nhìn quanh. Chỗ nằm của tôi được lót bằng tất cả chăn của đoàn thám hiểm. Tôi đang ở trong một cái hang tuyệt đẹp với nền cát mịn, nhũ đá trắng lệt. Trong hang tuy không có đèn nhưng được chiếu sáng bằng những ánh sáng kỳ lạ bên ngoài rọi vào qua khe hẹp ở cửa hang. Ngoài kia hình như có tiếng rì rào của gió hay của sóng vỗ lên bãi cát?

Tôi không hiểu mình đang tỉnh hay mơ? Dù sao sự thật quá rõ ràng, tai tôi không thể nghe lầm, mắt tôi không thể nhìn lộn. Ánh sáng lọt qua khe đá, chiếu vào đây là ánh sáng ban ngày. Tiếng vi vu kia là tiếng gió thổi nhẹ. Tiếng rì rào ấy là tiếng sóng vỗ bờ. Phải chăng cuộc thám hiểm đã kết thúc tốt đẹp và chúng tôi đã quay trở lại mặt đất?

Tôi đang loay hoay với những câu hỏi không giải đáp được thì giáo sư bước vào.

- Chào Axel! – giáo sư vui vẻ nói – Chú đoán chắc là cháu đã bình phục!

- Thưa chú, cháu khỏe rồi ạ! – nhồm người dậy, tôi nói.

- Ừ, cháu ngủ ngon quá! Chú và Hans đã thay phiên nhau thức trông nom cháu. Sức khỏe của cháu hồi phục lại trông thấy!

- Phải, cháu thấy trong người đã hoàn toàn khỏe mạnh. Thưa chú, cháu sẵn sàng ăn sáng ngay bây giờ!

- À, thế là cháu đã hết sốt rồi đấy. Cháu muốn ăn hả? Hans đã dùng một thứ thuốc mỡ bí truyền của người Iceland bôi vào vết thương cho cháu. Vết thương lành ngay! Được một người như anh chàng thợ săn này cũng rất đáng tự hào!

Vừa nói giáo sư vừa chuẩn bị bữa ăn cho tôi. Tôi ăn ngấu nghiến. Trong khi ăn, tôi cứ hỏi tới tấp khiến ông không kịp trả lời.

Tôi được biết cái ngã “may mắn” đã hất tôi xuống một đường hầm gần như thẳng đứng. Cuộc di chuyển kinh khủng ấy đã ném tôi vào tay giáo sư, bất tỉnh và máu me đầy người.

- Axel này, - giáo sư nói – bị một tai nạn như vậy mà không ảnh hưởng gì đến tính mạng, chú cũng thấy lạ! Nhưng từ nay chúng ta không nên rời nhau kéo có ngày không còn nhìn thấy nhau nữa đâu!

“Chúng ta không nên rời nhau!”. Như vậy cuộc hành trình chưa kết thúc? Thấy tôi tròn mắt ngạc nhiên, chú tôi hỏi:

- Sao vậy, Axel?

- Chúng ta không phải đang ở trên mặt đất sao?

- Không!

- Ô! Không lẽ cháu bị điên vì cháu thấy ánh sáng mặt trời, cháu nghe tiếng gió thổi và cả tiếng sóng vỗ nữa.

- Chú sẽ không giải thích gì hết vì đó là điều không thể giải thích nổi. Nhưng cháu sẽ được nhìn thấy tận mắt và tự hiểu là có những điều mà khoa học địa chất chưa khám phá hết!

- Chúng ta ra ngoài kia đi! – tôi bỗng đứng bật dậy và nói.

- Khoan đã, Axel! Không khí ngoài trời có thể làm cháu bệnh đấy!

- Không khí ngoài trời?

- Phải. Gió thổi khá mạnh mà cháu vẫn còn yếu nên chú không muốn...

- Nhưng cháu khỏe hẳn rồi mà!

- Axel, đừng nóng ruột! Nếu cháu bệnh lại bây giờ thì rắc rối lắm. Không nên để mất thời gian vì chuyến vượt biển sắp tới có thể dài ngày đấy.

- Chúng ta sẽ vượt biển?

- Phải. Cháu hãy nghỉ ngơi hết ngày hôm nay. Ngày mai chúng ta sẽ xuống tàu!

- Xuống tàu? – tôi kinh ngạc kêu lên.

Vậy là sao? Sẽ xuống tàu! Sẽ vượt biển! Tính tò mò của tôi bị kích thích đến cao độ! Giáo sư Lidenbrock thấy không thể ngăn giữ tôi được nữa đành chiều theo ý tôi. Tôi vội vàng mặc quần áo và cẩn thận khoác thêm một cái chăn, rồi bước ra khỏi hang.

Thoạt đầu tôi chẳng trông thấy gì cả. Mắt tôi đã quen với bóng tối nên bỗng nhắm tít lại. Khi mở được mắt ra, tôi không khỏi kêu lên vì quá đỗi sùng sốt:

- Biển!

- Phải! – giáo sư đáp – Biển Lidenbrock đấy! Chắc chắn không một nhà hàng hải nào tranh chấp với chú về niềm vinh dự đã khám phá ra cái biển ngầm này và về quyền lấy tên mình đặt cho biển!

Một làn nước rộng trải ra mênh mông quá tầm mắt. Từng đợt sóng theo nhau xô lên bãi cát vàng mịn rải rác những vỏ ốc vỏ sò. Tiếng sóng vỗ bờ rì rào âm vang. Bọt sóng nhẹ tung bay theo gió phả vào mặt tôi. Trên bãi thoai thoải này, ở cách mép sóng một khoảng là chân những rặng núi sừng sững, cao vút, với những cạnh đá như xé toạc bờ biển, đâm ra khơi thành những mũi đất. Xa xa, khối núi đá kéo dài in hình trên nền chân trời mù sương.

Đây quả thật là một đại dương với đường nét bờ biển thất thường hệt như ở những biển trên mặt đất, nhưng vắng vẻ và hoang dã một cách kinh khủng.

Sở dĩ tôi có thể phóng tầm mắt ra tới ngoài khơi vì mọi chi tiết trên biển đều

được soi tỏ bằng thứ ánh sáng đặc biệt, không phải ánh sáng mặt trời với những tia nắng huy hoàng rực rỡ, cũng chẳng phải là ánh sáng lạnh lẽo, nhợt nhạt và mờ ảo của mặt trăng. Khả năng chiếu sáng, sự khuyếch tán, sắc sáng trắng và khô, sự tăng nhiệt độ... tất cả chứng tỏ ánh sáng này thuần túy do điện mà ra.

Vòm đá hoa cương treo trên đầu tôi giống hệt một bầu trời với những đám mây óng ánh đổi màu chuyển động. Tôi cứ ngỡ dưới một áp suất lớn như vậy của khí quyển, nước không thể bay hơi được, nhưng do một lý do nào đó trên cao lại dày đặc những đám mây lớn. Tuy vậy, đây vẫn không phải là mặt trời nên ánh sáng không nóng, hơn nữa còn gây một ấn tượng hết sức u sầu và ảm đạm! Ở trên những đám mây đáng lẽ phải là một bầu trời sao lấp lánh lại thấy một vòm đá hoa cương đang dồn hết sức nặng lên người tôi và cả khoảng không gian dù bao la thế nào chẳng nữa ấy, cũng không thể đủ chỗ cho một vẻ tinh khiết tột nhất du hành!

Như vậy chúng tôi bị giam trong một cái hang rộng đến nỗi không thể ước lượng được diện tích. Từ “hang” và cả những từ khác trong tiếng nói của loài người cũng không đủ ý để miêu tả cái nơi rộng mênh mông này. Tôi cũng không biết nên dùng hiện tượng địa chất nào để giải thích sự tồn tại của một chỗ như vậy. Phải chăng do trái đất khi nguội lạnh đã tạo thành? Tôi đã từng được nghe các nhà du lịch kể về những cái hang nổi tiếng song không có một nơi nào có kích thước như vậy. Trí tưởng tượng của tôi hoàn toàn bất lực trước khoảng rộng bao la ấy!

Tôi đứng lặng ngẫm tất cả những kỳ quan này mà tưởng như đang ở một hành tinh nào đó rất xa lạ với con người. Không tài nào tưởng tượng nổi, tôi ngẫm nhìn, ngẫm nghĩ chiêm ngưỡng mà trong lòng thấy sùng sốt và kinh hãi!

Điều này cũng dễ hiểu, vì sau bốn mươi bảy ngày bị cầm tù trong một đường hầm chật hẹp, nay được hít thở cái không khí ẩm và mặn của biển, còn gì vui sướng hơn!

- Thế nào Axel, - giáo sư hỏi tôi – liệu cháu có đủ sức đi dạo một chút không?

- Cháu đi được, - tôi đáp – mình đi một vòng cho thoải mái, chú ạ!

- Cháu hãy vịn vào tay chú, chúng ta sẽ đi dọc theo bờ biển.

Chúng tôi bắt đầu đi dọc theo bờ đại dương mới này. Ở bên trái, những núi đá dốc đứng chồng chất lên nhau tạo thành một khối khổng lồ. Từ trên triền núi có vô số những thác nước ào ào đổ xuống. Ở một vài nơi, những làn hơi nước nhẹ tỏa lên từ những suối nước nóng. Trong những dòng suối ấy, tôi nhận ra cả dòng suối Hans đang bình thản xuôi ra biển.

Tôi chợt chú ý tới một cảnh bất ngờ. Chúng tôi đi được khoảng năm trăm bước thì trước mắt bỗng hiện ra một rừng cây cao rậm rạp. Cây rừng không lớn lắm. Tàn cây được xén ngọn, cân đối và tròn trĩnh trông giống những chiếc dù. Nhưng kỳ lạ là gió thổi mạnh như vậy mà tán cây vẫn im phăng phắc như đã hóa đá!

Tôi không hề biết tên loại cây này. Có thể đây là một loại cây mà trên mặt đất

không có chẳng? Khi đi lại đến gần, tôi vừa ngạc nhiên vừa thích thú.

Giáo sư Lidenbrock gọi ngay tên chúng:

- À, đây chỉ là một rừng nấm!

Nhưng thực vật ở đây không phải chỉ có những loài nấm ấy mà xa xa, chúng tôi thấy rất nhiều loại cây cao lớn khác thường mọc thành từng nhóm.

- Thật kỳ dị, nhưng huy hoàng và tráng lệ! – chú tôi kêu lên – Đây chính là toàn bộ hệ thực vật của thời kỳ chuyển tiếp của thế giới. Cháu hãy chiêm ngưỡng đi. Không một nhà thực vật học nào gặp một dịp may hiếm có như vậy đâu!

- Hình như thượng đế muốn giữ trong cái nhà kính bao la này những loài cây trước thời hồng thủy.

- Nhà kính à? Nói đúng hơn thì đây cũng là một vườn thú!

- Sao chú lại nói vậy?

- À, cháu hãy nhìn kĩ đám cát bụi và những mảnh xương rải rác trên mặt đất kia xem!

- Trời! Xương của những động vật trước thời hồng thủy!

Tôi vội lao tới những tàn tích cổ đại, những cái xương khổng lồ đã hóa thạch trông giống những thân cây khô và kêu lên:

- Đây đúng là một vườn thú bởi những hài cốt này không phải do một tai biến vận chuyển đến đây mà thuộc những động vật đã từng sinh sống dưới bóng cây kì dị trên bờ biển ngầm này. Nhưng cháu không hiểu tại sao trong một cái hang đá hoa cương này lại có những động vật bốn chân ấy? Bởi vì đời sống động vật chỉ có trên trái đất ở thời kì thứ hai, khi đất trầm tích đã được hình thành do phù sa và đã thay thế các loại đá nóng sáng của thời kỳ nguyên thủy.

- Thắc mắc của cháu dễ giải đáp thôi. Sở dĩ có như vậy là vì mảnh đất này là đất trầm tích. Sự việc này có thể giải thích bằng địa chất học. Ở một thời kì nào đó, trái đất được bọc bởi một lớp đàn hồi, chịu tác dụng của những sự vận động lên xuống liên tục theo định luật hấp dẫn. Có thể xảy ra những sự lún sụt đất đai và một phần đất trầm tích đã bị cuốn xuống đáy những vực thăm bồng nứt ra ấy.

- Có thể như thế lắm. Nhưng nếu những quái vật trước thời hồng thủy đã từng sinh sống ở những vùng đất ngầm này biết đâu chẳng có một vài con đang lang thang trong những khu rừng âm u kia?

Tôi bỗng kinh hãi nhìn quanh khắp chân trời, nhưng không bắt gặp một quái vật nào trên bờ biển hoang vắng.

Cảm thấy mệt mỏi, tôi liền ngồi xuống một mỏm đá nhô ra biển và phóng mắt nhìn rộng ra khắp vịnh. Nơi đây, lọt thỏm giữa hai gò đá lớn, có một cảng nhỏ khuất gió, mặt nước phẳng lặng. Tôi mong nhìn thấy một con tàu nào đó đang xuôi theo gió, giông buồm ra khơi.

Nhưng ở cái thế giới ngầm dưới lòng đất này, chỉ có chúng tôi là những sinh vật

duy nhất. Đôi lúc lặng gió, một sự im lặng sâu lắng hơn ở những nơi hoang mạc trù lên những mô đá cần cỗi, nén xuống mặt đại dương. Tôi ra sức nhìn xuyên qua làn sương mù xa xa đang che kín chân trời bí hiểm. Trong đầu tôi bỗng ngổn ngang bao thắc mắc! Tận cùng của biển này là nơi nào? Sóng nước mênh mông kia dẫn tới đâu? Liệu ta có biết được không?

Sau một giờ ngắm nhìn cảnh huy hoàng ấy, chúng tôi quay gót trở về hang. Tôi thiếp đi trong một giấc ngủ say, chìm trong những ý nghĩ lạ thường nhất.

Ngày hôm sau, tôi thức dậy, hoàn toàn khỏe mạnh. Sau khi tắm trong nước biển, tôi trở về ăn sáng hết sức ngon miệng.

- Axel này, - giáo sư nói - hiện đang là giờ thủy triều lên, ta không nên bỏ lỡ dịp nghiên cứu hiện tượng này.

- Sao ạ? Ở biển ngầm cũng có thủy triều? Chẳng lẽ mặt trăng, mặt trời ảnh hưởng tới tận nơi đây?

- Đúng vậy! Tất cả các vật đều phải chịu chung lực hấp dẫn của thế giới! Do vậy, khối nước này không thể thoát khỏi cái quy luật chung ấy.

Chúng tôi đi trên bờ biển nhìn sóng nước đang lấn dần bãi cát.

- Sau những đợt sóng này, cháu sẽ thấy biển dâng lên đến hàng chục bộ.

- Cháu thật không tưởng tượng ra được trong vỏ trái đất lại có một đại dương với gió, bão và nước thủy triều!

- Đến bây giờ thì lý thuyết của ông Davy là chính đáng! Không thể phủ nhận được sự tồn tại của biển cả và những vùng đất ở bên trong trái đất.

- Thừa chú, biết đâu ở dưới biển này chẳng có những loài cá lạ! Ta có thể làm cần câu. Rồi xem ở dưới này cá có cần câu như ở biển trên mặt đất không?

- Cứ thử xem, Axel ạ! Ta cần phải tìm hiểu thật cặn kẽ mọi bí mật của những vùng đất mới này.

- Nhưng hiện giờ chúng ta đang ở đâu?

- Ở cách Iceland ba trăm năm mươi dặm theo đường chim bay.

- Thế chúng ta đã xuống được bao sâu?

- Ba mươi lăm dặm.

- Vậy bây giờ chú định thế nào? Liệu chúng ta có quay trở lại mặt đất không?

- Tại sao phải quay trở lại hả? Cho tới giờ phút này mọi việc vẫn trôi chảy cả, chúng ta không có lý do gì mà không tiếp tục lên đường!

- Theo chú thì đại dương này rộng khoảng bao nhiêu dặm?

- Khoảng ba, bốn mươi dặm. Vì vậy không nên để mất thời gian, ngay ngày mai chúng ta sẽ bắt đầu ra khơi.

- Chúng ta sẽ xuống tàu à? – nhìn quanh không thấy một cánh buồm nào, tôi bèn hỏi – Thừa chú, nhưng cháu có thấy chiếc tàu nào đâu?

- Có tàu thuyền gì đâu! Ta chỉ có một chiếc bè vững chắc và khá tốt.

- Một chiếc bè! – tôi kêu lên – Cháu chẳng trông thấy cái nào cả! Mà ở đây làm

sao đóng được bè chứ?

- Cháu hãy lắng tai nghe thử xem.

- Hans đang đóng bè à ?

- Phải.

- Anh ta đang đốn cây phải không?

- Không, cây được đốn sẵn rồi, cháu sẽ thấy anh chàng thợ săn làm việc thế nào.

Đi chừng mười lăm phút, tôi nhìn thấy Hans đang làm việc sau một tảng đá lớn. Tôi sững sốt trước một chiếc bè sắp hoàn thành đang nằm trên bãi cát. Gỗ đóng bè là một loại gỗ đặc biệt, nằm ngổn ngang đầy trên mặt đất đủ để đóng hàng trăm con tàu vượt đại dương.

- Thế nào cháu đã tin chưa?

- Đúng là không thể tưởng tượng nổi!

Đến chiều hôm sau, với đôi tay khéo léo, Hans đã đóng xong chiếc bè dài mười bộ, rộng năm bộ. Những cây xà bằng gỗ hóa thạch được kết chặt vào nhau bởi những sợi thừng to bền, tạo thành một mặt phẳng vững chắc. Tôi thấy nó sẽ trôi bình yên trên biển Lidenbrock.

Ngày 13 tháng 8, chúng tôi dậy rất sớm. Vì phải khánh thành phương tiện di chuyển mới này.

Toàn bộ trang bị của chiếc bè rất vững chắc gồm các cột buồm ghép bằng hai cây gỗ, một trục căng buồm, một cánh buồm bằng chần và rất nhiều thừng chèo. Hành lý, dụng cụ, đồ dùng, súng ống và một lượng lớn nước ngọt được chất lên bè. Đúng sáu giờ, giáo sư Lidenbrock ra lệnh khởi hành.

Hans đã làm một bánh lái để có thể điều khiển chiếc bè trên biển. Được lệnh, anh liền ngồi ngay vào bánh lái, tôi kéo neo lên, thế rồi buồm căng theo hướng gió đưa chúng tôi nhanh chóng ra khơi. Lúc rời bến, giáo sư Lidenbrock muốn đặt tên cho cái cảng nhỏ ấy, tôi liền đề nghị lấy tên Grauben, đó cũng là dịp nhớ đến cô gái xinh đẹp xứ Virland của tôi.

- Được! – giáo sư nói – Cảng Grauben, nghe cũng kêu!

Gió thổi từ hướng đông bắc đẩy chiếc bè của chúng tôi lướt đi khá nhanh. Những lớp không khí đậm đặc có một lực đẩy đáng kể, tác động lên buồm như một quạt máy mạnh. Sau một giờ, giáo sư đã nắm được vận tốc chuyển động.

- Nếu cứ tiếp tục với vận tốc như thế này, chúng sẽ đi được ít nhất ba mươi dặm một ngày, và chẳng mấy chốc sẽ thấy bờ bên kia.

Tôi lắng lắng ngồi xuống một chỗ trước mũi bè. Trước mắt tôi, biển trải ra mênh mông. Từng đám mây lớn bay, hắt bóng xám xịt xuống mặt nước buồn tẻ. Đó đây, những giọt nước đọng trên bè phản chiếu ánh điện, sáng long lanh như bạc. Chẳng mấy chốc không còn trông thấy đất liền đâu cả, chỉ có sóng biển nhấp nhô!

Hans vẫn ngồi im giữ bánh lái, để mặc cho gió đẩy mạng trôi trên biển.

Ngay từ khi rời cảng Grauben, giáo sư Lidenbrock đã giao cho tôi nhiệm vụ ghi nhật ký hành trình trên biển. Những ghi chép hằng ngày này đã kể lại một cách chính xác chuyến vượt biển kỳ lạ ấy.

Thứ sáu, 14 tháng 8. Gió tây bắc thổi đều. Bè trôi nhanh theo một đường thẳng. Không thấy gì ở chân trời. Cường độ ánh sáng không thay đổi. Trời đẹp, những đám mây bay ở trên cao. Hàn thử biểu chỉ 32 độ.

Buổi trưa Hans buộc lưới câu vào đầu một sợi dây, móc một miếng thịt nhỏ làm mồi, rồi ném xuống biển. Trong hai giờ liền không câu được con cá nào cả. Chúng tôi nghĩ rằng nơi đây không có cá. Bỗng thấy dây câu động đậy, Hans vội kéo lên và thấy một con cá đang giãy dụa ở đầu dây!

Giáo sư chăm chú nghiên cứu con cá một lúc rồi nói:

- Con cá này thuộc một giống cá sinh sống ở những biển nguyên thủy.

Hans lại móc mồi câu rồi thả xuống biển. Chỉ trong vòng hai giờ sau, chúng tôi câu được một đồng cá to. Những con cá này đã bổ sung rất nhiều cho lượng thức ăn dự phòng của chúng tôi.

Toàn bộ thế giới hóa thạch như sống lại trong óc tưởng tượng của tôi. Tôi nhớ lại những thời kỳ đầu của thế giới trước khi có loài người. Giấc mơ của tôi bay bổng vượt lên trước sự xuất hiện những sinh vật. Không hiểu cơn ác mộng này sẽ cuốn tôi đến đâu? Một ảo giác đang choán lấy tôi...

- Axel, cháu bị bệnh hả? – chú tôi hỏi – Coi chừng té xuống biển bây giờ!

- Không ạ. Cháu vừa bị ảo giác. – tôi trả lời khi chợt tỉnh – Giờ thì hết rồi! Mọi việc đều bình thường chứ hả chú?

- Ủ! Được cái biển đẹp, lại thuận buồm xuôi gió, mải đi nhanh lắm! Cứ đà này, chẳng mấy chốc ta sẽ tới bờ bên kia.

Chương 12

Tai họa khủng khiếp

Thứ bảy, 15 tháng tám. Cảnh biển vẫn giữ nguyên vẻ buồn tẻ, đơn điệu. Vẫn chưa thấy đất liền. Hình như đường chân trời cứ lùi ra mãi xa.

Giáo sư Lidenbrock có vẻ đang bức bối. Suốt ngày chỉ thấy ông đứng khoanh tay cúi kính, chốc chốc ông lại nâng kính viễn vọng lên nhìn về phía trước.

Thấy vậy, tôi bèn hỏi ông:

- Thưa chú, chú có vẻ lo lắng?

- Không, chú chỉ bức là không ngờ cái biển ngằm này lớn quá thôi.

Tôi chợt nhớ trước khi rời cảng Grauben, giáo sư cho rằng biển ngằm này chỉ dài khoảng ba bốn chục dặm là cùng, thế mà nay đã vượt ba lần khoảng cách ấy rồi, vẫn chưa thấy bờ đâu cả.

- Cứ đi ngang mãi như thế này, mất biết bao thời gian! – giáo sư nói – Đâu phải mình đến đây chỉ để đi dạo trên cái biển trời ời này đâu!

- Nhưng chính chúng ta đang đi theo con đường của ông Saknussemm...

- Vấn đề là ở chỗ đấy, Axel ạ! Liệu có đúng chúng ta đang ở trên con đường ấy hay không? Ông Saknussem có gặp cái biển này không? Ông có vượt qua được nó không? Dòng suối Hans có dẫn chúng ta đi đúng đường không?

- Dù sao chúng ta cũng không nên hối hận là đã xuống đây! Quang cảnh dưới này tuyệt vời...

- Chú chẳng để ý gì tới quang cảnh cả. Chú đã có mục đích của mình và phải đạt được bằng bất cứ giá nào. Vì vậy đừng nên nói với chú chuyện ngắm cảnh.

Chủ nhật, 16 tháng tám. Không có gì mới. Thời tiết vẫn không thay đổi. Gió có vẻ mạnh hơn lên. Biển hình như vô tận. Nó phải lớn bằng Địa Trung Hải, hoặc Đại Tây Dương không chừng!

Giáo sư Lidenbrock nhiều lần thăm dò xem biển sâu cạn ra sao bằng cách buộc một cái cuốc chim nặng nhất vào đầu sợi thừng thả sâu xuống dưới. Có một lần vất vả lắm chúng tôi mới lôi được cái cuốc lên. Hans vội chỉ cho tôi thấy những vết lõm sâu trên mặt cuốc. Rõ ràng thanh thép này bị nghiêng rất mạnh giữa hai vật rắn. Tôi nhìn anh với vẻ dò hỏi.

- Tander! – anh trả lời.

Thấy tôi ngó ra, Hans liền hả miệng nhe răng đớp mạnh liền mấy cái, có ý giải thích điều anh muốn nói.

- Những vết răng! – chợt hiểu, tôi sùng sốt kêu lên.

Đúng vậy! Rõ ràng những vết bập sâu vào thép là những vết răng! Nhưng muốn in dấu trên vật bằng sắt này phải cần một lực mạnh lắm! Phải chăng đây là răng của một trong những quái vật khổng lồ trước thời hồng thủy đang vẫy vùng ở sâu dưới đáy nước này? Tôi nhìn như xoáy vào thanh thép chỗ vết răng. Cả ngày tôi bồn chồn lo lắng. Mãi đến đêm, những ý nghĩ trong tưởng ấy mới tạm lắng được vài giờ trong một giấc ngủ chập chờn.

Thứ hai, 17 tháng tám. Tôi cố nhớ lại về tất cả những động vật ở thời kỳ thứ hai ấy. Thời bấy giờ, loài bò sát khổng lồ là chúa tể trên mặt đất, trị vì trong những đại dương thuộc kỷ Jura. Những con vật này khổng lồ và mạnh khủng khiếp.

Nghĩ tới những con vật ấy tôi rùng cả mình! Tôi đã từng xem ở viện bảo tàng tự nhiên học Hambourg một bộ xương dài ba mươi bộ của một con thần lằn khổng lồ ấy. Tôi nhận biết rất rõ những vết răng hằn sâu trên thanh thép! Nhưng tôi không thể tin rằng mình lại có thể đối mặt với chúng được.

Tôi thấy bức mình vì đang yên lành giáo sư lại nảy ra ý định thăm dò độ sâu của biển làm khuấy động hang ổ của một quái vật nào đó! Biết đây đoàn thám hiểm lại chẳng bị chúng tấn công? Tôi kiểm tra lại vũ khí thấy vẫn còn tốt, nên cũng an tâm. Giáo sư cũng đồng ý là hành động phòng xa của tôi là phải.

Sóng biển bỗng cồn lên chúng tỏ đáy nước bị khuấy động. Nguy hiểm đã tới sát bên. Phải đề phòng thôi!

Thứ ba, 18 tháng tám. Buổi chiều đến, lúc mắt tôi đã híp lại vì buồn ngủ. Hans đang giữ bánh lái. Bỗng một chấn động dữ dội dừng tôi dậy. Một sức mạnh ghê gớm nâng bổng tôi lên, ném ra thật xa.

- Cái gì vậy hả? – giáo sư kêu lên – Chạm đất rồi à?

Hans chỉ cho chúng tôi một khối đen xì đang ngoi lên ngụp xuống ở cách bề một khoảng.

- Một con cá voi! – giáo sư kêu lên – Đúng là một con cá voi rồi. Khí và nước trong lỗ mũi nó xì ra kia!

Hans định quay bề để chạy khỏi nơi nguy hiểm ấy thì bỗng phát hiện ở mạn bên kia những con vật đáng sợ không kém. Đó là một con rùa và một con rắn khổng lồ đang vươn cao cổ trên sóng biển.

Tôi vội chụp lấy súng nhưng Hans đã ra hiệu đừng bắn. Hai quái vật bất thần xông vào đánh nhau dữ dội. Sóng biển cuộn cuộn dâng cao, mấy lần suýt làm lật úp chiếc bề. Chúng gầm rít ầm vang rồi quấn chặt lấy nhau! Cuộc ẩu đả kịch liệt kéo dài hơn hai giờ. Chúng tôi đứng im chứng kiến, tay súng lăm lăm! Bỗng đôi quái vật lôi nhau xuống mất tăm dưới đáy nước.

Thứ tư, 19 tháng tám. Cũng may trời bỗng nổi gió lớn. Hans vẫn giữ bánh lái. Sau cơn nguy hiểm, giáo sư Lidenbrock lại đứng ngồi không yên suốt ngày dán mắt về hướng nam. Hành trình lại được vẻ đơn điệu buồn tẻ như cũ.

Thứ năm, 20 tháng tám. Gió bắc đông bắc thổi lúc mạnh lúc nhẹ. Trời oi bức, chiếc bề trôi với vận tốc ba dặm rưỡi một giờ. Giữa trưa như có tiếng sóng gầm ầm ì ở đâu đó xa lắm, thoảng đến.

- Chắc đây là tiếng sóng vỗ vào chân một hòn đảo hoặc một quả núi nào đó! – giáo sư nói.

Hans leo lên đỉnh cột buồm nhưng cũng không phát hiện được gì. Đại dương vẫn phẳng lì tới tận chân trời.

Ba giờ trôi qua. Tiếng động rền rền ấy hnhf như vẳng đến từ một thác nước. Cách đây vài dặm chắc chắn phải có sự vận động của nước vì càng đi tới chúng tôi càng nghe rõ hơn. Tôi ngược mắt nhìn những đám mây nước lơ lửng trong không trung. Chân trời vẫn quang đãng! Nếu những tiếng ồn ào kia do một ngọn thác đổ xuống, nếu cả cái đại dương này dồn nước xuống một đại dương thấp hơn thì nhất định chiếc bề của đoàn thám hiểm phải chuyển động và nước càng chảy xiết bao nhiêu chúng tôi càng tiến sát tới hiểm họa bấy nhiêu! Tôi nhìn xuống nước, mặt biển chỉ nổi sóng chứ không chảy, cái chai không tôi vớt xuống nước vẫn dập dềnh tại chỗ.

Vào bốn giờ chiều, Hans lại leo lên đỉnh cột buồm, phóng tầm mắt nhìn về phía chân trời. Có lẽ anh đã phát hiện được gì lạ, nên tụt xuống chỉ tay về hướng nam nói:

- Der nere!

- Ở xa kia? – giáo sư hỏi lại.

Giáo sư Lidenbrock liền lấy kính viễn vọng nhìn về hướng ấy.

- Thấy gì không hả chú?

- Một chùm tia nước khổng lồ phun trên mặt sóng!

- Lại một con thủy quái nữa!

- Có thể lắm.

- Ta ngoặt về hướng tây thôi, chú ạ. Không dại gì mà đâm đầu vào con quái vật trước thời hồng thủy ấy!

- Ta cứ đi đúng theo lộ trình của mình!

Tôi quay nhìn Hans. Anh ta vẫn giữ vững bánh lái, coi như không có chuyện gì xảy ra. Càng tới gần, chúng tôi thấy chùm tia nước phun càng cao. Không hiểu quái vật này thuộc loài nào mà có thể chứa trong bụng một lượng nước đủ để phun không ngừng như vậy?

Đến tám giờ tối, chúng tôi chỉ còn cách con vật ấy chừng hai dặm. Bỗng Hans đứng dậy, chỉ quái vật nói:

- Holme!

- Một hòn đảo! – chú tôi reo lên – Đúng là một hòn đảo rồi!

- Nhưng còn chùm tia nước phun? – tôi thắc mắc hỏi.

- Geyser! – Hans trả lời.

- Hans nói đúng. Đây chẳng qua chỉ là một mạch nước phun như vẫn thường có ở Iceland!

Càng tới gần, tôi càng thấy hòn đảo giống hệt một con cá voi với cái đầu nhô cao hơn mười bộ cùng chùm tia nước phun lên hết sức vĩ đại. Thỉnh thoảng mạch nước phun ấy bỗng phát ra những tiếng nổ inh tai, vọt mạnh lên chạm đến những đám mây đang là là bay. Toàn bộ sức mạnh của núi lửa tích trong lòng đất dồn cả vào mạch nước phun duy nhất ấy. Những tia lửa điện chói lòa hòa vào giữa chùm tia nước phun rực rỡ sắc cầu vồng.

- Bơi vào bờ mau! – giáo sư ra lệnh.

Để tránh cái vòi rồng khổng lồ có thể chìm chúng tôi xuống đáy, Hans khéo léo lái bè vòng tới cuối đảo. Tôi cùng giáo sư lẹ làng nhảy lên một tảng đá. Hans vẫn ngồi lại giữ bè. Mặt đất nóng hực và hơi rung động dưới chân chúng tôi. Chúng tôi đã nhìn thấy cái hồ nhỏ, nơi mạch nước đang phun trào, nhiệt độ nước ở đây lên tới một trăm sáu mươi ba độ. Như vậy, rõ ràng là mạch nước này phải bắt nguồn từ một lò lửa đang cháy rực và điều này ngược với lý thuyết của giáo sư Lidenbrock. Tôi bèn nói nhận xét ấy với chú tôi, nhưng ông bác đi:

- Làm sao chúng mình được?

Tôi làm thinh vì thấy chú tôi bắt đầu có vẻ nổi nóng.

Nhưng tôi vẫn tin là càng xuống sâu nhiệt độ sẽ càng tăng thêm. Vì một lý do mà

tôi không biết, từ lúc bắt đầu cuộc du hành đến nay chúng tôi chưa gặp khó khăn về điều kiện nhiệt độ. Tôi chắc là có lúc rồi chúng tôi cũng đến phần mà nhiệt độ trung tâm trái đất sẽ lên tới mức cao nhất.

Sau khi lấy tên tôi đặt cho hòn đảo núi lửa ấy, giáo sư Lidenbrock ra lệnh cho chúng tôi tiếp tục lên đường. Tôi nán lại mấy phút ngắm mạch nước phun, chắc rằng do áp suất không đều của những chất khí trong hồ chứa nên nó phun lúc mạnh lúc yếu. Hans đã tranh thủ sửa lại chiếc bè. Cuối cùng, chúng tôi ra khỏi vòng qua những núi đá ở phía nam hòn đảo Axel.

Thứ sáu, ngày 21 tháng tám. Gió thổi mạnh. Chiếc bè của đoàn thám hiểm nhanh chóng rời xa hòn đảo Axel. Thời tiết đang thay đổi. Do sự bốc hơi của nước mặn, khí quyển chứa đầy hơi nước tích điện. Những đám mây sà xuống rất thấp. Thỉnh thoảng có một vài tia chớp xuyên thủng màn mây dày đặc lóe xuống mặt biển sắp nổi giông bão.

Trong môi trường đầy nước tích điện ấy, cơ thể tôi hình như cũng nhiễm điện luôn. Tóc tôi dựng đứng cả lên.

Tới mười giờ sáng, những triệu chứng bão càng chắc chắn.

- Trời sắp nổi bão rồi chú ạ!

Nghe tôi nói vậy, giáo sư chỉ nhún vai không trả lời.

- Hạ buồm xuống đi! – tôi nói – Nếu cần thiết chúng ta cũng chèo luôn cả cột buồm!

- Không đời nào! Cứ mặc cho cơn bão hoành hành! Dù cho chiếc bè này có vỡ tan cũng được miễn là chú thấy được bờ bên kia đại dương!

Chú tôi vừa dứt lời, mưa bão đã nổi lên. Trời bỗng tối sầm! Chiếc bè bỗng chồm lên hất giáo sư ngã nhào. Tôi vội bò lại và thấy ông đã kịp bấu chặt một đầu dây thừng và hình như thích thú trước cảnh này lắm. Hans vẫn ngồi im. Cột buồm vẫn đứng vững. Cánh buồm căng phồng đẩy chiếc bè lướt đi nhanh không tưởng được!

- Hạ buồm xuống mau! – tôi hét thật to.

- Không! – giáo sư đáp.

- Nej! – Hans lắc đầu phụ họa theo.

Mưa bắt đầu trút xuống như thác đổ, sầm sập tiến về phía chúng tôi. Biển sôi lên! Sấm chớp ầm ầm chói lòa. Sóng biển cồn lên như những quả đồi lửa mà trên đỉnh là một khối sáng lòa. Ánh sáng chói đến độ không nhìn nổi, còn tai tôi thì bị ù đi vì tiếng sấm. Tôi vội ôm chặt lấy cột buồm cũng đang bị cong xuống dưới sức mạnh của bão tố.

Chủ nhật, 23 tháng tám. Chiếc bè bị cuốn đi với một vận tốc khủng khiếp. Không biết chúng tôi hiện đang ở đâu? Đêm qua thật kinh khủng mà cơn bão vẫn hoành hành. Chúng tôi lọt giữa những âm thanh của sấm chớp làm tai phải rướm máu, không thể nào nói với nhau được một tiếng. Chớp giập liên

hồi. Có những tia chớp bỗng tách đôi hoặc vo lại thành một quả cầu ánh sáng, rồi nổ tung như trái bom. Chiếc bè của chúng tôi lao đi như điên giữa những cột nước từ mặt sóng dựng lên rồi âm ầm đổ xuống sủi bọt tung tóe. Chúng tôi đang đi đâu đây? Trời nóng kinh khủng. Tôi liếc nhìn nhiệt kế nhưng nước mưa đã làm nhòe hết chữ số...

Thứ hai, 24 tháng tám. Bão vẫn kéo dài. Không hiểu tại sao bầu khí quyển lại cứ giữ mãi tình trạng ấy?

Chúng tôi đã hoàn toàn kiệt sức. Riêng Hans vẫn như bình thường. Chiếc bè vẫn lướt theo hướng đông nam. Kể từ hòn đảo Axel, chúng tôi đã vượt hơn hai trăm dặm đường biển. Đến trưa, cơn bão càng mạnh lên. Chúng tôi phải lấy thùng buộc chặt mình cùng hành lý vào mảng. Sóng biển chồm lên, chồm qua đầu chúng tôi. Suốt ba ngày chúng tôi không nói với nhau được một lời. Chúng tôi cố gào, cố hét vào tai nhau, nhưng không ai nghe ai nói gì! Giáo sư Lidenbrock trườn lại gần tôi, nói một câu gì đó, hình như là “chúng ta nguy mất”.

Tôi bèn viết bảo ông nên hạ buồm. Ông gật đầu đồng ý. Chúng tôi chưa kịp trở tay thì cả cột buồm và là buồm liền biến mất. Chúng tôi chỉ còn kịp thấy vó bay vút lên trời, trông như một loài chim kỳ quái.

Chúng tôi cứng người vì khiếp sợ. Vừa lúc một quả cầu lửa chói sáng nửa xanh nửa trắng xuất hiện trên bè. Nó lang thang quay cuồng theo gió bão, nhẩy lên túi lương thực, trườn nhẹ xuống, rồi lại lướt qua thùng thuốc súng, đến gần Hans. Anh ta chỉ biết trợn mắt nhìn. Bỗng nó chuyển hướng, đâm nhào về phía giáo sư, rồi lui lại lượn quanh chân tôi! Tôi sợ tái cả người, định rút chân lại nhưng không hiểu sao tôi như bị ghim chặt xuống bè không sao rút chân lại được! Đột nhiên tôi hiểu ra quả cầu lửa này đã làm tất cả kim loại trên mảng bị nhiễm từ hết. Các dụng cụ, đồ dùng, vũ khí đều chuyển động vì sức hút của nó! Những chiếc đinh đóng đế giày tôi đã bị hút chặt vào miếng sắt đóng ở bè. Tôi cố sức co chân về, chỉ chút xíu nữa quả cầu sáng chói ấy đã lôi tuột người tôi đi!

Bỗng quả cầu lửa bùng nổ tung! Ánh sáng chói lòa! Những lưỡi lửa trùm khắp người chúng tôi rồi tắt ngấm! Tôi chỉ kịp thấy giáo sư nằm bẹp xuống và Hans vẫn ung ung giữ vững bánh lái!

Chúng tôi đang đi đến đâu? Về đâu?

Thứ ba, 25 tháng tám. Tôi bị ngất khá lâu, khi tỉnh lại trời vẫn còn bão. Những tia chớp loằng ngoằng như muôn nghìn con rắn lửa lao nhao phóng khắp không trung. Chiếc bè vẫn trôi với vận tốc khủng khiếp trên biển ngấm. Có lẽ chúng tôi đã chui qua dưới gầm nước Anh, biển Manche, dưới nước Pháp và có khi dưới cả Châu Âu nữa cũng nên!

Bỗng một trấn động dữ dội hất nhào xuống biển!

Chương 13

Gặp lại Saknussem

Nhật ký củ tôi chấm dứt ở đây, may mà nó không bị chìm khi chiếc bè vỡ tan nên tôi còn viết tiếp được.

Chuyện xảy ra thế nào khi chiếc bè bị đâm sầm vào vách đá thì tôi không nói được. Tôi bị hất nhào xuống nước và thoát chết được nhờ cánh tay lực lưỡng khỏe mạnh của Hans kéo tôi ra khỏi vực xoáy. Anh đã đưa tôi vượt sóng vào bờ cát và đặt tôi xuống bên giáo sư Lidenbrock lúc đó cũng đã bất tỉnh. Sau đó, anh quay trở ra biển xem còn cứu vớt được hành lý gì không. Tôi không nói nổi vì quá mệt. Đến cả giờ sau tôi mới hồi sức được.

Trời mưa ngày càng dữ dội. Chúng tôi nhờ có một chỗ trú ẩn dưới mấy tảng đá chồng lên nhau mới tránh được cái thác nước từ trên trời đổ xuống ấy. Giáo sư Lidenbrock bảo đấy là điểm báo cơn bão sắp tan. Hans dọn ra mấy thứ thức ăn, rồi cả ba người đều lăn ra ngủ như chết!

Sớm hôm sau, khí hậu rất đẹp. Khi tôi thức dậy thì hoàn toàn không thấy dấu vết nào của cơn bão cả và nghe giọng nói vui vẻ của giáo sư Lidenbrock:

- Cháu ngủ ngon không, Axel?
- Cảm ơn chú! Sáng nay trông chú có vẻ phấn khởi quá!
- Đúng vậy! Chúng ta đã tới bờ nam của biển Lidenbrock, bây giờ mình tiếp tục đi trên bộ và thực sự chui sâu vào lòng đất.
- Còn chuyển về của chúng ta thì sao?
- Đơn giản thôi cháu ạ, một khi đã tới tâm trái đất chúng ta sẽ tìm một con đường mới để lên mặt đất, cùng lắm là chúng ta sẽ quay lại theo con đường cũ.
- Vậy chúng ta phải sửa sang chiếc bè cho thật tốt.
- Dĩ nhiên rồi! Bây giờ chúng ta kiểm tra lại khâu lương thực cái đã!

Ra tới bờ biển, tôi thấy Hans đang loay hoay giữa một đồng hành lý xếp ngay ngắn trên cát. Giáo sư Lidenbrock xiết chặt tay anh để tỏ ý biết ơn con người đã liều mạng vớt được những vật dụng quý nhất của đoàn. Tuy vậy, chúng tôi cũng bị mất một số món như súng chẳng hạn. Nhưng không một thứ máy móc nào bị mất cả. Chúng mới là thứ thiết yếu cho cuộc thám hiểm. Những thùng chứa thức ăn phần lớn đều còn nguyên vẹn, đủ cho đoàn thám hiểm dùng trong bốn tháng.

- Bốn tháng! – giáo sư reo lên – Dư thời gian để tới nơi và trở về. Thậm chí còn dư để đãi các giáo sư bạn tôi ở viện đại học.

Trong bữa ăn, tôi hỏi giáo sư:

- Đoàn thám hiểm đang ở địa điểm nào?
- Không thể nào tính toán nổi! – giáo sư trả lời - Mấy ngày liền có bão nên không ghi được vận tốc và hướng bè trôi. Tính từ hòn đảo Axel, chúng ta đã vượt khoảng hai trăm bảy mươi dặm và đã ở cách Iceland hơn sáu trăm dặm!
- Cứ cho trong bốn ngày giông bão, chiếc bè trôi với vận tốc khoảng tám mươi dặm trong hai mươi bốn giờ. Như vậy từ hòn đảo có mạch nước phun tới đây

khoản ba trăm dặm!

- Chà! Biển Lidenbrock này dài sáu trăm dặm, ngang với Địa Trung Hải à?

- Nếu cháu không tính nhầm thì chúng ta đang ở dưới gầm Địa Trung Hải đấy!

- Thật không?

- Theo cháu nếu hướng gió không thay đổi. Bờ biển này phải nằm ở đông nam cảng Grauben chú ạ!

- Lấy địa bàn ra xem thì biết ngay!

Giáo sư tìm ra địa bàn trong đồng vật dụng của Hans. Ông đặt địa bàn thẳng bằng trên bãi cát rồi quan sát. Bỗng không tin vào mắt mình, giáo sư Lidenbrock rụi mắt, nhìn đi nhìn lại mấy lần, cuối cùng ông bỗng sốt quay về phía tôi và ra hiệu cho tôi. Kim địa bàn chỉ thẳng vào nơi mà chúng tôi tưởng là phương Nam, đáng ra phải hướng ra biển nó lại chỉ vào bờ!

Tôi lắc nhẹ địa bàn rồi quan sát thấy nó vẫn tốt. Dù xoay trở nó thế nào kim vẫn chỉ về một hướng. Vậy là trong cơn bão, gió đột ngột đổi chiều mà chúng tôi không nhận ra chiếc bè quay ngược trở về nơi xuất phát.

Tôi không thể diễn tả nổi cơn bão táp đang diễn ra trong lòng giáo sư Lidenbrock. Thoạt đầu ông kinh ngạc, lúng túng rồi hoài nghi và cuối cùng là tức giận. Thế là bao nhiêu vất vả nguy hiểm trong chuyến vượt biển vừa rồi phải làm lại từ đầu!

- Số phận đùa giỡn mình sao? – giáo sư kêu lên – Lửa, nước và không khí đều chống lại ta sao? Chúng mày muốn thử thách ý chí của Otto Lidenbrock này sao? Nhất định ta sẽ không chịu thua, không chịu lui một bước! Để rồi xem ta với thiên nhiên ai sẽ thắng ai!

- Thừa chú, – tôi cố khuyên giải – tham vọng dù lớn đến đâu vẫn có giới hạn của nó. Ta không nên cố sức làm gì! Không ai có thể vượt đại dương bằng một cái mảng ghép bằng cây với chèo làm buồm, gậy làm cột trong giông bão để vượt qua năm trăm dặm biển được. Chỉ có điên mới vượt biển thêm một chuyến nữa, chú ạ!

Những lý luận như thế tôi có thể thao thao bất tuyệt không ngừng nghỉ nhưng cuối cùng giáo sư vẫn bỏ ngoài tai.

- Lên bè ngay! – giáo sư ra lệnh.

Hans đã sửa xong chiếc bè. Hình như anh đã đoán trước mọi ý định của chú tôi. Chiếc bè đã được gia cố với vài khúc cây hóa thạch và một cánh buồm mới, giương lên phần phật trong gió.

Giáo sư Lidenbrock nói vài câu với Hans, anh vội nhanh nhẹn chuyển hết hành trang của đoàn thám hiểm lên bè và sẵn sàng để ra khơi. Bầu trời quang đãng. Gió tây bắc thổi nhẹ. Bỗng giáo sư Lidenbrock đổi ý kiến nói:

- Khoan đã Axel, ngày mai chúng ta hãy lên đường. Số phận đã mang chú trở lại phần bờ biển này, chú phải hiểu biết nó thật tường tận trước khi nhổ neo.

Để mặc Hans tiếp tục công việc, chúng tôi lên đường. Đi được một quãng trước mặt chúng tôi bỗng hiện ra bìa một khu rừng, không phải rừng nấm như ở cảng Grauben mà là rừng cây to thật uy nghi. Dưới tán cây rừng, vài con suối róc rách chảy len lỏi giữa những bụi cây dương xỉ thân gỗ, qua những thảm rêu dày êm như nhung. Duy chỉ có điều toàn bộ cỏ cây hoa lá ở đây đều thiếu ánh nắng và có một màu nâu nhợt nhạt như được làm bằng một loại giấy đã ố vàng.

Tôi thấp thỏm đi theo giáo sư vào sâu trong rừng cây khổng lồ. Với nguồn thức ăn thực vật dồi dào như thế này, sao vẫn chưa gặp một động vật nguy hiểm nào nhỉ? Đột nhiên tôi nắm chặt lấy cánh tay giáo sư và đứng sững lại! Trong ánh sáng lờ mờ của rừng rậm, tôi phát hiện những bóng đen lù lù như những quả đồi đang di động. Đó là cả một đàn voi rừng mẫu khổng lồ bằng xương bằng thịt, đang chọt vòi khua khoảng bề cảnh bút lá đút vào miệng. Tiếng cành lá gãy, tiếng những cặp ngà dài nhọn khoan vào thân cây cộng với tiếng chân, tiếng gầm của những quái vật khổng lồ vang động một khoảng rừng.

Sau khi quan sát một lúc, giáo sư Lidenbrock nắm lấy tay tôi bảo:

- Đi Axel, chúng ta tới gần nhìn cho rõ.

- Không! – tôi kêu lên – Chúng ta không có vũ khí. Chạy mau lên. Những con quái vật khổng lồ này mà nổi giận thì phiền phức lắm! Ai mà chống lại được với cả một bầy thú hung hăng như thế?

- Không có ai à? – giáo sư thì thào – Cháu lầm rồi! Hãy nhìn kỹ xem, hình như chú vừa thấy một sinh vật, một con người giống như chúng ta!

Thoạt đầu tôi nhún vai không muốn tin. Nhưng sau khi chăm chú quan sát một lúc lâu, tôi nhìn thấy ở xa kia có một người đang đứng dựa vào thân cây, chăm chú nhìn bầy thú. Đó là một người khổng lồ cao mười hai bộ, cái đầu to lớn ẩn sau mái tóc rậm dài, tay hắn cầm một cành cây lớn.

Chúng tôi đứng chết trân và vô cùng kinh ngạc. Con người này có thể cũng đã thấy chúng tôi. “Chú Lidenbrock! Chạy đi!”, tôi kêu lên và kéo tay giáo sư. Đây là lần đầu tiên ông bị người khác thuyết phục! Chỉ một loáng sau, hai chú cháu tôi đã rời xa nơi nguy hiểm.

Trải qua bao căng thẳng, giờ đây có thời gian bình tĩnh nghĩ lại cuộc gặp gỡ kỳ lạ, tôi thấy thật vô lý. Chắc là do chúng tôi hoa mắt nhìn lầm, chú làm gì có người sống ở thế giới trong lòng đất ấy? Làm gì có giống người nào sống ở những hang ngầm ấy lại không quan tâm đến đồng loại trên mặt đất và cũng không liên lạc gì với họ? Ngay cả ý nghĩ đó cũng là điên rồ rồi!

Theo tôi chẳng qua đó chỉ là một giống khỉ thời kỳ đầu địa chất có cấu tạo gần giống với con người. Có điều giống khỉ này to lớn hơn nhiều so với những giống khỉ mà khoa cổ sinh vật học đã phát hiện từ trước tới nay!

Chú cháu tôi cầm đầu cảm cổ chạy trốn khỏi khu rừng đầy đe dọa ấy như bị ma đuổi. Ra tới bờ biển Lidenbrock rồi mà chúng tôi vẫn cảm thấy bàng hoàng đầu

óc hoang mang không hiểu những điều mắt thấy vừa rồi có thật hay không? Bỗng phát hiện một vật sáng trên cát, tôi vội lao tới nhặt lên đưa cho giáo sư. Đó là một con dao găm lạ, tôi đoán là của Hans đã đánh rơi.

- Vũ khí này không phải của Hans. – giáo sư lắc đầu nhận xét – Đây là một đoản kiếm kiểu Tây Ban Nha mà các nhà quý tộc thế kỷ XVI vẫn thường đeo. Cháu xem này, lưỡi kiếm bị phủ một lớp rỉ khá dày, bị đá trên bờ biển ngăm làm mẻ và bị vút bỏ ở bãi biển này có lẽ hơn hai, ba trăm năm rồi! Chà! Một phát hiện lớn đây!

- Thưa chú, không phải tự nhiên thanh đoản kiếm này tự nó xuất hiện trên bờ biển ngăm, phải có ai đó đã mang nó đến đây?

- Đúng!

- Người đó là ai nhỉ?

- Ai đã từng tự tay dùng con dao găm ngày khắc tên mình lên đá, một lần nữa vạch đường tới tâm trái đất? Còn ai vào đây nữa? Axel, chúng ta đi tìm mau lên! Ốc tưởng tượng đã cuốn hút giáo sư Lidenbrock. Ông nắm tay tôi lôi đi dọc bức thành đá hoa cương, ngó vào từng khe núi có vẻ khả nghi. Chúng tôi tới một nơi bờ biển bỗng co hẹp lại, dẫn đến một lối đi rộng giữa hai khối đá sừng sững. Chúng tôi phát hiện một cửa hang tối om, trên một phiến đá ở miệng hang hiện ra lờ mờ hai chữ đầu, tên của nhà thám hiểm táo bạo và phi thường nhất thế kỷ XVI:

- A.S! – giáo sư Lidenbrock reo lên – Arne Saknussemm! Lại là Arne Saknussemm nữa rồi!

Từ khi bắt đầu cuộc hành trình vào lòng đất, từng chúng kiến biết bao nhiêu điều kinh ngạc, tôi nghĩ chẳng còn gì đáng để ngạc nhiên nữa, vậy mà trước hai chữ cái khắc trên đá từ hơn ba trăm năm nay, tôi thật sửng sốt! Không những chữ ký mà cả con dao găm nhà bác học dùng để vạch vào đá đang nằm trong tay tôi! Không còn nghi ngờ gì nữa, nhà thám hiểm Iceland cách đây mấy thế kỷ đã từng đặt chân tới chốn này! Tôi bỗng quên hết những nguy hiểm đã qua lẫn những hiểm nghèo của đường về! Tôi ngẩng trên đời hẳn có việc gì con người làm được thì tôi cũng sẽ làm được và háo hức thực hiện ngay ý nghĩ đó.

- Tiến lên! – tôi hô vang – Tiến lên!

Tôi định lao ngay vào đường hầm tối tăm ấy thì giáo sư Lidenbrock đã nắm lấy cánh tay tôi giữ lại bảo:

- Khoan đã! Chúng ta hãy quay về gặp Hans và mang chiếc bè đến đây đã!

Tôi miễn cưỡng nghe lời giáo sư và vội vàng rời khỏi vách đá.

- Chú thấy không, - tôi nói – tính đến lúc này chúng ta toàn gặp may! Nhờ có cơn bão biển chiếc bè mới quay về được nơi đây. Nếu đẹp trời và thuận buồm xuôi gió, chiếc bè sẽ cập vào bờ nam, không hiểu chúng ta sẽ ra sao? Nếu không gặp được tên ông Saknussemm khắc trên đá chỉ đường, chắc giờ này chúng ta đã lúng

túng trên một bãi biển nào đấy rồi!

- Quả thật là chú không thể nào lý giải nổi tại sao nhắm hướng nam đi ta lại bỗng nhiên gặp bờ bắc?

- Chú nghĩ ngợi làm gì cho thêm nặng đầu! Tìm được đường của ông Saknussem rồi, chúng ta cứ việc tiến lên thôi!

- Cháu nói đúng. Chúng ta chỉ có một con đường là đi xuống, xuống nữa! Tới tâm trái đất chỉ còn một ngàn năm trăm dặm nữa thôi!

- Tiến lên! – tôi phấn khởi hô vang.

Chúng tôi lên bè. Tất cả đã sẵn sàng. Hans giương buồm lên, rồi lái chiếc bè men theo bờ biển tới mũi Saknussem. Không xuôi theo chiều gió nên bè đi rất chậm. Mãi sáu giờ chiều chúng tôi mới đến nơi. Tôi muốn lên đường ngay, nhưng giáo sư khuyên nên thăm dò phần cửa hang trước khi khởi hành.

Cửa hang rộng khoảng năm bộ. Lối đi đâm thẳng vào núi và tương đối bằng phẳng như bên ngoài do trước đây chất phun trào đã từng đi qua. Dẫn đầu đoàn thám hiểm, tôi xăm xăm bước đi. Nhưng chưa được mấy bước. Chúng tôi bỗng vấp phải một khối đá lớn biết kín lối đi. Tôi xem xét thật kỹ vẫn không thấy một khe hở nào có thể lách qua được. Hans lặng lẽ chiếu đèn khắp khối đá, khắp vách hang, song cũng lắc đầu thất vọng.

Tôi ngồi phịch xuống đất. Chú tôi chấp tay sau lưng, long lộn đi lại.

- Ông Saknussem có bị khối đá này cản đường không nhỉ? – giáo sư thắc mắc.

- Chắc chắn là không. Do một chấn động hoặc một hiện tượng từ tính nào đó làm rung động vỏ trái đất, khiến khối đá lăn xuống bít kín miệng hang. Sự việc ấy phải xảy ra sau khi ông Saknussem đã trở về qua đây.

- Nếu vậy, chúng ta dùng cuốc bẫy nó!

- Đá hoa cương rắn chắc lắm, dùng cuốc sẽ không phá nổi đâu!

- Ta sẽ dùng thuốc súng và mìn cho nó nổ tung lên!

- Dùng chất nổ à?

- Đúng vậy, nó chỉ là một tảng đá thôi mà. Hans bắt đầu đi! – chú tôi kêu lên.

Hans trở ra bè và mang cuốc vào. Anh đục một lỗ trên tảng đá đủ để đặt thuốc súng. Việc này khá vất vả vì cái lỗ phải đủ lớn để nhồi nhét được chừng năm mươi cân thuốc súng. Trong khi đó, tôi làm một ngòi nổ bằng thuốc súng ẩm bọc vải.

Công việc khá vất vả, mãi đến nửa đêm mới xong. Lượng thuốc súng đã nạp đầy lỗ, ngòi nổ đã được kéo tới ngoài, chỉ cần một tia lửa nhỏ cũng đủ làm khối thuốc ấy nổ tung lên!

- Thôi, nghỉ đã! – giáo sư nói – Ngày mai hãy hay!

Biết chắc ngày mai đường sẽ mở, nhưng phải chờ thêm sáu giờ dài dằng dặc nữa nên tôi thấp thỏm ngủ không yên.

Chương 14

Trong lòng núi lửa

Thứ năm 27 tháng tám là một ngày đáng ghi nhớ nhất. Đến bây giờ, qua bao năm tháng, cứ mỗi lần nghĩ đến tôi lại thấy rung mình kinh hãi.

Sáu giờ sáng, chúng tôi thức dậy. Sau khi ăn uống qua loa, giáo sư cùng Hans xuống mảng. Tôi vinh dự được chằm ngòi nổ để mở đường nên ở lại trên bờ, tiến tới cửa hang và chuẩn bị chằm ngòi. Cẩm đồng hồ bấm giờ, giáo sư ra lệnh:

- Chằm ngòi đi, rồi lên bè ngay! Chúng ta chỉ có mười phút trước khi nó nổ!

Chằm ngòi nổ xong, tôi vội vàng lao lên bè. Hans từ mạnh vào cái sào. Trong chớp mắt, chiếc bè đã cách bờ một khoảng khá xa. Giáo sư chăm chú theo dõi kim đồng hồ. Những giây phút ấy hồi hộp đến nghẹt thở!

- Còn năm phút! – giáo sư đếm to – Bốn phút! Ba phút! Hai!...Một!...

Hình như không ai nghe thấy tiếng nổ! Chỉ thấy ca khối núi tự nhiên biến dạng, chúng vệt ra như một tấm màn! Cả một khoảng bờ biển bỗng sụt xuống thành vực sâu. Sóng biển chợt cồn cao như núi, dựng đứng chiếc bè, hất chúng tôi văng xuống nước. Trong chớp mắt chiếc bè bị nước cuốn rơi thẳng xuống vực! Bóng tối bỗng trùm lên tất cả. Tôi gào lên để gọi giáo sư, nhưng tiếng nước réo ầm ầm át đi tất cả.

Tôi chợt hiểu chuyện gì xảy ra. Khối núi đá ở góc biển Lidenbrock giống như một cái nắp khổng lồ úp trên một vực sâu không đáy. Sức công phá của lượng thuốc nổ quá lớn, đã hất tung cái nắp ấy đi. Vực thẳm bỗng được mở toang ra. Nước biển ngấm dần xuống đáy, kéo theo chiếc bè của đoàn thám hiểm. Tôi cảm thấy mình đang bị rơi vào chỗ chết.

Tôi không rõ chiếc bè trôi như thế bao lâu. Chúng tôi phải nắm tay nhau cố bám lấy bè để khỏi bị văng xuống nước mỗi khi nó bị va văng thành hang. Cũng may đường hang ngày càng mở rộng ra. Không còn nghi ngờ gì nữa, đúng đây là con đường xưa kia ông Saknussemm đã từng qua. Nhưng có điều đáng lẽ xuống một mình, chúng tôi lại kéo theo cả đại dương ngoài kia nữa!

Đột nhiên có ánh sáng bên cạnh tôi, soi rõ gương mặt bình tĩnh của Hans. Anh thợ chèo vệt biển đã khéo léo thắp được một ngọn đèn bão. Ngọn lửa tuy leo lét nhưng cũng để hắt vài tia sáng mờ mờ trong bóng đêm khủng khiếp.

Đường hầm khá rộng đến độ chẳng nhìn thấy được hai bên vách đá. Nước tuôn ào ào và chúng tôi lao đi với tốc độ khoảng ba mươi dặm một giờ. Giáo sư Lidenbrock và tôi nhìn quanh tuyệt vọng. Chúng tôi phải ôm chặt lấy thân cột buồm gãy, xoay lưng lại hướng gió thổi cho dễ thở. Thời gian vẫn trôi. Hoàn cảnh chúng tôi vẫn không có gì sáng sủa. Hầu hết hành trang bị mất khi mìn nổ. Kiểm lại, tôi thấy chỉ còn địa bàn, đồng hồ, vài mẫu thùng và... chút lương thực đủ cho chúng tôi sống một ngày. Toàn bộ lương thực dự phòng chỉ vền vẹn một miếng thịt khô và ít bánh.

Tôi bàng hoàng cả người! Nhưng thật tình trước cái đói và cái chết tôi thấy

lượng lự không biết lên sợ cái nào hơn. Tại sao chúng tôi sợ đói trong khi cái chết đủ kiểu đang đe dọa? Liệu chúng tôi còn đủ thời gian để chết vì đói hay không?

Tôi có ý nghĩ nói với giáo sư tất cả mọi việc, cho ông thấy rõ chúng tôi còn lại những gì và tính toán chính xác xem chúng tôi còn có thể sống được bao lâu nữa, nhưng cuối cùng không muốn làm ông thất chí tôi lại thôi. Ngay lúc đó, ngọn đèn mờ dần và tắt hẳn, chúng tôi lại chìm vào bóng tối. Như một đứa trẻ, tôi vội nhắm mắt lại để khỏi nhìn thấy bóng tối xung quanh.

Đường hang càng lúc càng sâu, càng dốc đứng. Chiếc bè lao ào ào như rơi thẳng xuống. Không có Hans và giáo sư túm chặt lấy cánh tay có lẽ tôi đã văng khỏi bè từ lâu rồi. Chiếc bè bỗng khựng lại. Hình như nó đâm bổ xuống một mặt nước nào đó. Phải chăng chúng tôi đã tới đáy vực? Một khối nước khổng lồ chụp xuống đầu, nhận chìm tôi đến nghẹt thở. Ba chúng tôi vẫn bám chặt lấy bè. Cũng may, chỉ mấy giây sau chiếc bè đã ra được nơi có không khí thoáng đãng.

Tôi đoán chừng lúc ấy khoảng mười giờ đêm. Hầu như ngay lập tức, đường hầm rơi vào im lặng, thay cho tiếng nước gầm rú bên tai suốt mấy giờ qua. Rồi tiếng chú tôi thì thào bên tai:

- Axel à, chúng ta đang đi lên!

- Chú nói cái gì? – tôi kêu lên.

- Chúng ta đang đi lên, cháu ạ!

Tôi chìa tay ra, bỗng vội rút lại ngay. Bàn tay tôi bị quệt mạnh vào thành hang, bật máu! Chiếc bè đang dâng cao với một vận tốc ghê gớm.

- Chúng ta còn sót một cây đuốc giắt ở khe bè đấy! – giáo sư quát to – Đốt đuốc lên mau, Hans!

Khó khăn lắm Hans mới thắp được ngọn đuốc và chúng tôi có đủ ánh sáng để nhìn ra chung quanh.

- Đúng như chú nghĩ! – giáo sư nói – Chúng ta đang ở trong một giếng hẹp. Nước biển ngấm đổ xuống tới đáy vực liền dâng lên ngay đẩy chúng ta cùng lên theo.

- Chúng ta sẽ đi tới đâu?

- Điều đó chú không biết được! Có điều là phải luôn luôn sẵn sàng trước mọi sự cố! Chúng ta lên khá nhanh với vận tốc ba dặm rưỡi một giờ! Cứ đà này, chúng ta sẽ lên khá cao đấy!

- Nếu có lối ra thì không sao, cháu chỉ sợ cái giếng này bị bịt kín ở trên, dần dần không khí bị nén chặt sẽ ép chúng ta nát bét ra, còn nếu không thì cũng bị chết đuối!

- Axel này, - giáo sư bình tĩnh nói – đúng là chúng ta đang ở trong một hoàn cảnh đầy tuyệt vọng, chúng ta đang lao tới chỗ chết, nhưng chú thấy tại sao chúng ta không nghĩ rằng mình sắp thoát khỏi cái vực thăm tối đen này. Theo chú, chúng ta nên chuẩn bị để bắt kịp thời cơ này!

- Nhưng chúng ta phải làm gì bây giờ?

- Ăn uống để lấy lại sức!

Thấy tôi và Hans nhìn nhau với vẻ lo sợ, giáo sư bỗng chột hiểu. Ông quát lên:

- Sao! Mất hết lương thực rồi à?

- Đúng vậy! Tất cả chỉ còn có một miếng thịt khô và mười cái bánh! Liệu chúng ta có thể thoát chết được không?

Giáo sư im lặng không trả lời!

Một giờ trôi qua. Cả ba chúng tôi đều đói nhưng không ai đụng đến chỗ thức ăn còn sót lại. Chiếc bè vẫn dâng lên rất nhanh. Có điều là càng lên, chúng tôi càng thấy nóng ghê gớm. Nhiệt độ xung quanh phải đến bốn mươi độ C.

Tại sao lại có sự tăng nhiệt độ như vậy nhỉ? Đến nay mọi sự việc đều có vẻ đúng với lý thuyết của ông Davy và của giáo sư Lidenbrock, những tình trạng đặc biệt đã làm sai lệch hết quy luật chung của tự nhiên, đã tạo cho chúng tôi một nhiệt độ điều hòa ở gần với lò lửa trung tâm!

Phải chăng mằng đang đưa đoàn thám hiểm vào nơi có nhiệt độ khủng khiếp đang nung đá thành nước? Tôi thông báo điều đáng sợ ấy với giáo sư, nhưng chú tôi chỉ nhún vai không nói gì.

Trong khi đó nhiệt độ vẫn cứ tăng. Rồi cả ba chúng tôi đều phải cởi áo khoác ra.

- Vách đá nóng khủng khiếp!

Ngay lúc đó bàn tay tôi vô tình chạm vào mặt nước và rút về thật nhanh.

- Nước cũng muốn sôi kìa! – tôi kêu lên.

Một sự ghê sợ dai dẳng không gì cưỡng nổi bỗng xâm chiếm tâm hồn tôi. Tôi linh cảm một tai biến rùng rợn sắp tới, ngoài trí tưởng tượng của con người. Thoạt đầu chỉ là một ý nghĩ lơ mờ, nhưng dần dần nó được định hình, rồi bám chặt lấy suy nghĩ của tôi. Tôi nhận ra những lớp đá hoa cương bắt đầu lay động. Nhiệt độ càng ngày càng tăng đang hùng hực khắp khoảng không gian nhỏ hẹp của cái giếng này. Tôi quyết định lấy địa bàn ra xem.

Nhưng hình như nó cũng điên lên! Kim của nó chỉ loạn xạ từ hướng này sang hướng khác. Tôi biết rất rõ rằng tác động của từ trường dưới lòng đất rất mạnh, do vậy chuyển động của kim địa bàn cũng không làm tôi sợ.

Nhưng có những hiện tượng khác khiến tôi không thể bỏ qua. Đâu đây bắt đầu cso những tiếng nổ ì ầm, nghe càng lúc càng liên tục hơn. Rồi chẳng mấy chốc nó trở thành tiếng ầm vang không dứt. Không còn nghi ngờ gì nữa, vỏ trái đất sắp bị phá vỡ, chúng tôi sắp bị nghiền nát.

- Chú ơi! – tôi kêu lên – chúng ta sắp nguy đến nơi rồi!

- Cháu lo sợ gì vậy? – giáo sư bình tĩnh hỏi – Có chuyện gì thế?

- Chú nhìn mà xem, vách đá đang chuyển động, nước sôi sùng sục, hơi nước càng ngày càng dày đặc, kim địa bàn giật giật như lên cơn động kinh... toàn là những triệu chứng của động đất.

- Động đất à? Không phải đâu! – giáo sư nhẹ nhàng lắc đầu nói – Theo chú, đây là những dấu hiệu báo trước sắp có một vụ phun xuất!

- Núi lửa sắp hoạt động! Chúng ta đang ở trong miệng Ống của một núi lửa sắp phun trào?

- Đúng vậy! – giáo sư tươi cười nói – Chú nghĩ chúng ta đang gặp may đấy!

Gặp may? Chú tôi phát điên rồi sao? Ý ông muốn nói gì? Mà sao ông lại bình thản và mỉm cười thế kia?

- Cái gì? – tôi gào lên – Mình sắp bị phun lên trời cùng với lửa và nham thạch, một trận mưa tro bụi! Vậy mà chú cho là mình gặp may sao!

- Đúng vậy! – giáo sư bình thản nhìn tôi qua cặp kính trắng và nói – Bởi đây chính là dịp may duy nhất để chúng ta có thể trở lại mặt đất.

Nghĩ đi nghĩ lại, tôi thấy giáo sư nói đúng, hoàn toàn đúng! Chưa bao giờ tôi thấy ông có vẻ can đảm và tự tin hơn khi ông bình tĩnh tính toán cơ hội thoát chết của chúng tôi.

Suốt đêm, chiếc bè vẫn cứ đi lên. Tiếng nổ ì ầm càng âm vang dữ dội. Tôi thờ không muốn nổi và cứ nghĩ giây phút cuối cùng của mình sắp cận kề. Tuy vậy, trí tưởng tượng là một thứ kì lạ đến độ tôi bỗng thấy mình cũng bình thản ngắm nghĩ về tình trạng hiện tại. Bên dưới chiếc bè là một khối nước sôi và bên dưới nữa là một khối dung nham với đá tảng. Một khi bắn ra khỏi miệng núi lửa, những tảng đá đó sẽ văng khắp nơi. Vì chúng tôi đang ở trong đường Ống của một ngọn núi lửa nên không còn nghi ngờ gì về điều đó nữa.

Nhưng lần này, thay vì một ngọn núi lửa đã tắt như ngọn Sneffels, chúng tôi lại ở trong một ngọn núi lửa nào đó đang hoạt động. Do vậy, tôi bắt đầu tự hỏi ngọn núi này ở đâu và mình bị bắn ra ở phần nào của mặt đất. Chắc chắn là đâu đó phía cực bắc. Trước khi bị hư, kim địa bàn luôn chỉ cho thấy chúng tôi đi về phương bắc. Phải chăng chúng tôi đã trở lại dưới lòng đất Iceland? Phải chăng chúng tôi sẽ bắn ra theo một trong tám ngọn núi lửa của hòn đảo này? Dĩ nhiên ở đó có nhiều miệng núi lửa, nhưng tôi muốn biết chính xác là mình sẽ ra theo miệng núi lửa nào.

Về sáng, nhiệt độ xung quanh cũng như vận tốc đùn lên của những chất phun trào càng tăng. Đó là hiện tượng bình thường của núi lửa khi tới gần mặt đất. Giếng cũng rộng ra, thoáng hơn, nhuộm ánh sáng vàng hung. Từ nhiều đường hầm sâu tun hút đâm ngang thành giếng, hơi nước ùn ùn tuôn ra, trong khi lửa lưu huỳnh bắt đầu cháy trên vách đường hầm.

- Chú ơi, - tôi gọi – nhìn những ngọn lửa lưu huỳnh kia! Chúng ta sắp chết vì ngạt và lửa đốt rồi! Lại còn khối nước đang sôi sùng sục dưới chân chúng ta nữa!

- Ở bên dưới bè bây giờ không phải nước nữa mà là dung nham! Dung nham sẽ tiễn chúng ta tới tận miệng núi lửa!

Thật vậy, cột nước đã biến mất, nhường chỗ cho những chất phun xuất khá đặc

đang sôi sùng sục. Xung quanh nóng không chịu nổi. Người chúng tôi đầm đìa mồ hôi. Cũng may là chúng tôi vọt lên khá nhanh nên không đến nỗi chết ngộp. Khoảng tám giờ sáng, khối dung nham ngừng lại không ùn lên nữa! Chiếc bè của đoàn thám hiểm hoàn toàn bất động!

- Chú ơi! – tôi hoảng quá kêu lên – Núi lửa thôi không phun trào nữa!

- Cháu đừng lo, nó chỉ ngừng lại vài phút rồi lại tiếp tục đưa chúng ta lên thôi.

Giáo sư Lidenbrock chưa nói dứt lời, chiếc bè đã vọt lên rất nhanh. Chúng tôi phải bầu chặt các xà gỗ mới khỏi bị văng ra ngoài. Rồi khối dung nham bên dưới bè bỗng dừng lại.

Cứ vậy lặp lại bao nhiêu lần tôi cũng không nhớ, chỉ biết mỗi đợt như thế mảng lại bị bắn vọt lên mạnh hơn.

Càng lúc tôi càng thấy ngột ngạt. Tôi bị choáng rồi mê man, không được Hans níu lại có lẽ tôi đã bị va đầu vào thành đá hoa cương rồi.

Tôi không thể ghi nhớ chính xác những gì đã xảy ra sau đó. Những tiếng nổ rền rĩ, những khối đá hoa cương lay động, chiếc bè của đoàn thám hiểm xoay tít... Một cơn bão lửa ào ào từ lò lửa trung tâm bỗng cuộn lên, trùm lên chúng tôi. Tôi chỉ kịp thoáng thấy khuôn mặt của Hans bùng lên trong ánh lửa và ngất lịm đi trong cảm giác kinh hoàng của một người biết chắc mình sắp chết.

Chương 15

Kết cuộc

Khi tỉnh lại và mở choàng mắt ra, tôi thấy mình đang được Hans đỡ. Tay kia anh ôm lấy chú tôi. Tôi không bị thương tích gì nặng, nhưng xây xát khắp người. Chúng tôi đang ở trên một sườn núi, cách đó hai bước là một vực sâu hàng trăm bộ. Nếu cử động mạnh chúng tôi đã rơi xuống vực rồi. Hans đã cứu sống chúng tôi một lần nữa. Chúng tôi bắt đầu bò một cách thận trọng, cuối cùng tất cả đến được một nơi an toàn. Tôi bắt đầu nhìn quanh để quan sát.

Đầu tiên, tôi thấy bên trên bầu trời thật sự chứ không phải là trần động đá. Lần đầu tiên sau sáu mươi ngày tôi mới được nhìn thấy mặt trời trở lại. Như vậy, hiện tại chúng tôi đang ở trên mặt đất.

- Chúng ta đang ở đâu đây? – giáo sư có vẻ chẳng được hài lòng khi thấy mình đang ở trên mặt đất – Có phải đất Iceland không?

Hans nhún vai tỏ ý không biết.

- Ở Iceland. – tôi nói.

- Nej. – Hans nói với vẻ dứt khoát.

- Cái gì? Không phải ở Iceland à? – giáo sư kêu lên.

- Chắc Hans nhầm đấy thôi. – tôi nhồm dầy chêm vào.

Trong suốt cuộc hành trình dưới lòng đất, từng chúng kiến biết bao điều kỳ lạ, vậy mà trước quang cảnh mới mở ra trước mắt, tôi thấy vô cùng sùng sốt. Tôi tưởng mình sẽ gặp lại những đỉnh núi tuyết phủ quanh năm, những cánh đồng

hoang vu cần cỗi dưới bầu trời nhợt nhạt phương Bắc, nhưng trái lại tôi thấy mình đang nằm ở lưng chừng một núi đá vôi dưới ánh nắng mặt trời rực rỡ.

Tôi ngỡ là mình hoa mắt nhưng những vết bỏng đang đau rát khắp người, những mảnh quần áo tôi tả còn vương trên mình và ánh dương huy hoàng hơn hai tháng nay vắng bóng đang tràn ngập không gian. Tất cả đều hiện hữu, muốn không tin cũng không được.

- Trông không giống Iceland chút nào cả. – Chú tôi là người lên tiếng đầu tiên.

- Phải, nhưng...

- Nhìn kìa, Axel!

Tôi ngẩng đầu nhìn lên. Từ miệng núi lửa cao vọi vọi, cứ mười lăm phút lại phát ra một tiếng nổ long trời chuyển đất, kèm theo một cột cao ngất lửa khói lẫn đá bọt, than xỉ và dung nham. Chất phun trào cuộn cuộn tràn xuống mé núi dốc đứng. Dưới kia, chân núi chìm trong màu xanh thanh bình của vườn cây ăn trái. Bên kia vành đai xanh là biển cả. Cả vùng đất thần tiên này có lẽ là một hòn đảo. Nhìn về hướng mặt trời mọc, tôi thấy một bến cảng nhỏ với mấy căn nhà nhỏ rải rác quanh đó, nhiều con thuyền dập dềnh trên sóng nước. Ngoài khơi có vô số những hòn đảo nhỏ nổi bật trên mặt nước. Ở chân trời, một dãy núi xanh lơ ôm lấy một bờ biển xa suốt từ đông sang nam. Xa nữa là một ngọn núi lửa cao chót vót đang cuộn cuộn khói trắng. Phía bắc, biển trải rộng mênh mông lấp lánh dưới ánh nắng, thấp thoáng đó đây vài cánh buồm no gió.

Tôi lặng đi trước cảnh non xanh nước biếc không ngờ ấy, miệng lẩm bẩm:

- Đây là nơi nào nhỉ?

- Chẳng cần biết đây là nơi nào, ta cũng phải mau rời khỏi thôi. – giáo sư hoang mang nhìn quanh, rồi nói – Núi lửa vẫn đang còn ầm ầm phun trào, nóng ghê gớm. Nếu chẳng may bị một tảng đá nào đó văng xuống trúng đầu thì phiền lắm. Mau xuống núi đi! Chú đang là người vì đói và khát đây!

Đúng là giáo sư Lidenbrock không còn lòng dạ nào mà ngắm cảnh. Tôi đành bước theo ông và Hans. Đường xuống dốc đứng. Nhiều chỗ, để tránh những suối dung nham chảy ngoằn ngoèo như những con rắn lửa sáng lòà, chúng tôi bị tụt xuống những hố tro. Suốt dọc đường, tôi nói liên thoảng cố tình vội vỏi bỏ đi những gì đang đầy ắp trong cái đầu giàu tưởng tượng của tôi.

- Chú Lidenbrock, theo chú chúng ta đang ở đâu? Trên bờ biển Ấn Độ hay Malaysia? Mà có đúng chúng ta đã đi được nửa vòng trái đất không?

- Nhưng còn cái la bàn thì sao nhỉ?

- Phải, dĩ nhiên, - tôi bối rối – theo la bàn thì mình tiếp tục đi về phía bắc.

- Như vậy là địa bàn chỉ sai rồi!

- Cháu thấy khó hiểu quá!

- Vì nếu vậy đây phải là Bắc cực!

- Đây mà là Bắc cực à? Càng vô lý!

Quả là một bí mật tôi không biết phải suy nghĩ ra sao. Trong lúc đó chúng tôi sắp đến gần rừng cây xanh mát. Đói khát và mệt mỏi khiến tôi nhũn cả người, không buồn cất bước. Cũng may sau hai giờ, chúng tôi tới được một vườn cây sum suê tươi tốt đầy nho chín và ô liu như mời chào tất cả mọi người. Chúng tôi hái bừa cho vào miệng. Cách đó không xa, dưới bóng cây xanh mát, tôi tìm thấy một con suối, và còn gì khoan khoái hơn là được đắm mình trong suối mát đang chảy êm đềm trên thảm cỏ dưới bóng cây.

Bỗng tôi phát hiện ra một cậu bé thập thò sau những cây ô liu, tôi reo lên:

- A! Có một cậu bé!

Cậu bé có vẻ nghèo khổ, ốm yếu, quần áo rách rưới, tiêu tụy. Chắc thấy chúng tôi quần áo tã tời, râu tóc bù xù trông thiếu náo quá, cậu kinh hãi bỏ chạy. Song chưa được mấy bước, cậu đã bị Hans đuổi kịp. Mặc cho cậu bé ra sức la hét, đấm đá, Hans vẫn cứ lôi cậu tới chỗ chúng tôi ngồi nghỉ.

Giáo sư cố trấn an cậu bé và nói bằng tiếng Đức:

- Cậu bé ơi, núi này tên gì nhỉ?

Cậu bé im lặng không trả lời.

- Tốt, vậy là mình không phải ở Đức.

Giáo sư lại hỏi bằng tiếng Anh, rồi tiếng Pháp, nhưng cậu bé vẫn không trả lời. Tôi thấy sốt ruột, còn giáo sư Lidenbrock vốn tự hào am hiểu nhiều thứ tiếng nước ngoài, đã thấy hơi nóng mặt. Ông bèn quay qua hỏi cậu bé bằng tiếng Ý:

- Dove noi siamo?

- Này em bé, - tôi nóng ruột nhắc lại – chúng ta đang ở đâu đây?

Cậu bé khốn khổ vẫn câm như hến. Giận quá, giáo sư nắm lấy tai cậu nhéo mạnh, rồi quát thật to:

- Cháu không biết trả lời khi có người hỏi à?

- Come si noma questa isola?

- Stromboli!

Vừa dứt lời, cậu bé người Ý đã vùng thoát khỏi tay của Hans, băng qua những hàng cây ô liu, rồi biến mất tăm trong cánh đồng cỏ. Chúng tôi cũng quên ngay cậu bé còm nhom ấy.

Stromboli! Ai có thể ngờ được rằng chúng tôi vừa bắn ra từ miệng núi lửa trên đảo nhỏ Stromboli giữa Địa Trung Hải.

- Stromboli! – tôi lập đi lập lại.

Chú tôi cũng lẩm bầm cái tên đó. Ôi, một chuyến đi tuyệt vời! Một chuyến đi kỳ lạ! Chúng tôi tụt xuống một miệng núi lửa và leo lên qua một miệng núi lửa khác ở cách một ngàn hai trăm dặm, từ biệt xứ sở của sương mù và băng giá để tới một vùng non xanh nước biếc chan hòa ánh nắng, chui xuống lòng đất Iceland để rồi nhìn thấy bầu trời nước Ý.

Sau bữa ăn ngon lành với trái cây và nước suối, chúng tôi lên đường tới cảng

Stromboli. Chúng tôi nhất trí không cho người dân địa phương biết chúng tôi đến đây bằng cách nào.

Dọc đường, giáo sư Lidenbrock cứ thắc mắc mãi về chuyện cái địa bàn, không hiểu sao nơi đáng lẽ là phương nam nó lại chỉ là phương Bắc? Tôi khuyên giáo sư tốt hơn nên bỏ qua chuyện vật ấy, nhưng ông vẫn khẳng định cho rằng một bác học như ông lại không giải thích được một hiện tượng có tính khoa học như vậy thì thật là mất mặt trước giới học giả quốc tế. Đi một lúc lâu, chúng tôi tới cảng San Vincenzo của đảo Stromboli. Giáo sư xiết chặt tay Hans và thanh toán cho anh tiền công của tuần lễ thứ mười. Suốt hơn hai tháng kể từ khi hợp đồng với giáo sư lên đường thám hiểm, đây là lần đầu tiên Hans nắm chặt tay chúng tôi và mỉm cười.

Thế là kết thúc một câu chuyện ít có người nào tin được. Nhưng tôi đã hiểu hết mọi việc và chuẩn bị cho điều đó.

Những ngư dân đảo Stromboli đón tiếp chúng tôi rất tử tế. Tin rằng chúng tôi bị đắm tàu, họ cho chúng tôi quần áo và thức ăn. Ngày 31 tháng tám, một chiếc thuyền nhỏ đưa chúng tôi đến Messine. Ở đây chúng tôi nghỉ vài ngày để dưỡng sức.

Thứ sáu, 4 tháng chín, chúng tôi xuống tàu Volturne của hãng vận tải hoàng gia Pháp. Ba ngày sau, tàu cập bến Marseille. Đường về Hambourg sao quá xa. Ruột gan tôi cứ sôi lên vì những chuyến xe chạy quá chậm, còn giáo sư thì cứ suốt ngày ầm ừ về chuyện địa bàn. Chiều ngày 9 tháng chín, chúng tôi về tới Hambourg.

Tôi không thể diễn tả nổi sự ngạc nhiên của dì Marthe và sự vui mừng của Grauben khi thấy chúng tôi trở về. Grauben rơm rớm nước mắt, nàng mỉm cười ra lệnh:

- Bây giờ anh đã về đây rồi, và anh sẽ chẳng bao giờ được xa em nữa!

Sự trở về của giáo sư Lidenbrock làm náo động cả thành phố Hambourg. Cách đây mấy tháng, khi dì Marthe nói hở chuyện giáo sư đi thám hiểm lòng đất, tin tức lan đi khắp thành phố. Người ta không chịu tin, và khi gặp ông họ lại càng chắc chắn là ông không hề thực hiện một cuộc thám hiểm như thế. Nhưng sự có mặt của Hans ở Hambourg cùng nhiều nguồn tin khác từ Iceland tới khiến dư luận công chúng dần dần ngã về sự thật.

Giáo sư Lidenbrock bỗng trở thành một vĩ nhân, còn tôi với danh nghĩa là cháu của một vĩ nhân cũng không kém phần quan trọng. Hambourg mở tiệc chào mừng chúng tôi. Trong một buổi họp được tổ chức ở viện địa học, giáo sư kể lại cuộc hành trình dưới lòng đất, và tất nhiên ông lờ đi chuyện rắc rối khó hiểu về cái địa bàn. Cũng ngày hôm ấy, chú tôi trao cho sở lưu trữ của thành phố mảnh giấy tư liệu của ông Arne Saknussemm và tỏ ý rất tiếc hoàn cảnh không cho phép ông bám theo dấu chân của nhà khoa học người Iceland này đi tới tận tâm của trái

đất.

Giáo sư càng khiêm tốn bao nhiêu càng nổi tiếng bấy nhiêu. Và càng đạt được nhiều vinh quang lại càng có nhiều kẻ đố kỵ, giáo sư Lidenbrock cũng đang ở trong trường hợp này. Ông vẫn bảo vệ luận điểm “không có lửa ở trung tâm trái đất” và ra sức dùng ngòi bút và tiếng nói của mình ráo riết tranh luận với các nhà bác học trên thế giới. Về phần mình, tôi mãi mãi vẫn tin vào sự tồn tại của nhiệt lượng giữa lòng đất. Nhưng ở một vài trường hợp chưa được xác định, quy luật này có thể thay đổi do tác động của những quy luật tự nhiên.

Giữa lúc những vấn đề ấy đang được tranh cãi mà chưa đi đến một kết luận nào thì Hans đòi về Iceland. Anh đã bắt đầu thấy nhớ quê hương. Giáo sư Lidenbrock cố giữ anh lại, nhưng anh vẫn quyết định rời Hambourg.

“Farval!” Hans chào chúng tôi rồi lên đường đi Reykjavik. Ít lâu sau, chúng tôi nhận được tin anh về đến nhà bình an và sống sung sướng. Chú cháu tôi không bao giờ quên được người bạn đường dũng cảm đã bao lần cứu chúng tôi thoát chết. Tôi nguyện cho đến lúc về già, thế nào cũng phải có dịp tới xóm nhỏ gần chân núi Sneffels thăm anh một lần.

Nhưng giáo sư Lidenbrock không được hưởng chọn vẹn niềm vinh quang của mình. Sự việc khó hiểu về cái địa bàn đã khiến ông mất ăn mất ngủ. Không có gì đau khổ hơn đối với một nhà bác học là không giải thích nổi một hiện tượng mang tính khoa học như thế!

Một hôm, trong khi đang sắp xếp lại các mẫu khoáng vật trong phòng làm việc của giáo sư, bỗng thấy cái địa bàn ấy tôi liền cầm lên xem. Nó nằm ở đó từ sáu tháng nay mà không biết rằng nó đã gây bao nhiêu ưu tư cho vị giáo sư nổi tiếng ở đất cảng Hambourg.

Bất chợt, tôi thấy sững cả người. Tôi lên tiếng gọi giáo sư.

- Có chuyện gì đấy, Axel? – giáo sư hỏi.

- Chú nhìn cái địa bàn này xem!

- Cái địa bàn sao hả?

- Kim của nó chỉ hướng nam thay vì phải chỉ về hướng bắc. Nó đã đảo cực.

- Sao? Đảo cực à? Có nghĩa là khi chúng ta vượt biển, cái địa bàn này đã chỉ hướng nam chứ không phải hướng bắc.

- Đúng vậy!

- Điều đó đã giải thích sai lầm của chúng ta. Nhưng hiện tượng nào đã khiến kim nam châm đảo cực nhỉ?

- Cháu biết rồi chú ạ!

- Cháu nói xem nào, Axel!

- Trong cơn bão trên biển, viên sét hòn đã làm nhiễm từ hết các vật dụng bằng sắt thép. Kim nam châm của địa bàn cũng bị ảnh hưởng, do đó có hiện tượng đảo cực.

- À! Thì ra là như vậy! – giáo sư kêu lên và phá ra cười. – Điện từ đã đánh lừa mình.

Kể từ hôm ấy, giáo sư là người hạnh phúc nhất trong giới bác học. Còn tôi cũng có hạnh phúc của riêng mình. Grauben, cô gái xinh đẹp xứ Virland đã dọn tới ở chung trong căn nhà trên đường Konigstrasse với tư cách là vợ người cháu của chủ nhà. Tôi cũng không cần thiết phải nói thêm rằng chú của tôi là giáo sư Otto Lidenbrock bây giờ là viện sĩ của hầu hết những hội khoa học, hội vật lý học và hội khoáng vật học ở khắp năm châu của hành tinh này.

Hết.